

15 THÁNG 11 NĂM 1967

BACH KHOA

T H Ờ I - Đ A I

năm mười một

VIỆT PHƯƠNG hai năm sau cuộc cách mạng văn hóa ở
Trung-hoa lục địa * NGUYỄN HIỂN LÊ André Maurois,
nửa thế kỷ để xây dựng một kim tự tháp * ĐOÀN THÊM
những ngày chưa quên : một đường hai ngã * NGUYỄN
PHƯƠNG thiếu thời Đình-Bộ-Lĩnh * PHẠM TRỌNG
NHÂN lá thư Cambridge * NGUYỄN HIỂN LÊ thư ngỏ
gửi một thanh niên : Viết văn (dịch ANDRÉ MAUROIS) *
TỪ TRÌ năm mươi năm sau cách mạng tháng 10 tại Nga
Sô * TRẦN QUÍ SÁCH ma lính * VÕ HỒNG gió cuốn *
ĐỖ TIẾN ĐỨC má hồng * BÁCH KHOA THỜI ĐẠI đọc
sách giúp bạn * CHU VƯƠNG MIỆN tình tự * TRẦN
TUỆ MAI đời thông sơn tây **SINH HOẠT** thám hiểm
kim-tinh * thời sự văn nghệ *
kỷ niệm đệ nhị chu niên
thành lập đoàn nguồn sống

261

Trong Gia-đình êm-ấm
Hay trên đường xa
khát mệt

Chỉ có



NƯỚC-NGỌT "CON-CỌP"



Chai "HÒA TIỀN"!

B Á C H

K H O A T H Ò I - Đ A I

Số 261 ngày 15-11-1967

VIỆT PHƯƠNG hai năm sau cuộc cách-mạng văn-hóa ở Trung-hoa lục-địa	3
NGUYỄN HIẾN LÊ <i>André Maurois</i> , nửa thế-kỷ để xây-dựng một kim-tự-tháp	8
ĐOÀN THÊM những ngày chưa quên : một đường hai ngã	17
PHẠM TRỌNG NHÂN nếp sống nước người : lá thư Cambridge	27
NGUYỄN PHƯƠNG thiếu thời Đình-Bộ-Lĩnh	33
NGUYỄN HIẾN LÊ thư ngỏ gửi một thanh niên về cách dẫn đạo đời sống : <i>Viết văn</i> (dịch ANDRÉ MAUROIS)	41
TRẦN QUÍ SÁCH ma lính (truyện ngắn)	45
VÕ HỒNG gió cuốn (truyện dài)	51
TỪ TRÌ năm mươi năm sau cách-mạng tháng 10 tại Nga-sô	59
ĐỖ TIẾN ĐỨC má hồng (truyện dài)	63
CHU VƯƠNG MIỆN tình tự (thơ)	67
TRẦN TUỆ MAI đời thông Sơn tây (thơ)	68
BÁCH KHOA THỜI ĐẠI đọc sách giúp bạn : Ra tòa oan hay ưng ; (Bùi đình Tuyên) ; Nghĩ gì (Trần trọng Phủ) ; Hòa bình cho con người (Trương đình Hòe, Trương bá Cần, Nguyễn hồ Đình) ; Diễm Cung (Hà Thủy) ; Việt Nam, quê hương yêu dấu (Cao Đàm, Cao Lĩnh).	70
HỒ MINH DŨNG sân khấu (thơ)	75
MẠC LY CHÂU 20 năm đất nước tôi đạo vợ bom cày (thơ)	76
SINH HOẠT :	
NGỌC VÂN thám hiểm Kim tinh	77
TRĂNG THIÊN thời sự văn nghệ	78
NGÊ BÁ LÍ kỉ niệm đệ nhị chu niên thành lập đoàn Nguồn-Sống	81

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU
Tòa-soạn :
160 Phan Đình Phùng Saigon

In tại nhà in TƯƠNG-LAI
133 Võ Tánh Saigon
GIÁ : 25\$ Công sở : Giá gấp đôi

HỘP THƯ

Bách Khoa đã nhận được những bài sau đây :

Vô tình ; nói với tình ; Hạnh ngộ ;
Trong một đêm nào (Nguyễn Bạch Dương) — Bài thơ du đãng, Khi tôi lớn, Bây giờ là hoàng hôn. Vãn ly ngày cũ (Lê thanh Xuân) — Tiếng nói của chim và của dế (Hải bằng) — Hoa hồng bất động (Nguyên Hà) — Tưởng vọng, Phù vân, (Nguyễn thái Hòa) — Phạm Thái Quỳnh Như, Áo tưởng (Chu vương Miện) — Tìm em, Chia ly, (Thủy Triều) — Một vài nhận xét về nhà văn Lỗ Tấn (Mai chương Đức) — Nhập cuộc, Lời ngựa bạch (Vương Thi) — Tượng đá vùng biển xanh (Võ cao Trúc) — Mười hai (N. T. Lê Dung) — Lần tiễn em (Trần thúc Truyền) — Vẫn đời đời hoài vọng, Cho con (Duy Năng) — Thị thành. Anh ngàn Lãng, Bài thành, Trọ, Bại, Không (Anh lương Đỗ) — Quê hương; Nhận điện (Nguyễn ngô Trang Ngọc) — Độc thoại (Tân Thi) — Xin cho tôi (Trần Yên Du) — Mùa lúa chín (Thiện Thư) — Vết hằn thân phận (Như Tùng) — Luân ca (Linh nhân) — Con đường vĩnh cửu (Nguyễn kim Phụng) — Tự thuật của một nữ văn sĩ (An quốc Minh) —

Xin trân trọng cảm ơn các bạn.

Tất cả những bài trên đây nếu bài nào qua bốn kỳ Bách Khoa mà vẫn chưa đăng (trừ THƠ và trường hợp có thư riêng) thì các bạn coi như là không đăng được mà thông cảm cho. Đa tạ.

— *Ô. Nguyễn đức Cung (Hội An).* — Chúng tôi đã nhận được bài « sử học trong học đường và trong xã hội » và rất cảm ơn mỹ ý của ông. Chúng tôi sẽ có thư riêng đề hội ý với ông về một vài điểm trước khi đăng bài trên đây.

— *Ô. Phan như Thức.* — (Quảng Ngãi). Đã nhận được « Ngọn mưa từ chân tóc » và sẽ có thư riêng (lần này thế nào cũng có) sau khi đọc xong. Thư gửi cho P.N.T. hay N.V.M. và đề về Võ Tánh Q. N. hay KBC ?

— *Ô. Tạ chí Đại Trường.* — Đã nhận được bài về Tây Sơn và rất cảm ơn ông. Sẽ có thư riêng. Xin ông gửi cho bản lược đồ Phồ hê Tây Sơn khác. Bản đính ở sau bài chữ mờ quá, đọc không rõ.

— *Ô. Hồ vinh Nguyên. (Phú-Thọ)* — Các số báo ông hỏi trong thư, xin ông cứ lại mua tại tòa soạn (160 Phan đình Phùng Saigon) hiện còn đủ — Tạp-chí văn-hóa, nói trong cuốn sách đó ông nên viết thư hỏi bằng tác giả thì hơn.

— Nhà văn ông hỏi thăm có thể trở lại với bạn đọc trước cuối năm này.

CÙNG QUÍ BẠN GỬI BÀI

Năm nay Bách Khoa số kỷ-niệm 11 năm cũng là số Tết Mậu Thân. Vây mong quý bạn có những bài về Xuân về Tết, hoặc có những sáng tác nào đặc ý nhất, xin gửi về Tòa soạn Bách-Khoa (160 Phan đình Phùng Saigon) trước ngày 30-11-67 để chúng tôi tiện sắp xếp, Trân trọng cảm ơn quý bạn.

Tòa soạn BÁCH-KHOA THỜI ĐẠI

Hai năm sau cuộc cách-mạng văn-hóa ở Trung-hoa lục-địa

Cuộc cách-mạng văn-hóa ở Trung-Hoa lục-địa, sau hai năm phát triển sôi nổi và gay gắt với những đạo vệ-binh đỏ hoành hành khắp nơi, với những tấm bích-chương khổng lồ dán chằng chịt trên những cái gì có thể dán được ở khắp các đô-thị, nay bỗng nhiên trở nên lặng lẽ.

Thành phố Quảng-Châu (thủ phủ tỉnh Quảng-Đông) vừa mới hôm qua còn rộn rã tiếng súng liên thanh, nay bỗng đứng trở lại bầu không khí yên tĩnh của một hải-cảng miền Nam. Người ta lại thấy những cặp nhân tình đi dạo mát bên bờ sông Châu-giang. Nhà ga chính lại mở cửa bán vé. Các tổp lính đang đi gỡ những bích chương dán trên tường các công thự. Những toán lao công đang quét dọn và đánh bóng những trụ trên cầu Hội-Chu trông xuống khu hội chợ. Hội chợ năm nay sẽ khai mạc ngày 15-11, chậm hơn thường lệ một tháng. Những dấu vết của các lộn xộn trong những ngày qua dần dần biến hết. Người ta có cảm giác như là chính phủ vẫn còn nắm vững tình thế và khi nào muốn ngưng những cuộc chém giết là ngưng được ngay.

Ở Bắc-kinh, kỷ-niệm lần thứ 18 ngày thành lập nước Cộng - hòa nhân-dân Trung-Hoa được tổ chức trong một bầu

không khí yên-tĩnh và trang-nghiêm với hàng triệu người diễn-hành ở công-trường Thiên-an-môn trong vòng kỷ-luật và trật-tự trái hẳn với những cuộc biểu-tình hung hăng, hỗn độn trước kia. Ở đây cũng vậy, một đạo quân quét dọn đã tẩy sạch trong một đêm tất cả bích chương dán la liệt khắp nơi, những toán vệ-binh đỏ đi diễn-hành đều không mang những băng vải ở cánh tay, tượng trưng cho quá khích và bạo động.

Một cái gì đã trôi qua cuộc Cách-mạng văn-hóa Trung-Cộng? Chủ tọa lễ Quốc-khánh 1-10, chủ-tịch Mao-trạch-Đông có vẻ tươi cười và khỏe mạnh, một sức khỏe, theo Tân-Hoa-Xã, rất cần thiết cho dân tộc Trung-Hoa và cho cả thế giới nữa. (người Tàu vốn ưa lối đại-ngôn !) Đứng cạnh Mao, trên khán đài, người ta thấy các nhân vật chính như thống chế Lâm-Bưu, Tổng tư-lệnh quân đội và người thừa kế của Mao, thủ tướng Châu-ân-Lai, vốn vững vàng như bàn thạch, ngoại trưởng Trần-Nghị, đã có hồi lung lay, người ta lại còn thấy một số nhân vật được phục hồi như lão tướng Chu-Đức. Nhưng có hai người vắng mặt đáng kể nhất là chủ tịch Lưu-thiếu-Kỳ và Tổng-bí-thư Đặng-Tiểu-Binh.

Trong ngày 1-10 đó này, người ta

hấy vắng mặt hầu hết các bạn đường cũ của Mao. Trong số 17 nhân viên của chính-trị-bộ thì 13 người đã bị khai trừ. Trong số sáu lãnh-tự đảng ở địa phương thì một đã chết và bốn bị thanh trừng. Trong số 13 ủy-viên thường-vụ đảng, trừ một người, còn tất cả đều là nạn nhân của cuộc Cách-mạng Văn-hóa. Trong số các thống chế của giải-phóng-quân Trung-Hoa chỉ còn có Lâm-Bưu là tại chức.

Tuy nhiên, chưa có ai phải chịu chung số phận của Kamenev và Zinoviev (các đồng chí, cộng sự viên của Staline, bị Staline giết). Theo nữ ký-giả Mỹ, thân cộng, Anne Louise Stròng thì nhóm các lãnh tụ theo con đường tư-bản chủ-nghĩa, tuy bị gạt ra ngoài nhưng vẫn tiếp tục lãnh lương và sống một đời sống bình thường.

Nếu mục đích của cuộc Cách-mạng Văn-hóa chỉ là để gạt bỏ một số người chống lại đường lối của Mao thì việc đó có thể tạm gọi như là đã xong. Mao có thể yên tâm giải tán 200.000 vệ-binh đỏ, cho họ về nhà đi học. Nước Tàu lại trở lại trật tự. Chính Mao đã đích thân đi quan sát tại miền Hoa - Trung, dọc theo sông Dương-tử trong mấy tuần trước ngày 1-10, thăm các tỉnh Hà-Nam, Hồ-Bắc, Hồ-Nam (quê hương của Mao) Giang-Tây, Triết-Giang và Thượng-Hải. Ngày xưa, một vị hoàng đế Trung-Hoa rời khỏi thủ-đô kinh-lý là một truyện rất hân hựu, chỉ khi nào bọn quan lại cai trị hà khắc đến nỗi dân chúng phải nổi loạn thì nhà vua mới phải đến tại chỗ để an dân. Cuộc du hành lần này của Mao làm cho người ta liên-tưởng tới tình trạng đó, nhất là khoảng đầu năm 1959 khi kết thúc chương trình bước tiến nhảy vọt, Mao cũng đã kinh-lý một lần như vậy, tình trạng Trung-Hoa hồi

đó cũng suýt trở nên hỗn loạn. Cuộc kinh lý của Mao lần này có lẽ cũng đề tỏ cho dân chúng lục địa Trung-Hoa biết là cuộc Cách-mạng Văn-hóa đã được kìm hãm chứ không thả lỏng như xưa để dân chúng an tâm quay về sản-xuất.

Ta nên biết rằng năm nay, ở Trung-Hoa, thời tiết đặc biệt thuận lợi, mùa màng được to, cần phải có nhiều nhân công để gặt hái. Sự thu hoạch năm nay lên tới 180 triệu tấn, tuy nhiên vẫn không đủ cung ứng cho một dân số mỗi ngày một tăng theo nhịp độ 20 triệu một năm. Do đó cần phải có một sự ổn định đủ là tạm thời của tình hình chính trị. Hơn nữa, nền sản xuất công-kỹ-nghệ cũng bị chậm trễ trong thời gian qua vì các cuộc xung đột giữa thợ thuyền và vệ binh đỏ, vì những vụ tự kiểm thảo liên tiếp của các cán-bộ xí-nghiệp và cũng vì giao-thông đình-trệ. Cần phải đẩy mạnh sản xuất công kỹ-nghệ để sớm ổn-định kinh tế, kịp thời ứng phó với tình thế và cung ứng cho cuộc chiến tranh Việt Nam đòi hỏi mỗi ngày một nhiều.

Vì thế mà ngày nay, khắp nơi trên đất Trung-Hoa, người ta khuyên dân nên đọc kỹ bài diễn văn của Giang-Thanh, vợ Mac-trạch-Đông, một nhân-vật cực tả lãnh đạo cuộc Cách mạng Văn-hóa vô sản. Nhân vật quá khích đó ngày nay lại kêu gọi bình tĩnh và ôn hòa. Bà nói: «Xuống đường là một sự sai lầm. Năm ngoái làm như thế là đúng, nhưng bây giờ đã đến lúc cần phải ngồi xuống, vận-dụng trí-óc để học tập». Rồi bà lại đả-kích các phần tử chống đối cực tả đã từng đả kích Chu-Ân-Lai và chụp mũ cho họ là phản cách-mạng. Sau cùng bà kết-luận bằng một lời dọa nạt: nếu vệ-binh đỏ không tuân lệnh thì người ta sẽ nổ súng vào họ.

Việc cả Giang-Thanh lẫn Trần-bá-Dạt chịu theo đường lối ôn hòa để cứu Trung-Hoa lục-địa ra khỏi tình-trạng hỗn loạn là một thắng lợi lớn nhất của Chu-Ân-Lai. Vai trò của họ Chu đã vượt hẳn lên trong thời gian gần đây. Chứng cứ là báo chí toàn quốc đã đăng tải nguyên văn bài diễn văn của ông ngày 28-9 hô hào nhân dân nên theo đúng đường lối chiến lược của Mao để thực hiện cuộc đại liên-minh cách-mạng cùng sự thống-nhất chính-trị và tư-tưởng.

Nhưng một việc khiến nhiều người phải ngạc-nhiên là đầu hôm sớm mai, tất cả Trung-Hoa lục địa đã biến đổi từ một tình trạng gần như hoàn toàn hỗn loạn sang một tình trạng tương đối yên tĩnh và ổn-định.

Sở dĩ được như vậy là vì uy-tín của Mao còn rất lớn. Thần tượng Mao Trạch Đông còn được tôn-sùng cả ở trong lẫn ngoài Đảng và nhất là ở quân-đội.

Chính quân-đội đã đóng vai trò trọng tài trong thời gian vừa qua. Tuy ở các nơi như Vũ-Hán, quân đội đã làm mà đứng về phe nổi dậy, nhưng nói chung vì giữ đúng vai trò trọng tài của mình nên quân đội đã tránh được tình trạng hỗn-loạn.

Ở Quảng-Đông, quân đội đã hòa giải 5 tổ chức cách mạng và tránh cho tỉnh này khỏi sa vào biển máu. Vì chủ trương liên minh Quân cán Vệ binh đỏ nên quân đội đã bảo vệ được các nhà máy, thương cảng và đường giao thông. Và khi lệnh của Trung-ương ban ra, quân đội đã thay thế cho Đảng để đem lại trật tự an ninh. Có thể nói là tình trạng tạm thời ổn định ngày nay là do quân đội vẫn trung thành với Mao tạo nên thay thế cho tổ chức Đảng đã bị cuộc cách mạng văn hóa làm cho lung lay đến tận gốc rễ.

Nhưng ta đừng vội tưởng tình trạng tạm thời ổn định này sẽ có thể kéo dài vô hạn định. Một nhà ngoại giao Nhật, ông Kinya Miiseki đã cho rằng tình trạng lắng dịu hiện nay cũng giống như tình-trạng vào mùa thu năm 1966 khi mùa gặt tới và mùa xuân 1967 khi mùa reo mạ tới. Nói như vậy chẳng hóa ra cho rằng các nhà lãnh đạo Trung-Cộng muốn ngưng cuộc cách mạng văn-hóa lúc nào cũng được sao? Những cuộc hỗn loạn vừa qua khiến người ta có cảm tưởng là cả phe thân Mao lẫn phe chống Mao đều không kiểm soát nổi tình thế. Có lẽ vì ý thức kịp thời sự phiêu lưu nguy hiểm của việc phóng tay phát-động phong-trào-vệ-binh-đỏ nên cả hai phe đã ngầm thoả thuận chặn đứng phong-trào này để cứu vãn nền kinh tế Trung-Cộng đang suy sụp. Sở dĩ họ làm được là vì, như trên đã nói, có quân đội đóng vai trò chủ chốt, hòa giải. Hơn nữa, các cán bộ Đảng dù thuộc phe nào cũng thấy rõ những lộng hành tai hại của vệ-binh đỏ, nguyên nhân mọi xáo trộn kinh tế cũng như chính trị.

Nhìn trên bản đồ ta thấy phe Mao chỉ kiểm soát chặt chẽ được có 5 tỉnh là Sơn Đông, Sơn Tây, Thanh Hải, Quế Châu, Hắc Long Giang ở sát biên thùỵ Xô viết và một phần tỉnh Hà Bắc quanh thủ đô Bắc Kinh. Tuy nhiên tất cả miền Hoa Trung gồm các tỉnh Tứ Xuyên, Hà Nam, Hồ Bắc, Hồ Nam, An Huy, Triết Giang, Quảng Tây và các tỉnh Nội Mông vẫn còn trung thành với Mao. Phe chống Mao kiểm soát các tỉnh Tân Cương, Cam Túc, Thiểm Tây, Ninh Hạ, Cáp nhĩ Tân (thuộc Mãn-Châu) một phần lớn tỉnh Hà Bắc, Giang Tô và Thượng Hải nghĩa là khu vực Tây-Bắc và Bắc Trung-Hoa cùng khu vực duyên hải phía Đông những nơi có kỹ nghệ và thành phố lớn.



Bản đồ các tỉnh ở Trung-Hoa lục-địa chịu sự kiểm soát của phe thân Mao, phe chống Mao và của quân đội

Khu vực Tây Bắc lại còn là nơi sản xuất vũ khí nguyên tử của Trung-Cộng.

Tất cả vùng Hoa Nam từ Tây Tang đến Phúc Kiến đều do quân đội làm chủ tình thế, mà quân đội nói chung thì vẫn trung thành với Mao. Nói chung, phe Mao vẫn còn kiểm soát được đa số các tỉnh Trung Hoa mặc dầu tại các tỉnh này cũng có nhiều điểm nóng, có xảy ra xung đột vũ-trang như Vũ-Hán, Quảng-Châu, Thành-Đô (Tứ-Xuyên), Côn-Minh (Vân-Nam), Phụng-Thiên (Mãn-Châu). Những khu vực chống Mao mạnh nhất là những thành-phố lớn và các khu kỹ-nghệ Hiện nay Trung-Cộng đang dàn 60 sư-đoàn dọc biên-thùy phía Bắc đối diện với 40 sư đoàn số viết, phải chăng là để hướng mũi dùi ra ngoài và thanh toán luôn thể lực-lượng đối lập còn vững mạnh ở vùng Tây-Bắc.

Trước tình trạng đó, người ta cho rằng sự lắng dịu hiện tại chỉ tính cách

tạm thời. Phe thân Mao sẽ lợi dụng thời cơ này để sửa soạn những cuộc tấn công mới. Phe chống Mao ở trong một tình trạng khó khăn hơn vì vẫn không dám ra mặt chống đối cá nhân Mao, vẫn được dân chúng tôn sùng như một vị thánh sống. Hơn nữa các lãnh tụ quan trọng chống Mao như Lưu-Thiếu-Kỳ, Đặng-Tiểu-Bình, Bành-Chân, Hạ Long, Bành-Đức-Hoài đều ở trong tay Mao. Họ không dám công khai dựa vào Ngz-sô vì làm như vậy ngoài danh từ "xét lại" họ sẽ còn bị gán thêm danh từ "phản quốc", "vọng ngoại" và mất hết tín nhiệm của quần chúng.

Đường lối ôn hòa của Chu-ân-Lai đã thành công có lẽ vì phe thân Mao đã nắm chắc phần thắng nên mới thuận đề cho rút vệ-binh đỏ về học tập, quân đội sẽ giữ nhiệm vụ trấn chỉnh lại các cơ sở sản-xuất và khai trừ những phần tử phản động còn sót lại. Đài Bắc-Kinh

luôn luôn loan báo những vụ xử tử các phần-tử phản cách-mạng. Đã có 17 người bị xử như vậy chưa kể hàng vạn người khác ngã gục dưới bàn tay của bọn vệ binh đỏ.

Hiện nay bọn này quay về địa phương làm công việc giáo dục dân để tiếp tục hoàn thành cuộc cách-mạng văn-hóa vô sản theo một chiều hướng khác. Nhưng biết đâu một ngày kia lại chẳng có dịp cho họ xuống đường một lần nữa.

Trong một cuộc tiếp tân phái đoàn chính-phủ Albanie (triệt đề ủng-hộ Trung-Cộng) Chu ân Lai tuyên bố là tình hình Trung-Hoa chưa lúc nào tốt như lúc này và phe chống Mao sẽ bị tiêu diệt.

Lời tuyên bố đó cho ta thấy họ Chu, một nhà cách mạng khét tiếng là mềm dẻo và nhiều kinh nghiệm, đã đứng hẳn về phe Mao vì ông tin chắc là phe này sẽ thắng. Ông đã thành công trong việc thuyết phục những nhân vật quá khích của cuộc

cách-mạng văn-hóa nên dùng đường lối ôn hòa, tránh đổ máu mà vẫn đạt được kết quả mong muốn.

Tuy nhiên tình hình Trung-Hoa vẫn còn nhiều bí ẩn và còn dành cho ta nhiều mới lạ kỳ thú. Số phận của Lưu Thiếu Kỳ sẽ ra sao, hiện nay cũng chưa ai biết được. Một khi Mao chết đi, ai sẽ kế vị ông, có chắc chắn là Lâm Bưu không? Điều đó cũng chưa thể biết được. Địa-vị của Chu ân Lai đang lên, có còn lên nữa không? Giang-Thanh sẽ đóng vai trò gì trong tương lai cũng như Trần Bá Đạt, một ngôi sao đang lên của cuộc cách-mạng văn-hóa? Những bí ẩn của Trung-Cộng thực ra cũng rất quan trọng đến vận mệnh của nước ta Sự rối loạn hay ổn định của kẻ láng giềng khổng lồ phương Bắc sẽ ảnh hưởng rất lớn đến tình-trạng hòa hay chiến trên mảnh đất chữ S đau thương này.

V. P.

sorbitol delalande



BỔ DƯỠNG GAN MẬT ĐIỀU HÒA TIÊU HÓA

khiến mọi người vui vẻ yêu đời

VIÊN BÀO CHẾ DELALANDE PHÁP QUỐC
Có bán tại các nhà thuốc tây

KN 915 BYT. QCDP - 23-7-64

André MAUROIS

nửa thế - kỷ để xây một kim - tự - tháp



● NGUYỄN HIỂN LÊ

« Đối với một người đã chơi một
canh bạc lớn thì sự rút lui về nghỉ ngơi
là một điều gần như chịu không nổi.
Người đó đã ghiền một thứ là hoạt
động, không thể tầy độc được nữa »

André Maurois.

(Xin xem BK. TĐ. từ số 260)

Trong thế chiến thứ nhì

Nhưng tại sao năm 1918 ông lại lựa
những âm thanh buồn buồn Maurois để
làm bút hiệu ? Có như báo trước một cái
gì chăng ? Năm 1938 ông vào Hàn Lâm
Viện thì năm sau Hitler làm cho cả Tây
Âu điên đảo. Mặc dầu đã cao niên, ông
vẫn xin tòng chinh và khó khăn lắm mới
được toại nguyện. Lần này ông đeo lon
Đại úy, muốn lại được chiến đấu trong
quân đội Anh để kiểm tài liệu viết
cuốn *vingt ans après* (Hai chục năm
sau) phân tích tâm lý, tư tưởng của hạng
cháu nội Đại tá Bramble, nhưng chưa
thực hiện được mộng đó thì ông bị đưa
vào đất Bỉ, rồi rút về Paris sau cùng
phái sang Londres để trình bày tình cảnh
bi thảm của Pháp cho dân Anh hay. Ngày
ký hiệp định đình chiến, ông ngã xuống
giường mà khóc nức nở, đau khổ cho
nước và lo lắng cho nhà.

Ít lâu sau ông qua Mỹ, và gặp lại bà
cũng may mắn thoát qua được Gia Nã
Đại. Hai ông bà dắt nhau qua New-York
tới nơi chỉ còn có ba Mỹ kim. Chép lại
chuyện đó, ông bảo : anh chàng thợ giày
trong truyện Ngàn lẻ một đêm được làm
vua bây giờ lại trở thành thợ giày như
cũ. Và ông mượn câu này của Sygne để
tự an ủi : « Bây giờ đây, mình ngồi ở chỗ
thấp nhất, không còn sợ bị truất phế
nữa. » Trong cảnh đau khổ ông đã tìm
thấy Lão Tử,

Ở Mỹ tất nhiên ông được trọng
dụng : đi khắp nước diễn thuyết, vận
động cho tổ quốc, viết hồi ký : tập
Mémoires (mới được một phần) và soạn
cuốn *Histoire des Etats Unis*, rồi cuốn
Histoire de la France để giúp hai dân tộc
hiếu nhau.

Năm 1942, Mỹ đổ bộ ở Bắc Phi, ông
lại xin tòng quân, gặp Saint Exupéry,

qua Tunisie, Maroc, đảo Corse, Ý Đại Lợi. Pháp được giải phóng rồi, ông trở về nước : mẫu thân ông đã bị quân Đức bắt giam rồi mất (phụ thân đã thất lộc từ trước), nhà cửa tan hoang : sách vở của ông mất gần hết. Nhưng ông mừng rằng độc giả vẫn giữ thiện cảm với ông, sách ông vẫn được tái bản, và cái công việc gây dựng lại cơ đồ cũng không khó.

oOo

Học để viết, viết để học

Ông thấy trên vền trời văn học xuất hiện nhiều ngôi sao mới rực rỡ : Sartre, Camus, Aragon, Eluard... Ông lại rất tò mò tìm hiểu phong trào tiểu-thuyết mới của Alain-Robbe-Grillet, Michel Butor, Nathalie Sarraute... Ông rất đổi ngạc nhiên : trải hần kỹ thuật của Balzac, Stendhal, Tolstoi, Tourgneniev... Trong những tiểu thuyết mới đó, lạ chưa, đồ vật lại chiếm nhiều chỗ hơn con người. Không bố cục nữa, không được phép kể chuyện nữa, càng lộn xộn thì lại càng là tả chân, càng tối tăm thì lại càng là có nghệ thuật. Ông nhận rằng họ cũng có tài nhưng cái thuyết của họ thì ông còn ngờ lắm : tối tăm chưa nhất định là sâu sắc, mà mới mẻ không nên lắm lẫn với lỗ bịch. Và ông vẫn theo kỹ-thuật cũ của ông.

Hồi này ông trên sáu chục tuổi mà làm việc vẫn hăng, mùa thu mùa đông ở Neuilly sur Seine, mùa Xuân và mùa hè về Périgord. Nhạc phụ ông mất để lại cho vợ ông trăm rưỡi mẫu đất, mới đầu ông làm chỗ nuôi bò và nuôi heo, thất bại — «tiền bán sách của tôi trong mười năm chỉ đủ cho bò và heo ăn».

— Sau ông trồng bôm thành công. Ta cứ tưởng tượng trăm rưỡi mẫu xoài ở Thủ Đức ! Vậy mà Maurois vẫn còn lãnh

«com măng» Ông thực là một người tốt.

Ngày nào cũng tám giờ sáng ông ngồi vào bàn viết cho tới khi chuông kêu báo tới giờ ăn cơm, Ông bảo : «Cứ viết đi rồi sẽ thấy hứng. Mới đầu tôi đâu có muốn viết tiểu sử Fleming; nhưng khi đã viết thì thấy mê.... Luôn luôn có sự ngẫu nhiên trong việc lựa đề-tài,.. Voltaire đã viết những truyện ngắn để cho nữ công tước Du Maine đọc chơi, vậy mà những truyện đó lại là phần quý nhất trong sự nghiệp của ông... Valéry mong người ta «com măng» mình viết... Tôi cũng đã nhận nhiều «com măng»... Nhưng cuốn nào tôi ngần viết, viết không ra thì không chịu lời nó như lời một cục sắt tròn như tội nhân.... Trong học tủ tôi có nhiều tiểu thuyết bỏ dở... Vì tôi cảm thấy nó tồi...»

Buổi sáng nào ông cũng tự bắt buộc ông làm một bài «tác văn», Còn buổi chiều thì ông tiếp khách, đi thăm bạn, kiểm tài liệu, hoặc sửa soạn diễn văn,... Điều điều như vậy ; mười năm cuối đời ông, không có nghỉ hè nữa. Nghỉ hè, về Périgord, ông viết nhiều hơn hết. Ông khuyên chúng ta :

«Nhiều người phàn nàn rằng đời người ngắn ngủi, nhưng họ có sống được tám giờ một ngày không ? (....) Thử nghĩ một nhà văn mỗi ngày viết hai trang thôi thì tới cuối cuộc đời dài, lưu được một số lượng — không nói tới phẩm — có kém gì Balzac hay Voltaire không.»

Nhưng khi đã ngồi vào bàn viết thì không được để cho ai tới phá mình mới được. Bên Pháp người ta cũng có thể a ! Phải viết một hơi đề cho khỏi mất cái đà.

Nhất là phải viết kỹ-luỡng cả về nội dung lẫn hình thức. Văn ông bình dị cô đọng, sáng sủa là ông ít dùng hình dung từ, nhưng đã dùng thì thật chính xác; ông tránh những lý luận trừu tượng

luôn luôn đưa ra những thí dụ cụ thể, nhất là nhiều kinh nghiệm bản thân.

Về nội-dung, ông chịu tốn công tra cứu, học hỏi khi viết tiểu luận, tiểu sử ngay cả khi viết truyện nữa.

Ba bộ sử của ông: *Histoire d'Angleterre*, *Histoire des Etats Unis*, *Histoire de la France* không phải là những tác phẩm nghiên cứu, chỉ có mục đích phổ thông kiến thức, nhưng ông đã phải đọc rất nhiều rồi làm một công việc tổng hợp để « tìm ra bộ mặt vĩnh cửu của mỗi dân tộc, nắm lấy được cái bất biến dưới cái thường biến »

Nhất là các bộ tiểu sử của ông càng đòi hỏi nhiều công phu hơn nữa. Khi viết về đời một nhà nào, ông đọc hết những sách đã viết về nhà đó, hết thấy những tác phẩm của nhà đó, tất cả những thư từ nhà đó trao đổi với bà con, bạn bè, cả những thư chưa hề công bố, tìm hiểu thêm quê hương, thời đại của nhà đó, có khi lại phải học thêm một môn để biết công việc của nhà đó nữa, tức như trường hợp viết tiểu sử bác sĩ Fleming, người đã phát minh ra thuốc Penécilline.

Bà Fleming muốn kiếm một người viết tiểu sử cho chồng mà không chịu nhờ một văn sĩ Anh, nhất định nhờ Maurois, « nhà viết tiểu sử có tài nhất Châu Âu, » như bà nói. Vì nề tình hay vì muốn thử tài mình, Maurois nhận lời sau nhiều lần từ chối, nhưng đặt điều kiện là phải kiếm cho ông một bác sĩ đã phụ tá Fleming để chỉ cho ông hiểu về vi trùng học, về công việc nghiên cứu y học. May sao bà Fleming kiếm được bác sĩ Albert Delaunay, một độc giả trung thành của Maurois và bác sĩ vui vẻ tới nhà Maurois ở Périgord giảng riêng cho ông về sinh lý học, vi

trùng học, các kháng thể, các chất trụ sinh...

Khi viết truyện quái dị *Le peseur d'âmes* (Người cân linh hồn) đề cho tình tiết có tính cách thực, ông xin được vào coi phòng ướp xác chết trong bệnh viện, rồi lại thăm một nhà vật lý học Jean Perrin, nhờ chỉ cho phải thí nghiệm ra sao nếu muốn biết linh hồn có một trọng lượng nào không. Perrin vạch cho ông một kế hoạch thí nghiệm và vẽ cho ông cả những dụng cụ cần thiết nữa. Nhờ vậy mà truyện có vẻ rất hữu lý tới nỗi nhiều độc giả tưởng là có thực. Một hôm ông nhận được một bức điện tín của một nữ sinh viên bên Mỹ. « Thí nghiệm Cân linh hồn có thực không? Vị ôn phu của tôi và tôi ở trong tình trạng tuyệt vọng. Giải pháp là chúng tôi cùng chết trong điều kiện ông chỉ. » Maurois hoảng hốt, vội vàng đánh điện đáp :

« Đừng. Truyện hoàn toàn tưởng tượng. » Và ông còn để trong phòng viết một bóng bằng thủy tinh phát chất huỳnh quang, làm cho khách khứa tới trở mắt ra nhìn, nửa sợ sệt, nửa kinh cần, tưởng rằng ông đã thử cân linh hồn thật.

oOo

Không thành Balzac thì thành sử-gia của Balzac.

Từ khi tổ quốc được giải phóng, ông được sống một đời yên ổn, sáng tác rất đều đều. Hồi này ông đã trên sáu mươi tuổi, người khác thì nghĩ đến chuyện nghỉ, ông thì lại cho là lúc làm việc đặc lực hơn hết.

Ông đã bỏ cái mộng làm Balzac rồi, mà thầy học ông, Alain cũng già quá rồi. Để trả ơn thầy Maurois viết cuốn *Alain*, giới thiệu triết lý của thầy, đưa thầy coi. Alain khen. Năm sau (1951) Alain mất, thọ 83 tuổi.

Ông vẫn còn viết được vài cuốn tiểu thuyết :

Terre promise (1946) bàn về tình chăn gối.

Les roses de Septembre (1956) tả mối tình xẽ chiều

ba tập truyện ngắn :

Toujours l'inattendu arrive (1946)

Les mondes impossibles (1947)

Le diner sous les marronniers (1951)

nhưng hoạt động chính của ông là viết tiểu luận, biên khảo, du ký mà dưới đây tôi chỉ kể ít cuốn :

Journal d'un tour en Amérique latine (1948)

Rouen dévasté (1948)

Les nouveaux discours du Du Dr O' Grady (1950)

L'amour en exil (1950)

Ce que je crois (1) (1951)

Cours de bonheur conjugal (1951)

Lettres à l'Inconnue (1956)

Lecture mon doux plaisir (1956)

Dialogue des Vivants (1959)

De Proust à Camus (1963)

Choses nues (1963)

Công trình lớn nhất của ông vẫn là những bộ tiểu sử.

A la recherche de Marcel Proust (1949) : phê bình văn nghệ, cuốn đầu tiên và căn bản đề hiệu nghệ thuật của Proust, tài liệu phần lớn do bà vợ kiểm cho.

Lélia ou la vie de George Sand (1952) vừa là tiểu sử và là nghiên cứu tâm lý.

Olympio ou la vie de Victor Hugo (1954).

Les trois Dumas (1957)

La vie de Sir Alexander Fleming (1959)

Adrienne ou la vie de madame De La Fayette (1961)

Prométhée ou la vie de Balzac. (1962).

Không viết được một bộ *Comédie humaine* cho thế kỷ XX thì Maurois đem

hết tâm trí vẽ lại một phần xã hội thế kỷ XIX và bức họa của ông thực lớn lao. Từ những chân dung chính là Sand, Hugo, cha con Dumas, Bazac, vợ chồng De La Fayette, nét bút của ông phác thêm hàng trăm nhân vật phụ liên hệ tới những vai chủ động, tất cả đều linh động như sống thực, đủ cả đức lẫn tật mà bối cảnh là cả một thời đại có những biến chuyển lớn lao nhất trong lịch sử của Pháp.

Chúng ta như được trông thấy gia đình Balzac ở tỉnh Tours, thấy tính tình và cuốn phim tình ái của Balzac hiện lên lần lần, thấy những cái vinh cái nhục trong nghề viết văn của Balzac. Chúng ta thấy Sand ngồ ngáo, tính tình như đàn ông mà lòng rất đa cảm, rất thương người, rất yêu cháu. Chúng ta thấy Hugo rất nghiêm khắc, chua chát, đa dục, nhất là tự phụ (Maurois khéo lặp đi lặp lại tiếng *ego* (cái ta) mà âm thanh gần như Hugo, để làm nổi bật tánh đó của nhân vật ông), nhưng tâm hồn rất cao cả, thương kẻ nghèo và đã tạo được một cổ đạo rất nhân từ, cổ đạo Myriel. Chúng ta thấy bà La Fayette lặn lội qua Áo vào tù chia cảnh khổ với chồng, rồi bốn ba vận động cho chồng được về nước, suốt đời tận tụy với chồng con mà không được chồng hiểu lòng.

Những bộ tiểu sử đó đọc mê hơn, bổ ích hơn tiểu thuyết và có nghệ thuật không kém những bộ tiểu thuyết hay nhất. Ông đã dùng kỹ thuật « chủ đề » để làm nổi bật những nét chính trong đời một nhân vật. Như trong đời Shelley, chủ đề là một dòng nước : hồi nhỏ Shelley thơ thẩn bên một bờ sông ở Eton, sau lớn lên lênh đênh trong một chiếc thuyền, người vợ thứ nhất chết đuối trong một dòng nước rồi cuối cùng chính Shelley cũng

(1) Tràng Thiên có dịch một phần: *Các trào lưu lớn của tư tưởng hiện đại* (Thời Mới)

chết đuối trong vịnh Spezzia.

Trong cuốn George Sand, chủ đề là căn nhà ở Nohant trong một vườn hoa véo von tiếng họa mi, có những hàng cây cổ thụ, những lối đi trải cát, những dàn hoa uốn tò vò. Cứ mỗi lần George Sand thất tình thì lại trở về đó để tìm nguồn an ủi. Và trong đoạn kết ông khéo tả một buổi kỷ niệm bách chu niên năm mất của Chopin ở Nohant

năm 1949 : đêm xuống, người ta ngồi ở ngoài sân, trong ánh trăng, hưởng hương thơm những bông hồng mà chính George Sand trồng và nghe những điệu nhạc của Chopin, (2) thì thầm, u sầu như những tiếng thờ dài. Và ai nấy đều nhớ lại những nỗi đau khổ của bà hồi sinh tiền. Trong tiếng nhạc như có tiếng của Sand và Chopin nhắc họ nên tin tưởng rằng trên đời này vẫn còn tình âu yếm và cái đẹp. Sự xích mích giữa cặp tình nhân đã dứt từ lâu rồi không ai nhắc tới nữa mà những nghệ phẩm do mối tình gây nên thì vẫn còn hoai với thiên thu.

Sand và Chopin có linh thiêng chắc cũng phải cảm lòng Maurois đã hiểu tâm sự của mình.

Còn đời của Victor Hugo, thì ông kết thúc một cách bi hùng bằng một đoạn tả đám quốc táng long trọng của thi hào đã có thời mong tên mình được dùng để gọi kinh đô của nước Pháp. Xê tang có trên hai chục thi sĩ trẻ tuổi chấp phát đi hai bên và hai triệu người Pháp đi phía sau, từ từ qua những con đường mà đèn phố đều thấp giữa ban ngày và phủ sa đen, còn cột thì đeo những biển sơn tên các tác phẩm : *Les misérables*, *Les feuilles d'automne*, *Les contemplations*, *Quatre vingt treize*, ngừng lại một lúc ở dưới khải hoàn môn rồi tới đền Panthéon trong khi ánh chiều xuân tắt dần, tắt dần... Thực rực rỡ, uy nghi như cả

cuộc đời của thi sĩ !

Viết tiểu sử mà làm cho người đọc vừa xúc động vừa bằng khuâng thì chưa ai hơn ông. Vậy mà cũng có một số người chê rằng ông đã lựa một loại để không cần nhiều tưởng tượng

Chắc ông hơi bực mình nên trong bài *Cinquante ans de vie littéraire* (Năm chục năm viết văn) — *Annales* số tháng giêng 1966, ông trả lời bọn người đó :

«Tôi chủ trương rằng tiểu sử (...) là một loại văn chương rất đẹp. Các bộ sử văn học không nhận được đúng địa vị nó. Một số nhà phê bình (cũng may là không phải hết thảy) chú ý tới những tiểu thuyết nhỏ mới chào đời đã chết, hơn là tới những tiểu sử quan trọng (...) Họ có cảm tưởng rằng tiểu sử là một nghệ phẩm hạng nhì, tài liệu lấy ngay trong đời sống chẳng cần phải sáng tạo.»

Ông cho như vậy là lầm. Do kinh nghiệm ông biết rằng công việc viết tiểu sử (như đời bà *De La Fayette*) không khác gì công việc viết tiểu thuyết (như truyện *Climats*). Đều phải dùng tài liệu, một bên thì trong thư viện, một bên thì trong thiên nhiên ; phần sáng tạo chỉ là lựa chọn trong mớ tài liệu lấy những nét quan trọng nhất rồi sắp đặt lại, diễn tả cho linh động, mà công việc này trong tiểu sử hay tiểu thuyết thì cũng như nhau.

Viết tiểu thuyết có phần còn dễ hơn vì được tự do hơn, có thể dùng hai ba mẫu người để tạo một nhân vật, không bó buộc phải tôn trọng sự thực lịch sử.

Còn như bảo tiểu thuyết đẹp hơn thì có thể đúng đấy, nếu tác giả là Tolstoi, Dickens hay Stendhal. Nhưng một tác phẩm lớn trong loại tiểu sử cũng đáng coi là nghệ phẩm lắm chứ.

Tóm lại bảo vì thiếu tưởng tượng mà viết tiểu sử là sai, mà coi loại tiểu sử

(2) Là một tình nhân của George Sand.

không bằng loại tiểu thuyết là có thành kiến. Công việc nào cũng khó như nhau, loại nào cũng đáng quý cả ; điều quan trọng là phải viết cho hay, và chỉ nên xét tới tài viết của mỗi người thôi. Lời đó đúng, viết tiểu sử ông cũng cần tưởng tượng, nhưng đọc tiểu thuyết ông ai cũng thấy rằng óc tưởng tượng của ông không được dồi dào như Tolstoi, Balzac.

Chính ông cũng tự nhận rằng sức tưởng tượng của ông kém Malraux, Mauriac.

oOo

Bậc chính nhân của thế kỷ XX

Vì sống nhiều, lại nghiên cứu đời của nhiều danh nhân mà Maurois rút được nhiều kinh nghiệm, và muốn truyền lại cho bạn trẻ — và cả già nữa. Do đó ông viết nhiều tập tùy bút, tiểu luận về cách tu thân, xử thế, về nghệ thuật sống, và ông thành một luân lý gia rất gần triết gia Alain.

Bài học quan trọng nhất của ông là *hoạt động*. Nghệ thuật sống của ông là nghệ thuật hoạt động, tổ chức cuộc đời để làm việc. Nghệ thuật không thể tách rời nhân sinh, và nghệ sĩ phải hoạt động vì tư tưởng phải liên hệ với hoạt động. Hoạt động muốn cho đặc lực thì phải tập thể, cho nên ông trọng kỷ luật, tinh thần trách nhiệm, nghệ thuật chỉ huy (*Dialogues sur le commandement*) mà người chỉ huy cần nhất là có nghị lực, (Tôi muốn, vậy là có tôi.)

Suốt đời ông là một tấm gương hăng say làm việc. Chúng ta còn nhớ ông bảo những vụ nghỉ hè của ông là lúc ông làm việc nhiều nhất và hiệu quả nhất.

Năm 1965, nhiều báo chí ở Pháp muốn kỷ niệm ngũ thập chu niên viết văn và lễ thọ bát tuần của ông, mời ông diễn thuyết

hoặc xin phỏng vấn ông. Người ta hỏi ông :

— Cụ có dự định gì không ?

Ông đáp :

— Hỡi ơi ! tôi còn nhiều dự định mà tuổi tôi không cho tôi thực hiện hết được. Trước hết tôi muốn viết một cuốn tiếp cuốn *De Proust à Camus* (3) nhan đề là *De Gide à Sartre* trong đó tôi sẽ nghiên cứu về Giraudoux, Charles Du Bos, Anouilh và Cocteau ; rồi tới cuốn thứ ba nhan đề là *D'Aragon à Montherlant*. Muốn vậy phải đọc rất nhiều, mà tôi có đủ thì giờ không ? Tolstoi, từ hồi sáu chục tuổi, thường ghi trong sổ tay : « Nếu tôi còn sống ... » Vậy tôi sẽ viết những cuốn đó nếu tôi còn sống.

Rồi ông lại muốn viết nối tập *Hồi ký* của ông lúc trước ngừng vào năm 1949. Lạ lùng nhất là lúc này, ông đã bỏ cái mộng thành Balzac để viết tiểu sử Balzac (cuốn Balzac ra đời năm ông tám chục tuổi, đúng như lời tiên đoán của Alain hồi cuốn *Bramble* được hoan nghênh), mà ông vẫn còn muốn viết thêm một tập tân truyện nữa trong số đó ông sẽ kết thúc cuộc đời các nhân vật tiểu thuyết của ông. Cơ hồ như sự nghiệp của Balzac vẫn ám ảnh ông hoài. Những dự định đó không thực thành được hết nhưng trong năm sau, 1966, ông đã xuất bản được hai cuốn mỏng : *Lettre ouverte à un jeune homme* và *Au commencement était l'action*, như đề di ngôn cho thanh niên Pháp, nhắc họ phải hoạt động.

Bài học thứ nhì của ông là *lạc quan*. Người hoạt động nào cũng là người lạc quan vì không lạc quan thì không hoạt động được, không muốn hoạt động nữa. Ông nghĩ như Alain rằng cái thân phận

(3) Trong cuốn này ông phê bình Proust, Bergson, Alain, và vài nhà nữa.

con người như vậy, nếu không rất lạc quan thì nhất định sẽ có đủ lý lẽ để mà bi quan mà bi quan chỉ đưa tới đau khổ, thất bại. Cứ tin rằng mình sẽ té, thì thế nào rồi cũng té. Cứ tin rằng mình không làm được gì thì sẽ chẳng làm được gì cả. Và lại tính bi quan rất dễ lây. Mình nghi ngờ người khác thì người khác cũng lại nghi ngờ mình, sợ sệt thì người bên mình cũng sợ sệt.

Bài học thứ ba, được người phương Đông rất trọng mà người phương Tây lại ít khi nói tới, là bài học về đức trung tín. Nghe ông bảo : « Bạn bè, ái tình, gia đình tổ quốc đều xây dựng trên lòng trung tín », tôi tưởng như nghe lời Đồng Trọng Thư hay một nhà nho nào khác ở đời Hán. Chắc độc giả còn nhớ trong chương đầu cuốn *Lettre ouverte à un jeune homme* ông viết : « Phải trung tín với lời hứa, với hợp đồng, với người khác và với bản thân mình. Chúng ta phải là hạng người không bao giờ làm cho người khác thất vọng về ta. »

Nhiều nhân vật trong tiểu thuyết của ông rất trung thành. như Philippe Marcenat (Climas) trung thành với một kỷ niệm, Bernard Quesnay trung thành với một truyền thống. Trung thành nhất là chính ông. Chưa bao giờ tôi thấy một môn sinh trung thành với sư phụ như Maurois, Nửa đời viết văn ông theo lời khuyên của Alain mà gắng thành một Balzac, suốt đời ông theo triết lý của Alain, ông viết một cuốn về Alain, rồi lại đề cao Alain trong cuốn *De Proust à Camus* nữa, Alain mà ông coi là « bậc sư phụ độc nhất của ông, người mà nhất cử động, nhất ngôn nhất tiểu đều được như ông ước ao ».

Ông cũng mang ơn cựu giáo sư đệ lục người đã cho ông cuốn *Tâm hồn Nga* và khuyến khích ông viết văn.

Trong tình ái ông cũng trọng sự trung tín. Ông bảo « sự thủy chung không trái

với bản tính con người, nó chỉ trái với cái thú tính con người thôi. »

Và sau cùng phải trung tín với mình; nên thực lòng tin là có Chúa thì hãy cầu khẩn, không thì cứ giữ trọn bốn phận con người cũng được rồi ; nếu thực lòng thích tân tiểu thuyết thì hãy nói là thích, chứ đừng xu thời,...

Cái đạo của Maurois không có gì mới: ông dạy ta tôn trọng một số giá trị cổ truyền mà ông cho là vĩnh cửu, nhưng vẫn phải tìm hiểu những giá trị mới để xem nó có thực là những giá trị hay không, Vì vậy mà nhiều người gọi ông là « honnête homme » (chính nhân) của thế kỷ XX và tôi muốn gọi ông là bậc quân tử của phương Tây

Dân tộc nào cũng vậy, cứ vài ba thế hệ lại cần có một nhà luân lý, một nhà đạo đức để dắt dẫn thanh niên, nhắc nhở họ những điều ai cũng biết mà rất ít người chịu thực hành. Những nhà đó không nên làm chính khách, không nên lãnh một chức vụ gì quan trọng trong xã hội ngoài chức giáo sư hay tu sĩ, vì ra thử tưởng tượng nếu Mạnh Tử được làm tướng quốc cho Tề Tuyên Vương mà lại giữ chức được lâu như Quản Trọng thì ông đâu còn thành một á thánh, mà chỉ còn là một chính khách đại tài, hoặc nếu Chu văn An không từ quan về ở ẩn thì người đời sau đâu có thờ ông chung với mười hai môn đệ của Khổng Tử. Maurois như Alain không làm chính khách chính vì chủ trương ấy.

oOo

Đừng bao giờ nghe lời khuyên...

Năm 1930, một chính khách bảo Maurois : « Tôi đã đọc tiểu thuyết mới ra của ông. Hay đấy. Nhưng tôi nghĩ rằng ông là một nhà viết tiểu sử và một nhà luân lý hơn là một nhà viết tiểu thuyết ».

Lời đó lúc ấy đã đúng mà càng về sau càng đúng. Maurois có được bốn năm truyện dài có giá trị, không kém một tiểu thuyết gia hạng nhì nào của Pháp Trừ Bernard Quesnay còn những cuốn kia *Climats*, *Cercle de Famille*, *Instinct du bonheur*, *Roses de Septembre*) đều có cái hương vị lãng mạn nhẹ nhàng của những mối tình muốn được tuyệt đẹp; mà những truyện ngắn quái dị triết lý của ông *Voyage au pays des Articoles*, *Peseur d'âmes* và *Machine à lire les pensées* (trong cuốn cuối ông vạch cái hại của môn phân tâm học khi nó muốn « đọc » những ý thầm kín nhất của con người) đều đặc sắc, có nghĩa lý hoặc rùng rợn, người đương thời không ai hơn ông. Nhưng hai loại đó đều bị loại tiêu luân và loại tiêu sử của ông lẫn át. Nhất là loại tiêu sử của ông thật là vô địch.

Lúc đó Maurois chắc không vui: ông mới cầm bút được khoảng mười lăm năm, hãy còn nuôi các mộng thành Balzac Nhưng ba chục năm sau — năm 1909 — trong cuốn *Portrait d'un ami qui s'appelait moi*, ông đã nhận lời đó là đúng. Ông đã tự so sánh với Voltaire với Anatole France. Ông không có thái độ quá khích, cuồng nhiệt như Voltaire nên tránh được tật nông nổi của Voltaire mà cũng ít hoài nghi hơn France, tuy vẫn trọng cái nhân bạn, cái đẹp như France.

Về Voltaire, ông viết :

« Người ta có thể cho rằng những tình thần quảng bác như ông không sâu sắc về một vấn đề nào hết (..) nhưng nghĩ như vậy cũng là không sâu sắc. Thỉnh thoảng phải làm những công việc tổng hợp, và có những nhà văn « nhai lại » công việc của những nhà chuyên môn cho đại chúng tiêu hóa được. Nếu không thì sẽ có một cái hố không vượt nổi giữa các nhà chuyên môn

và hạng người ngoài phố, và như vậy sẽ lộn xộn dữ. »

Maurois đã tự nói về mình đấy. Nhờ làm công việc phổ biến kiến thức ấy mà ông đã được hai thế hệ thanh niên tin tưởng — sách của ông thời nào bán cũng chạy. Nhưng để tìm được con đường ấy, ông đã nhờ ở một tai họa của nước Pháp là chiến tranh 1914-1918; và để theo được con đường ấy ông đã phải chiến đấu với ông, với lời khuyên của Alain bằng chục năm.

Jacques Suffel trong cuốn *André Maurois* (Flammarion — 1963) dẫn lời khuyên này của ông.

« Hết thấy chúng ta đều viết nhiều quá, Không phải chúng ta muốn như vậy đâu, người ta thúc đẩy chúng ta phải viết nhiều. Phải sống đã... Tôi chỉ cho bạn vài qui tắc luân lý tạm thời... Tôi biết bạn không theo nó đâu, chính tôi, tôi cũng không theo nhưng không vì vậy mà nó kém giá trị... Bạn đừng nên sống ở Paris... bạn nên viết trong cảnh cô liêu. Đừng bao giờ đi thăm một nhà xuất bản hoặc viên chủ nhiệm một tờ nhật báo. Nếu cần thì viết thư cho họ, đừng quan tâm tới những vận động những lời khuyên của họ... Đừng đề ý tới giá trị thương mại một cuốn sách... Đừng bao giờ nghe lời khuyên của vợ, của tình nhân của một người nịnh hót... »

« Đừng bao giờ nghe lời khuyên... »

Maurois khi viết câu cuối ấy có nghĩ tới lời khuyên của Alain khi ông 17 tuổi không? Có tiếc mười năm về coi xường dẹt cho cha không? Đáng rắng mười năm đó không phải vô ích và một phần sự nghiệp của ông là công của Alain (dăm tập truyện dài, vài tập tiểu luận về thuật chỉ huy, về sự hoạt động...); nhưng nỗi buồn không thành được

Balzac cái mặc cảm đối với loại tiểu thuyết mà mãi về nhà ông mới miễn cưỡng trút được, cả cái mặc cảm phụ lòng Alain nữa có phải do Alain gây ra không? Một nhà văn mà có tài thì trước sau gì cũng tìm lấy được con đường của mình, người đi trước có nên khuyên người đi sau như Alain không ?

oOo

PHÚT CHÓT MỚI NỘP BÀI

Năm 1965, các nhà báo hỏi Maurois :

— Nghĩ rằng cụ đã tám chục tuổi mà cuộc đời không còn được bao lâu nữa, cụ có thấy buồn không ?

Ông đáp:

— Không. Tại sao lại buồn ? Tôi đã tận lực làm công việc lâu dài và nặng nhọc của tôi. Hồi tôi nhỏ, mỗi tối u già của tôi lại nhắc tôi: «Thôi. Tới giờ đi ngủ rồi». Hồi đó tôi thường cự nự lại cho có, chứ sự thực thì tôi cũng đã mệt và muốn được vô giường. Một ngày kia, sẽ có một tiếng thì thầm trong thâm tâm thúc tôi: Thôi! Tới giờ đi ngủ rồi. Có lẽ tôi cũng sẽ chống cự cho ra vẻ, chứ trong lòng thì tôi cũng sẽ vui vẻ được nghỉ ngơi sau khi làm được nhiều việc như vậy».

Như có một linh cảm. Báo chí đăng sau khi hoàn thành tập Mémoires, viết bài tựa rồi, ông vô dướng đường đề mờ ruột, đã tưởng là qua được, không ngờ nửa tháng sau, bệnh ông trở lại và ông đi, để lại một kim tự tháp không chót vót như các ngọn Balzac, Tolstoi hay Proust, nhưng cũng đủ làm cho chúng ta ngợp; nhất là để lại một niềm quý mến trong lòng tất cả các bạn văn và độc giả khắp thế giới như bạn đồng viên của ông P.H. Simon đã nói.

Sàigòn 20-10-1967

NGUYỄN-HIỂN-LÊ

Tác-giả xin cảm ơn Bác sĩ Nguyễn Hữu Phiếm đã cho mượn nhiều tài-liệu để viết bài này.

Thuộc mới :

Viên thuốc bọc đường

ALGAN

(KHÔNG CÓ THUỐC NGỦ)

Trị : Cảm, Cúm, Đau, Nhức, v..v...

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

VIỆN DƯỢC-PHẨM SAIGON

K.N số 2080-BYT/QGDP

75, Nguyễn-bình-Khiêm — SAIGON

NHỮNG NGÀY CHƯA QUÊN (1)

● ĐOÀN - THÊM

một đường hai ngã

Những bông lúa sắp vàng, mùa 1956 ; xóm dừa bên đồng bát ngát, ngàn thông reo trong nắng gió, giữa trưa hè 1957 ; bến chài, cầu gỗ, mặt trời trên sông, con đường bụi đỏ qua bóng rừng đưa tới dãy nhà đương dựng đầu năm 1958...

Đâu phải là quê tôi ? Nhưng vẫn là những hình ảnh quen thân của xứ-sở tôi, dù mang tên Bến-Lức hay Trảng-Bàng, tuy là ven đời Đà-Lạt, bờ biển Phú-Quốc hoặc đồn điền Xuyên-Mộc...

Vì sao tôi đã quên ? Vì ở mọi nơi, tôi đều thấy êm đềm như khi tôi còn ít tuổi. Có lúc tôi ngồi nghe hư-không và thả mình trong tịch-mạc, tịch-mạc lắng dịu của ba mươi-năm đầu trong đời tôi. Tôi hồi tưởng đến những giờ phút yên lặng trong làng tôi, sau khóm tre, bên sông vắng, hay trên những vĩa đường đầy hoa Xấu và tiếng ve của Hà-Nội 1935...

Những người trạc tuổi tôi, đã cùng chung cảnh sống, chắc sẽ thông cảm cho tôi. Tôi muốn quên và đã quên được khá nhiều những gì đã xáo trộn sinh-hoạt quanh tôi trong mười năm qua : những tiếng nổ long trời, những giọt nước mắt, những lớp người âm ỉ đả đảo, những bộ xương ma đói lả, những bức tường đổ nát mặt hung ác, lời thao-thao nguy hiểm, vụ tranh giành tiền và chỗ ngồi, đám khói cao trăm thước, trẻ già bồng nhau chạy loạn . . .

Bây giờ hai con trâu nằm nhai cỏ bên gốc cây, lại có người lười vó cá như ở đầu thôn tôi xưa kia. Một chiếc xe ngựa chột dừng cho mấy khách buôn quảy hàng xuống chợ gần đây. Người và vật đều không có vẻ gì sợ hãi, chắc vì dọc đường không ai khủng bố, không có mìn, hố hay ụ đất. Thanh-niên kia dạo mát, coi bộ cũng bình-tĩnh như tôi. Từ hai năm nay, ngày chủ nhật, thỉnh thoảng tôi đi chơi xa Sài-Gòn, trên nhiều ngã vắng, trái với khi còn ở Hà-Nội, trước 1954, có bao giờ tôi dám lang thang ra khỏi ngoại-ô ?

Tôi thấy nhẹ mình, nhưng lại tự hỏi : cảnh yên vui này, liệu có được lâu dài không ? tọa hưởng, chắc không xong. Còn phải cố gắng, may ra mới gìn giữ được những giờ phút nhàn mây, mơ màng trong khói thuốc lá, nghĩa là vớt lại đôi chút hạnh-phúc rẻ tiền.

Trong bức công-hàm mới gửi, đề yêu cầu hiệp-thương và nối lại quan-hệ bình thường giữa hai miền Nam Bắc, Phạm văn Đồng còn nói : «Kính thưa Tổng-thống... Nhưng sau ngày có tuyên bố trả lời cự tuyệt, giọng lễ-độ ôn-tồn chắc sẽ đổi thành

(1) Xin đón coi Tập I, do Nam-Chi Tùng-Thư xuất bản và B. K số trước.

những luận-điệu gay go. Không-khí nhẹ nhàng ở quanh tôi, vẫn chứa ngấm tiếng sấm và cơn giông.

Muốn giữ bền sức sống dù gặp buổi xấu trời, phải được ấm no và mạnh khỏe. Trâu, người và tôi đều cần như vậy. Lễ di-nhiên này, được nhắc-thức lại trong khung cảnh tầm-thường của đồng ruộng, lạ thay, hình như khơi lại một nguồn động lực thẳm kín sâu xa tiềm tàng trong dĩ-vãng, hay ở gốc cây, đáy nước, và dãy núi chạm trời. Tôi thấy lại phải làm. Làm cái gì không phải cho riêng mình.

Trâu kia sẽ nhiều gấp năm bảy lần, khởi phải mua lậu ở biên-giới Việt-Miên; hoặc là nó sẽ đỡ mệt đỡ gầy vì được máy cày giúp sức như ở Đài-Loan? Tại sao lúa gạo không thể xuất cảng nhiều bằng hay hơn trong thời Pháp-thuộc? Mái lều kia mà thay bằng ngôi ở, hay ít ra bằng ván cây như ở Cao-nguyên, thì khóm dừa trước mặt đáng đưa lên bìa tạp-chí; kỹ nghệ tạo-tác cần hơn bao giờ hết, nếu ô. NDT còn điều khiển Kiến-thiết chắc nắm được cơ-hội hằng chờ mong mà xây thêm 20 khu cư-xá bình-dân với nhà thương, trường học v.v. VDD hẳn sẽ thích chí, nhưng anh chàng kiến-trúc-sư này lại có máu kịch-sĩ và chỉ mơ ước tái lập một ban kịch lớn. Có lẽ cũng rên, may ra bây giờ nhiều người sẵn lòng đón nhận những trào-lưu phát-triển nghệ thuật dõa dập từ các xứ ngoài... Nhưng ai cho tiền? Ngân-Sách phải dành cho các dự-án trang-bị kỹ-thuật của kế-hoạch ngũ-niên. Tâm lý giới hữu-quyền chưa đổi. Quan-niệm và hoạt-động chánh-quyền cần được cải tiến như tổ-chức và thủ-tục. Trông cậy vào người cũ không dễ bằng thu dùng người mới? Phải đào tạo theo những phương-pháp mới nhất. Những người ồn ở nước ngoài có cách gì mời về? Mời chuyên-viên ngoại quốc? Thì đã có ngoài 50 vị, nhưng xử dụng chưa đúng mức, có ai chịu xét lại vấn đề không? ..

Nông phu dần bước đi vào nắng mai.

Trong câu và cảnh đẹp của Bàng Bá Lân, nắng mai liệu còn nghĩa nữa là tương-lai sáng sủa không? Nhìn đồng hồ, quá 17 giờ rồi. Gà sắp lên chuồng .. không, đó là hình ảnh của nhà quê Bắc-Việt ngày xưa. Bây giờ phải tưởng tượng rằng những người cây cấy trở về nhậu la-ve, và nghe ca-sĩ qua máy thu thanh ...

Tôi rời khỏi mảnh báo cũ giải trên cỏ rậm. Ngồi hóng mát hai giờ ở ven đường cái, cách Đô-thành dặm cây số, như thế cũng đủ hả rồi. Thôi, ra về, không phải vì ngại du-kích, nhưng đề tiếp tục mộng cầu an qua mấy vấn đề vừa nhớ lại. Cũng có những việc nên làm.

oOo

Trong khoảng 1948-1954, những ai hay tới các công-sở trung-ương, lắm khi có thể ngẫm với nụ cười, rằng công-chức sống cuộc đời vô-sự.

Tới đầu 1957, cảm-tưởng đó chắc không còn y như trước. Quan-sát-viên ngoại-quốc cũng nhận rằng nhiều cơ-quan bị bận rộn và bề bộn đến nỗi khó tránh sự tràn ngập giấy tờ. Công-Báo ngày nay thường dày gấp bội Công Báo năm xưa, vì

số quyết-định của chính-quyền đã tăng mau lẹ. Khách qua đường có thể thấy khá nhiều phòng giấy cấp trên rong đèn tối gần hay quá tám giờ tối.

Phải chăng tinh-thần phục vụ lên cao ? Gạt những danh từ dễ gây ngộ-nhận, tôi thấy tình-trạng như trên có thể cắt nghĩa bằng nhiều sự-kiện khách-quan.

— Thời trước, các Chánh phủ trung-ương lâm vào cảnh nhàn-hạ, vì phần lớn việc hàng ngày được trút cho các phủ Thủ-hiến. Các phủ này đã bị bãi bỏ, các tòa Đại-biểu còn lại cũng bị mất quyền, nên nhiều hoạt-động dồn về các Bộ và phủ Tổng-Thống.

— Các Bộ xưa kia có muốn làm nhiều cũng khó. Vì một phần trọng-trách và hầu hết phương-tiện còn nằm trong tay Cao-ủy Pháp và các cơ-quan hệ thuộc. Nay chiếu các thỏa-ước và hiệp-định 1954-55, chủ-quyền và tài-nguyên được trả lại, quân-đội Viễn-chính cũng rút khỏi VN, khiến các lực-lượng VN phải đứng ra đảm lãnh công-cuộc phòng-thủ và bình-định. Các việc quân-sự và dân-sự đều tăng.

— Làm việc nhiều hơn, là sự bắt-buộc với các cơ-quan hồi đó. Có những vấn đề cấp-bách mà giới hữu trách không thể trốn tránh. Phải nuôi sống ngót triệu người tị nạn vô Nam: riêng cuộc định-cư và dinh-diễn đã để ra không biết bao nhiêu việc lớn nhỏ. Những vùng tiếp thu sau ngày tập-kết, cần được kiểm soát, trấn an và tổ chức, cũng như miền Hoàng-triều Cương-thổ trước kia chưa thuộc quyền Chánh-phủ. Vả lại, phương tiện dồi dào hơn, hay muốn được dồi dào, thì hoạt-động phải nhiều và mạnh; ngoài viện trợ Pháp và Mỹ, còn nhờ được của các quốc gia khối kế-hoạch Colomho và Liên-Hiệp-Quốc: song phải nghĩ, phải tìm, phải bàn mới lập nổi chương-trình khả-chấp với những dự-án khả-thi, để các nước bạn giúp bằng tiền, bằng người hay máy móc.

Nhu-cầu sinh-hoạt cũng nảy nở rất nhanh và lan rộng ra những lãnh-vực mới, nên vừa kích thích nhiều lớp dân-chúng, vừa thúc đẩy guồng máy chánh-quyền. Sau ngày đình-chiến, sự giao-thông đỡ khó-khăn, nhiều địa-phương xa xôi hẻo lánh như vùng Cà Mau, miền Cao-nguyên và các tỉnh Bắc Trung-phần, cần được tiếp tế đầy đủ hơn xưa, cung cấp phương-tiện sản xuất và khai hoang. Pháp-kiểu theo nhau bỏ về nước khá đông và nhượng lại nhiều xưởng, tiệm hay nhà ở; Hoa-kiểu không nhập Việt-tịch không còn được làm 11 nghề; nhiều quyền-lợi kinh-tế như vậy có thể giành lại cho người Việt: với hy-vọng đó, một số người thuộc giới hữu sản tân-tiến dám bước vô các ngành công kỹ nghệ và ngoại-thương hay ngân hàng. Giới doanh-nghiệp Bắc-Việt bị tổn thất nhiều vì phải di cư, cố gắng gây lại cơ-sở; hàng chục ngàn người Hà-Nội, Hải-Phòng hay Nam-Định đổ xô vào các ngành nhập cảng hay tiểu-thương. Trong hoàn-cảnh đó, tấp-nập nhưng dễ hỗn-độn, nhiều luật-lệ mới phải được ban hành, với những biện-pháp và thể-thức hướng dẫn, kiểm soát, hay tài trợ. Bởi vậy, tại các công-sở liên hệ, đa-số nhân-viên không còn dư thời giờ để ngồi chơi xem báo. Những sự vừa kể không có gì lạ đối với công-chức, nhưng ít khi được công-chúng biết vì thiếu sự phổ-biến và giải-thích, nhất là khi người giới khác chỉ quan tâm đến kết-quả tốt xấu của công-vụ, chứ không

chú ý tìm hiểu mọi hoạt-động đưa tới những kết-quả này, cũng như khách hàng chỉ cần thấy món ăn ngon hay không ngon, chẳng hơi đâu dò hỏi xem đầu bếp của tiệm cao-lâu nấu nướng trong hoàn-cảnh nào.

Nhưng về phần riêng, đáng lẽ tôi nên bày tỏ ít nhiều cho giáo sư N.T.L. để tránh sự hiểu lầm của một người có học-vấn cao.

N.T.L. gặp tôi trước một tiệm sách lớn, trên vỉa hè đường Tự-Do; anh tròn mắt hỏi với giọng quen thuộc nửa đùa nửa thật :

— Tên lại già này, bây giờ nhà người xách cặp cho ai ?

Rồi L. kéo tôi lại gần, bảo nhỏ :

— Mi tội thân gì kéo cày trâu ngựa ? Viết báo đi, làm thầy cãi ở tòa cũng được, như thằng Lê . . . j'approuve ! Làm cạo giấy một đời à ? Được việc gì ? Đi tới đâu ? Ta đã bảo mi từ 1945 . . .

Tôi thấy đối với những người làm việc chánh-quyền, thành-kiến của L. quá lớn, nên có trả lời cũng không ích gì.

Vả lại, tôi không có thời-giờ, còn phải vô tiệm sách kiểm một loạt bài báo và mấy cuốn vừa xuất bản, về kinh-nghiệm mở mang những xứ chậm tiến (Pays en voie de développement). Vấn-đề này đáng chú trọng hơn.

Tranh luận 12 năm về nhân-sinh-quan và đường lối xuất xứ, không bằng tìm cách xây một cây cầu.

oOo

Chung quanh tôi, tại các bộ-phận trung-ương, có một số người từng trải, ham làm, biết làm, và có thể được việc.

Những người đó và tôi, tuy khác nhau về nhiều phương-diện, đều ôm một hoài-bảo chung : *góp phần thiết bị hay thiết bị nổi một guồng máy quốc-gia tân tiến.*

Một đồng-diềm nữa, là mong được áp dụng trong hoạt-động hàng ngày, những phương pháp đã chứng tỏ hiệu-năng ở các cơ-quan chánh-quyền Âu Mỹ.

Những phương-pháp đó cũng từng được thí nghiệm phần nào trên đất này trước 1945, song cần được phổ biến sâu rộng hơn, với những sự chăm-chước mà tình-thế đòi hỏi, dù về mặt tổ-chức hay điều-hành, ở mọi giai-đoạn công vụ, từ nghiên cứu đến khi thực hiện và kiểm soát.

Tuy chánh-quyền quốc-gia thành-lập từ 1948-49, chưa chánh-phủ nào nghĩ đến sự cần-thiết cải tiến như trên, vì thiếu quyền-hành, thiếu phương-tiện, thiếu thời-giờ, hoặc không nhận thức nổi tầm quan-trọng của vấn-đề.

Đến 1956, mới có hai tia hy vọng. Học-viện Hành-chánh được thiết lập và khuếch-trương, đồng-thời một phái đoàn vài chục giáo sư và chuyên-viên của Đại-Học Michigan được vời sang góp sức với Học-viện cùng các cơ-quan trong sự truyền bá những phương-pháp mới và hoạch định một chương-trình canh-tân.

Sau một thời-gian nỗ-lực, kết-quả là những tập đề-nghị rất dày, xếp l

chừng gần hai thước : nhưng chẳng mấy điều được xét : nếu có, cũng không được chấp nhận bao nhiêu. Nên các giáo-sư Mỹ rất nản lòng, người nọ theo chân người kia về nước, mặc dầu chúng tôi khuyên nhủ kiên tâm. Đến 1958, một lớp người khác chịu kéo sang và thử lần nữa. Họ đi cả các địa-phương, quan sát, tra cứu, chất vấn, thảo luận, rồi biên soạn rất công-phu về các vấn-đề cần giải quyết, và những giả-pháp được tin là thích-ứng. Riêng tôi cũng nhận thấy nhiều phần khả thủ. Khốn thay, mọi phương-sách đưa lên, đều bị bỏ xó ; và đến 1960, thì hợp-đồng do chánh phủ ký với họ, bị chấm dứt hẳn.

Trong các bản trần-thuyết, dĩ-nhiên có điều nghe được, có điều khó theo, và quyết định thuộc người hữu-quyền. Nhưng dù không đồng ý, cũng chỉ nên bác bỏ sau khi bàn luận, và ít nhất là cho biết lý do để người nghiên cứu phải suy nghĩ lại. Đảng này, tuyệt-nhiên không có giải-thích. Chỉ có một lần, ông Tổng-Thống bảo : họ không hiểu.

Họ không hiểu thật, nghĩa là không rõ vì sao họ mất công. Theo vị này, thì chắc tại có chuyên-viên bực mình. về Hoa-Kỳ viết báo chỉ trích chánh-phủ VN / theo vị khác, đáng lẽ họ phải học tập chánh-sách của Tổng-Thống mà tìm các lý-luận bênh vực, thì họ cứ ngây thơ đưa ra toàn ý-kiến riêng. Vài công-chức lại cho hay : có mấy Bộ-trưởng, Giám Đốc và tỉnh-trưởng không muốn họ tới sáo sục vào các công-sở, e rằng họ nhìn thấy sơ-xuất mà lên mách Tổng-Thống, thì nguy... nên các ông đã viện cớ bảo vệ uy-tín và chủ-quyền, đề lên thỉnh cầu miễn cho sự hiện diện của họ,

Các lẽ trên đều có phần đúng, nhưng không phải là nguyên-do chính-yếu.

Mấy anh em và tôi hợp tác với họ, đều nhận rằng có một số đề-nghị đáng theo. Những điều này lại là kết-luận chung, sau sự thỏa-hiệp của hai bên Việt và Mỹ. Nên sự thất-bại của họ cũng là của chúng tôi, hay đáng ngại hơn nữa, là của đường lối suy luận, của ý-niệm căn-bản về hoạt-động chánh-quyền, của những phương-pháp và kỹ-thuật đã đào luyện thế-hệ chúng tôi.

Những phương-pháp và kỹ-thuật đó, thoát thai từ lý-trí và khoa-học, đều có công-dụng nắm nôi sự vật hỗn-tạp để đưa vào một trật-tự hay một cơ-chế, mà thỏa mãn một nhu-cầu hay một lý-tưởng. Áp dụng vào thực-tế phiền phức của chính-giới, nó thể hiện ra những qui-cử chặt chẽ, những tổ-chức vững bền, những hành động không trái với chủ-trương, nghĩa là những sự-kiện thuận lợi để thành công.

Nhưng nó cần được xử dụng dưới hai hình-thức song song, vừa phân tích vừa tổng hợp. Nó đòi hỏi sự phân-minh, nên bắt phân nhiệm, phân quyền, phân công, và giải quyết mọi vấn-đề theo cương-vị, theo giai-đoạn, theo từng trạng-thái. Ngược lại, muốn quán xuyến và điều khiển, nó buộc phải bao quát toàn diện bằng cách phối hợp các phần vụ trong nhất-trí của chính-sách của hay chương trình ; phải liên tục trong tác-động để loại trừ mâu-thuần, bảo toàn hệ-thống, tích lũy kết-quả mà tiến không ngừng bước.

Nhưng trong công việc mỗi ngày, những phương pháp đã tạo cho các quốc-gia

tiền tiến một máy bộ hữu-hiệu, được tôn trọng như thế nào ở cơ-quan đầu não VN sau 1955 ?

Sự khen chê hãy còn quá sớm, nhất là đối với cá-nhân. Song những lẽ-lỗi cần tránh, không thể đợi mười hay hai mươi năm nữa mới được nhận rõ.

oOo

Khi dọn đến căn nhà mới, tất-nhiên phải sắp đặt gọn gàng trước khi bắt tay vào việc làm ăn.

Những sự luộm thuộm buổi đầu, còn có thể chịu đựng và bỏ qua...

Nhưng sau vài năm mà nơi ăn chốn ngủ chổ làm vẫn lộn xộn và ngổn ngang, khiến người trong nhà cứ dẫm chân nhau, thì công việc sao khỏi bị trở ngại ?

oOo

— Những bộ-phận sẵn có từ các chánh-phủ trước được tạm giữ gần y nguyên trong phủ Tổng thống mới: tòa Tổng thư ký, Văn phòng Đặc biệt, Văn phòng, Đồng lý, Văn phòng Bộ-trưởng. Song nhiệm-vụ không hề được minh định, tuy những người hữu-trách có nêu vấn-đề tổ chức và đã trình lên nhiều lần, mỗi bận đều thấy trả lời: khỏi cần, chỉ có mấy anh em, liệu mà chia việc với nhau, người này giúp người kia, sao cho được việc thì thôi, phân biệt phòng này sở khác máy móc làm gì ?

Rồi cấp trên cùng gặp ai thì trao việc cho người ấy, việc của Tổng-thư-ký có khi bị ném sang Đồng-lý, hay Bộ-trưởng và ngược lại, mà không ai được phép chối từ. Hậu-quả, là ngay đến cao-cấp ở các Bộ, hoặc chính người trong Phủ, mỗi khi cần cũng không biết hỏi đâu và tìm ai phụ trách, phải liệu thăm dò tùy trường-hợp.

Cực chẳng đã, mấy anh em trong Phủ đành thu xếp riêng với nhau theo một thứ thỏa-hiệp tạm bợ Modus Vivendi, đề cố giữ vững ba châu vạc báu: một người chịu bù đầu về việc nội-phủ; một người kéo co việc ngoại-phủ tức các Bộ; một người mắc mứu vào ba, rồi bảy, rồi... 19 "cơ-quan trực thuộc"... Hễ giấy tờ đến Phủ, thì được phòng Công-Văn chia theo ba hướng đó.

Đã tưởng là tạm yên... Nhưng cấp trên mặc hết. Việc do Đồng-lý trình, được giữ đó, rồi bị vớt qua Tổng-thư-ký khi tới lượt ông này diện kiến. Đến khi việc được tái đệ, thì theo chỉ-thị, cần giao một Bộ xét lại. Cách vài hôm hay vài tuần Bộ này phúc đáp, không biết nên gửi cho ai, cứ để luôn cho Bộ trưởng tại Phủ. Bộ trưởng không rõ mô tê, vì nắm được mầu chót, cho hỏi mới rõ: cùng một việc, mà khúc đầu thuộc ông Đồng, khúc giữa về ông Tổng, khúc cuối đến ông Bộ. Quả là Cẩu rông đuôi rảo, tha hồ mà múa với nhau! Và múa luôn luôn, hết ngày này qua tháng khác.

Bèn giao hẹn với nhau rằng: mỗi khi có sự lồi-thôi hay điều thắc-mắc về phần việc, thì liên lạc với nhau, rồi việc do ai làm từ trước, sẽ trả về người đó. Lệ này

được cả 3 nhóm tôn trọng, với hy-vọng gỡ mỗi bông-bong giữa hàng trăm hồ-sơ và hàng ngàn văn-kiện.

Nhưng chẳng bao lâu, một trong bốn năm nạn-nhân bị chột hoi: Việc phạt về quan-thuế tới đâu? Ông không biết. Ông bị rầy la. Ông xuống hỏi ông Hai. Ông hai không tường hỏi ông Bốn. Ông Bốn kêu chính Cụ bảo phải lo, tuy hôm trước ông Tài-Chánh tới thân trình, thì nhân tiện có ông Bốn đứng đấy, Cụ cầm giấy tờ đưa cho và dặn ông làm gấp, rồi Cụ bận, quên không biết đã giao ai. Thành thử, râu cắm vào cắm ông này, lại tìm cạo ở cắm ông khác, và rút cuộc là có người bị cạo tuy mặt mày nhẵn nhụi. Kề cũng vui.

Ấy thế mà việc cứ phải chạy, muốn xoay thế nào thì mặc, nếu không xong thì búa diu sấm sét chẳng từ một ai. Nên một Bộ-trưởng đã phải ngửa lên m'í dinh Độc-lập mà than rằng: chúng ta làm trò xiếc với việc công, nous faisons de l'acrobatie administrative.

oOo

— Việc càng nhiều càng phải cố cho chạy đều để tránh ứ đọng, và càng phức tạp càng phải giải quyết tuần-tự mới khỏi rối ren. Điều-hành cũng có nghĩa là phân định trong thời gian, và làm chủ ngày giờ. Ngờ có trách-nhiệm chỉ huy, muốn không bị tràn ngập, cần đi sát một thời biểu thích-ứng, được chừng nào hay chừng ấy. Quốc trưởng hay Thủ tướng ở các nước tiền-tiến đều theo thông-lệ đó.

Còn ở VN 1955-1963, chương trình hàng ngày dự định cho cấp tối cao, dù được chấp thuận rồi, vẫn hay bị đảo lộn, không phải chỉ vì sự bất-thường, mà nhiều khi do thói quen của người lãnh đạo. Mỗi sớm mai, năm bảy cao cấp ôn hồ sơ vô xin chỉ thị, « thỉnh thị »: lăm bận, chiều cả buổi, rồi lại lắt đầu tặc lưởi ra về, mặc dầu đã được hẹn trước hoặc bị kêu lên: mất công vì ông Tổng Thống chột nhớ đến một việc nào đó, lại cho triệu gấp người khác. Có khi vị được vào toan mở miệng về một vấn-đề cấp bách, thì bị chặn hỏi về việc không liên quan gì đến mình: như sắp thưa về ngân sách Hỏa-xa, thì được nghe quở về chợ trời Gò Dầu Hạ, hay chịu tránh thay một Tỉnh trưởng đã đọc diễn-từ dài dòng văn tự... Kể yết kiến cung kính giờ tai nửa giờ hay hai giờ, rồi được phép rút lui với mười triệu đồng thiếu hụt chưa biết lấy chi bù đắp. Bởi vậy, trong Phủ, có nhân-viên đã tìm mọi cơ thoái thác để trút cho người khác hân-hạnh trình việc...

Đối với những việc có hạn, như các diễn-văn, hiệu-triệu, tuyên-cáo cần đọc nhân dịp đại-lễ, nhân-viên hữu trách phải chuẩn bị trước hàng tuần, có khi một hai tháng. Nhưng các dự-thảo rất ít khi được xét sớm: 10 lần thì 9 lần phải đợi sát ngày, mới thấy sửa chữa, cắt xén, chấp nối. Rồi mọi người phải ở lại đến đêm chưa xong, và mỗi dịp là một cơn ác-mộng cho cả mấy văn-phòng. Khổ nhất, không biết là những người cầm bút hay người đánh máy, đánh đi đánh lại mấy mươi lần. Và hại nhất, là mọi việc khác bị đình lại hết.

Muốn tránh tình-trạng đó, đáng lẽ người hữu-quyền phải soát lại sớm hơn, hoặc ít nhất là chỉ thị rành mạch cho nhân-viên soạn thảo, để họ hiểu rõ mình muốn

nói gì : nhưng không bao giờ có sự may mắn đó. Ai được phép hỏi ? Không biết gì thì ngồi đấy làm chi ? Liệu mà đoán. Nên mấy anh em trong Phủ còn một cách là bàn với nhau, theo hướng chung của mấy người chung trách-nhiệm và cùng góp kinh nghiệm. Đa-số chắc hẳn nhận xét khách-quan hơn một người, để tìm thấy những điều cần nói, nên nói, và nói theo giọng nào. Kết quả: có bản hơn 50 trang đánh máy bị xoắn toạc gần hết, một hai giờ trước khi phải nộp đề ghi âm, có đoạn phải viết đi viết lại 8 hay 10 lần. Người ra lệnh, lại chẳng biết mình muốn gì, chỉ nhận thức rằng như thế nì thế khác thì chưa hợp ý mình mà thôi.

Ý đó, thường khác hẳn của nhiều kẻ, dù những kẻ ấy ở trong vòng thân-cận.

Như vậy, thì lý-ưng phú cả về cho xong, hết thấy các nhân-viên gần gũi. Đã có lần, việc của họ được giao cho nhân-sĩ bên ngoài làm hộ, nhưng cấp trên cũng chẳng thỏa mãn hơn. Nên có thay tên kèo bằng tên cột, thì cũng đến thế thôi. Chẳng lẽ ai cũng thiếu khả-năng ? Đúng hơn, thì không ai hợp được. Nhưng chắc người có quyền phải chịu khổ hơn, nếu thấy quanh mình không ai thông cảm được với mình, bởi vì từ việc nhỏ đến việc lớn, mình nhìn khác, thấy khác, nghĩ khác, và ưa thích khác,

S. cười sằng-sặc mà bảo tôi :

— Hoặc ông ta là một dị-nhân hay một vi-nhân siêu-việt, hoặc chỉ là một người quần trí. Siêu-việt, nếu tất cả các anh đều ngu : điều này, tôi hơi ngờ họ các anh. Quần trí, nếu các anh biết việc : điều đó, chắc các anh chưa dám tự tin. Ở mọi trường-hợp các anh chịu khổ vì các anh còn bán tín bán nghi.

Bán tín bán nghi : S đã nói trúng phần nào, ít ra ở nơi tôi trước 1960.

Các anh em và tôi đều nghĩ rằng mình chẳng đến nỗi ngu-độn ; chẳng giỏi thì cũng biết suy xét, và hiểu đường lối. Ngoài ra, mọi người đều thấy rõ hậu-quả của những thói quen bất-lợi ở người cầm cân nảy mực.

Song dù phải bực mình, trong nhiều năm, tôi đã cố nhận định cho đúng mức.

Nên tôi thấy những sự xáo trộn của một ông già gần 60 tuổi, chưa hẳn đã gây hại ở mọi trường-hợp. Có lẽ vì thế mà ông không chịu thay đổi, tuy đã có người khuyên nhủ.

Theo một nguyên-ắc căn bản về tổ-chức công-quyền, thì sự liên-lạc giữa các cấp đều phải qua hệ-thống trung-gian. Cấp dưới muốn trình cấp trên, phải nhờ cấp giữa chuyển đạt. Cấp trên cùng chỉ ra lệnh cho cấp chỉ huy cao nhất, để cấp này truyền lại cho cấp thuộc quyền. Kỷ-luật, và uy-tín của người hữu-trách chỉ có thể bảo tồn nhờ những thể-lệ như trên.

Nhưng lắm bận ông Tổng-thống cầm máy nói mà hỏi thẳng một đại-tá thay vì Tổng tham-mưu-trưởng, một giám-đốc thay vì Bộ-trưởng, một tỉnh-trưởng thay vì Đại-biêu chánh-phủ. Nên nhiều vị phản nản rằng kẻ dưới lợi dụng cơ hội để dèm pha, khiến các ông bị trách cứ hay thất sủng. Thực ra, cũng có những nhân-viên thấy mình được đoái hoài, thì không còn nề vì người trên của họ. Ông Tổng-thống thừa biết, nhưng vẫn mặc, vì theo ông, hệ-thống làm

mất thời giờ, hỏi ngay người chuyên-trách thì rõ ngành rõ ngọn, hỏi Bộ-trưởng hay chỉ huy thì còn xin khất lần để tìm hồ sơ, xem lại chi-tiết... và chẳng, dưới không được trình, thì người trên thường bùng bít, thành ra ngồi cao khó thấy sự thật.

Một nguyên-tắc nữa cũng bị gạt bỏ : trách-nhiệm nào thì công việc ấy, và ngược lại ; cấp nào cũng phải đứng trong phạm-vi của mình ; Giám-đốc không thể làm việc thư-ký, nếu không, sẽ mắc vào việc nhỏ mà bỏ việc lớn, lại mang tiếng là xen lấn : can thiệp là không tin và dễ làm nản chí. Đáng này, ông Tổng-thống đích-thân quyết định trong việc thuộc thẩm quyền các cấp chuyên-nhiệm mà không cho nghiên cứu trước : bảo trồng cây này ở vùng này, xây ngôi trường khác ở quận đó, cấp số tiền lớn cho đào kinh mà Bộ sở-quan không biết, đặt kiểu quần áo cho đồng-bào Thượng, xét duyệt tranh nhãn-hiệu cho một xí-nghiệp quốc doanh... Lệnh đã ra thì phải được tuân hành, nhưng người hữu-trách thành ra vô trách-nhiệm, có lẽ cũng vì thế mà bỏ tay thụ-động.

Song ông Tổng-thống than phiền luôn: không ai chịu nghĩ gì cả, đề mặc thị chẳng ai làm gì, không ngó tới thì hỏng hết, dù là việc rất nhỏ... « Minh tiếp ông Đô-Đốc, nó cứ đề thợ hồ gõ chát chúa nhưc óc trên mái nhà, chẳng đứa nào biết chạy lên bảo im đi. Đành cạy kẻ đứng cạnh, kẻ ni theo hệ thống hành chánh nói ông Đồng-lý, ông Đồng-lý truyền ông Nội-Dịch, ông Nội-Dịch kêu ông cai thầu, ông cai-thầu kêu thợ. Quá trời ! ông Đô đốc cứ nghe búa đập ! Quá trời ! » Có lần họp gấp tỉnh-trưởng trên lầu dinh Độc lập, ông liếc thấy thiếu ghế ngồi, hăm hăm ra hiên toan ôm ghế vô... cử chỉ của ông mặc nhiên lên án sự sơ xuất của nhân-viên. Bận khác, ông bất-thần ra kho bến sông xem thuốc viện trợ : nhiều lô quá cũ, đề hàng năm mà chưa đem phân phát, hư hỏng khá nhiều vì bị bỏ quên. Trận lôi-đình của ông trong vụ này, theo tôi là không đáng ngại bằng niềm tin vững như đóng đinh vào cột rằng chỉ ông là phải, và như ông mới phải.

Khốn thay, những trường-hợp khiếm khuyết như trên, không thể chối cãi. Nên ông càng yên trí rằng phải can thiệp rất nhiều, và hơn nữa, phải đảm nhận lấy những việc thường dành cho người khác. Cũng vì lý-do ấy mà ông đem về đặt thuộc quyền trực-tiếp của ông nhiều Nha hay sở đáng lẽ nằm trong các Bộ: sở cơ quan trực-thuộc mỗi ngày một tăng cho tới giữa 1961.

Vai tí-dụ, trong hàng chục tí-dụ khác, cũng đủ cho thấy một tình trạng khó xử.

Theo lý-thuyết hành-chánh và thủ-tục thông thường, thì ông rất ngang trái và đã gây nhiều trở-ngại trong thực-tế.

Nhưng cũng trong thực-tế, nhiều khi lầm-lỡ ở phía nhân-viên, nên biết lấy gì bênh vực những qui-tắc hợp lý ?

Có vị đã nói: lỗi ở người, không ở qui-tắc. Lỗi đã xảy ra, không phải vì qui tắc sai lạc, mà vì không được tuân hành.

Song đối với ông, những qui-tắc không khiến cho người ta làm tròn nhiệm vụ, là qui tắc đáng vất đi.

Ông chối bỏ phương pháp và chỉ nhằm vào kết quả: miễn sao được việc thì thôi.

Trước một vấn-đề, ông xông ngay vào một vài chi tiết, nên hay hỏi tỉ mỉ, nếu không trả lời được, thì ông quở trách là không biết việc và sau đó không buồn gọi nữa. Ông không chấp nhận rằng cấp điều khiển chỉ cần bao quát.

Tóm lại, trí não ông hoạt động theo lối thực nghiệm và tùy tiện, bắt gặp từng trường-hợp, trạng-thái hay thành-phần dễ hơn là nắm trọn toàn-cảnh, toàn-bộ hay toàn-thể (Empirique).

Trong khi đó, đa-số chúng tôi thiên về luận-lý cổ-điển (Rationaliste), phải suy diễn có thứ tự, có liên hệ, có mạch lạc, và chỉ thỏa mãn nếu giải-pháp hợp với nguyên tắc, và cần dựa vào lý căn-bản mới luận ra cách giải quyết.

Những ngoại ngữ vừa kể đã được dùng khi mấy người thân cận đem ông ra mổ xẻ. Nhưng chẳng ai xin được ông đổi cách làm việc. Một bảo huynh của ông đã phải tự an-ủi rằng : phải chấp nhận ông hay không chấp nhận ông, chỉ có thể thôi, chứ cải hóa sao nổi một người gần tuổi lục tuần ?

Người Mỹ không tin : sáu mươi, thì còn trẻ lắm, và nếu khéo trình bày, chắc có thể thuyết phục ông.

Một hôm, có chuyên-viên Hoa kỳ thưa với ông :

— Ông bắt nhân-viên làm việc nhiều quá, người thì gầy ốm, người thì mắc chứng đau gan, đau bao tử, có chất mỡ trong máu, có người ngất xỉu mê man 48 giờ, đưa vô nhà thương chữa hoài chưa bình phục. Buộc làm tối ngày, chỉ hại sức khỏe và mờ đầu óc, không lợi cho năng-xuất. Nên ở khắp thế giới, trong công sở hay xí-nghiệp tư, người ta đều phải bảo vệ nhân-công, cho phép nghỉ ngơi hàng tuần, hàng năm. Chắc Tổng thống cũng nhận là hợp lý.

Ông thủng thẳng đáp :

— Hợp - lý. Nhưng Cộng-sản nó có ngừng đánh phá đề nghị hè không ? Chuyên viên Mỹ thất-vọng, đem câu chuyên thuật lại cho tôi và hỏi tôi nghĩ sao ? Theo tôi, nếu cả hai bên cùng an nghỉ thì hơn.

Đ.T.

Thuốc mới :

XI-RÔ TIFOREX

(Chloramphénol và sinh-tố B + PP)

★ DÙNG LÂU KHÔNG HẠI

★ TRÁNH ĐƯỢC NHỮNG BIẾN CHỨNG CỦA TRỤ SINH

Chủ trị : — Sốt thương hàn — Nóng lạnh — Cảm
— Ho gà — Sưng phổi — Đau ruột v. v...

CÓ BÁN KHẮP CÁC NHÀ THUỐC TÂY

VIỆN DƯỢC PHẨM SAIGON

Số 2124-BYT/QCDP)

75, Nguyễn-b-Khiêm, Saigon

Lá thư CAMBRIDGE

(Xin xem BK. TĐ. từ số 258)

Theo tục truyền, Cambridge đã được khai-sinh từ hơn 4000 năm trước kỷ-nguyên, và tới năm 637 sau Thiên-chúa thì được sửa sang mở rộng thêm, nhờ sáng kiến của Sigebert. Nhưng đó chỉ là tục truyền, chứ không có gì xác thực. Còn nói về thời gian Cambridge University thành lập, mặc dầu không đến nỗi hoang-đường, nhưng cũng chỉ dựa vào một số sự kiện rồi do đó mà suy-luận nhiều hơn là căn cứ vào những điều cụ thể. Tuy nhiên, dù-tục truyền hay dẫn-chứng, ta cũng có thể quả quyết được rằng : tổ-chức Cambridge University, các nhà tiên-phong đã bắt nguồn từ các lớp giảng dạy bên lề các thánh-đường, tu-viện, rồi phỏng theo khuôn-mẫu các Đại-học-đường Paris hay Bo'logne thời đó mà nên.

Cũng như ở Oxford, danh-từ University không chỉ một dinh-thự hay công-ốc nào, mà chỉ có nghĩa là gồm cả đoàn-thể thầy và trò, tiếng la-tinh kêu universitas scholarium và universitas magistrorum. Còn trụ-sở dùng làm nơi giảng dạy được kêu là studium generale. Và từ bốn phương, thầy tới nơi giảng, dạy ; trò tới nơi nghe, chép ; cùng nhau họp-họp đề trac-đòi ý-kiến, đồng tiến trên con đường học-vấn. Khi đó vào khoảng đầu thế-kỷ thứ XIII. (Thời-hội có thể coi như thật thuận-tiện, vì năm 1209, một vài vụ "lộn xộn" đã khiến một số không nhỏ thầy và trò từ Oxford sang tạm lánh rồi sau ở lại hẳn Cambridge. Rồi từ đó, Oxford/Cambridge đã cùng tiến triển, thi đua, về đủ mọi phương-diện...)

Đặc-điểm của University là quyền tự-quyết được công nhận và cấp tặng văn bằng. Và quyền này của Cambridge University được đức Giáo-hoàng John XXII chính-thức xác-nhận vào năm 1318.

Giống như tại Paris và Bologne, các sinh viên Cambridge lưu-trú nơi quán trọ, kêu là «hostel», do chính mình lựa chọn nhưng dưới sự điều-dắt và sau này kiểm soát của các «master». Có những nhà mạnh - thường-quân, ham-chuộng văn-chương nghệ-thuật, tình nguyện nâng - đỡ tinh-thần hay vật-chất, mở-mang các hostel được đổi thành collegium. (Kiểu-mẫu tinh-túy nhất là trường Đại-học Sorbonne bên Pháp, khánh-thành năm 1257, chuyên dạy về lý-đoán.)

Năm 1231, nhà vua ban dụ chỉ-định hai vị master of Arts với hai nhân-sĩ trong số công-dân lương hảo thủy-chung hàng tỉnh làm phụ-tá, đề cùng quản-trị, điều-khiển và nghiên-cứu. Nhưng vị học-giả đáng ghi công nhất là Walter de Merton, năm 1264, đã quy-định những thể-thức khuôn-mẫu về học-đường. Tinh-lý của các thể-thức đó, đại-cương ngày nay vẫn được áp dụng phần nào. Và năm 1284, khi thành lập Peterhouse (College),

đức Giáo-mục địa-phận Ely, gần Cambridge, là Hugh de Balsham, đã không quên nhắc-nhở và ca ngợi giá-trị các quy-chế học-đường theo quan-niệm của Merton.

Các môn giảng dạy lúc đầu thường thiên về lý-đoán. Nhưng từ thời-kỳ Phục-hưng, các thầy và trò mới có dịp trả lại cho văn-chương vai-trò quan-trọng thuở xưa.

Các College thường được nhà vua nâng-đỡ không có định-kỳ, nhưng nguyên-tắc vẫn là tự-trị. Song, liên-lạc giữa triều-đình và Cambridge University không phải lúc nào cũng thập phần hoàn hảo. Vết nứt đầu tiên là với Henry VIII, đầu thế-kỷ thứ XVI.

Henry VIII là con thứ hai Henry VII nhưng được lên ngôi báu vì Hoàng-tử Arthur là con trưởng sớm thất-lộc. Vừa kế-nghiệp cha, năm 1509, việc đầu tiên của ông là kết duyên với Catherine of Aragon, góa phụ của anh ruột, tức là cố Đông-cung Thái-tử Arthur. Nhưng Catherine chỉ sinh hạ được một con gái khiến nhà vua lo lắng cho tương-lai dòng họ. Mặt khác, dường như nhà vua đã bắt đầu mến-thương say-đắm Anne Boleyn. Tâm trạng này thúc dục nhà vua ly-dị với Catherine, hay đúng ra, nhà vua muốn Tòa - Thánh tuyên - bố cuộc hôn - nhân như vô giá - trị... Nhưng đức Giáo-hoàng Clement VII không đồng-ý, nghĩa là không thể chiều ý Henry VIII, vì lý do tôn giáo dĩ nhiên, mà còn vì lý do chánh-trị: Clement VII không muốn phật ý Charles Quint, vua nước Pháp, khi đó là chủ-nhân, ông một «đế-quốc bao-la, không biết đêm tối là gì, vì mặt trời lặn nơi này là để mọc lên nơi khác...»

Cùng với đức Giáo-hoàng Clement VII, có Thomas More (hay Morus, tên Thánh), cũng phản đối nhà vua. Thomas More là một học giả uyên thâm, trung quân, ái quốc, được Henry VIII rất nể vì trọng dụng, vì đã từng phen sung tới chức Đại-sứ toàn-quyền, và sau này làm Thủ tướng năm 1529.

Thomas More cương quyết phản đối, mặc dù nhà vua áp dụng đủ mọi biện pháp vừa dọa nạt, vừa dụ dỗ... Thomas More từ chức năm 1532, bị cầm tù năm 1535, trước khi bị hành-quyết về tội... « khi quân » « phản quốc »! Ra chốn pháp trường, cam nhận số-phận hẩm-hiu khe-khắt do định-mệnh dành cho, ông đã có một thái độ trung-trực và can đảm phi-thường. Thomas More được lịch sử Anh coi như một trường hợp điển hình, hùng hồn nói lên lòng trung-trực cao cả, tính cương-quyết siêu phàm, vì chính-nghĩa. Ông hiền Thánh năm 1935, ngày 6-7.

Câu chuyện xảy ra tại vùng Cambridge, nên đối với riêng tôi, đi thăm viếng những nơi lịch sử xa xưa, ôn lại cuộc đời đau thương nhưng biết bao ảnh hưởng của người xấu số, tôi lại càng cảm thấy trong lòng xúc động, bùi ngùi, kính phục. Toàn thiên bi-kịch lịch sử đẫm máu này được trình-bày độc-đáo trong cuốn phim « A man for all seasons », với Elizabeth Taylor và Richard Burton: tôi đặc biệt lưu ý anh thể nào cũng đi coi, nếu phim chiếu tại Saigon. (Về sau, tôi được biết phim dịch ra tiếng Pháp, dưới nhan đề: Un homme pour l'Eternité.)

Trên đây có nói tới thiên tình-sử bi đát giữa Henry VIII và Catherine of Aragon. Mặc dù sự-kiện có bị người đời đàm-tiểu Henry VIII vẫn đáng được coi như rất có công với đất nước, và nhất là với trung-tâm đại-học Cambridge. Henry VIII đã có một thời khiến dân Anh trở nên hùng-cường, nước Anh trở nên phồn-thịnh.

Đối riêng với trung-tâm Cambridge, Henry VIII đã can-thiệp trực-tiếp đề thiết lập các môn về lý-đoán, lý-hóa, pháp-luật, cùng là các tiếng hy-bá (hebreu) và hy-lạp. Nhà vua đã thành-lập Trinity College, và sát-nhập vào trường này, hai

trường nhỏ hơn là King's Hall và Michaelhouse.

Các nhà vua khác cũng vậy, khi trị vì, đều cố gắng góp phần vào sự trưởng thành của trung tâm Cambridge. Từ Mary I, Elizabeth I, tới James và Victoria... Các college sẵn có được sửa chữa và mở rộng, hoặc một college hợp với một college khác, để có thêm phương-tiện đón tiếp các sinh viên. Các college mới được thành-lập. Và quy-chế cũng được tuân tữ sửa đổi sao cho phù-hợp với những nhu-cầu mới. Tỷ-dụ như dưới thời Elizabeth, quy-chế được tu-chỉnh năm 1570 và hai college mới được thành-lập là: Emmanuel năm 1584, và Sidney Sussex năm 1594. Dưới thời James, Cambridge University được quyền cử hai nhân-vật «đàng-hoàng và uyên-bác» (grave and learned men) để đại-diện tại Nghị-viện, với nhiệm-vụ trình-bày về tiến-triển chung của trung-tâm Cambridge và riêng của mỗi college. Francis Bacon là một trong số các vị đại-diện đã lừng-danh trong nhiệm-vụ này.

Năm 1564, Nữ-hoàng Elizabeth I viếng King's College. James viếng Trinity College năm 1614. Nữ-hoàng Victoria cùng với Hoàng-thân Albert cũng viếng Trinity College năm 1843. Hoàng-thái-hậu Elizabeth là bậc nữ-lưu đầu tiên được tặng bằng danh-dự của trung-tâm Cambridge năm 1948; Và ngày nay, 1967, nữ-hoàng Elizabeth II không những viếng-thăm Trinity College, mà còn gửi Đông-cung Thái-tử Charles sẽ thụ-giáo kể từ niên-học 1967-68.

Những cuộc viếng-thăm này của các bậc đế-vương đều được ghi-chép tường tận, và hơn một lần, đã là đề-tài không những riêng cho các họa-sĩ, thi-sĩ, kịch-sĩ-sử-gia... mà còn đối với cả người dân chất-phác đi ngoài đường phố.

Riêng về Trinity College, đặc-biệt chúng ta sẽ có dịp biết thêm chi-tiết và giai-thoại, quá-khứ cũng như hiện-tại, ở một đoạn sau...

Tất cả những sự-kiện đó khiến Cambridge trở nên nổi tiếng. Nổi tiếng vì lý-do lịch-sử, nhưng ngoài ra, còn vì Cambridge từ bao thế-hệ, đã là một cái lò nung đúc không biết bao nhiêu nhân-tài của nước Anh. Nhiều danh-nhân Anh đồng thời cũng là danh-nhân thế-giới, đã thụ giáo tại Cambridge. Như: Benjamin Whichcote, Henry More, John Smith, Ralph Cudworth, Sir Isaac Newton, Tennyson, Byron... Nhận xét đã khiến một nhà bình-bút, nguyên-quán tại Cambridge, dám kiêu-hãnh viết như sau:

«Thế-hệ này qua thế-hệ khác, các nhân vật đó là «cụu sinh-viên Cambridge, đã tạo nên nước Anh-cát-lợi ngày nay. Cambridge bao-hàm ý nghĩa một bảng liệt-kê những danh-nhân xứ-sở...»

oOo

Mặc dù thời tiết Cambridge trung bình không đến nổi như ở London thường-lệ thăm sâu, nhưng những buổi trời trong mây sáng như hôm nay, cũng thật là hân hữu. Vì vậy, tôi muốn nhân dịp cùng anh đi thăm một vài college quen biết.

Chúng ta sẽ không mất thì giờ đi viếng những college «tân thời», mới được thành lập sau trận đệ-nhị thế-chiến, như New Hall khánh thành năm 1954, hay Churchill College thành lập năm 1959. Tại các college này, kiến trúc chẳng khác nào các «building» to lớn của người Hoa-kỳ ở Saigon: phòng lớn, cửa kính to, rèm song rộng... Có tráng lệ, có tiện nghi, nhưng thật chẳng có gì là độc đáo. Trái lại, các college cũ kỹ, cổ kính, thì thật nên thơ, thú-vị.

Corpus Christi College là một trong

số các trường nhỏ nhất, vì chỉ nhận được 200 sinh viên, nhưng lại là một trong số các trường cổ kính nhất, vì được xây cất từ giữa thế-kỷ thứ XIV, tính đến nay đã hơn 600 năm. Các thảm cỏ xanh rờn, êm, mát; các ngọn đèn điện giả đèn dầu tỏa ra một loại ánh sáng tỏ mờ, huyền-ảo; các tòa nhà cổ-kính, mà toàn-thể lại ẩn sau tấm cửa chính bên ngoài coi thật là mới mẻ.

Thư viện của Corpus Christi College có nhiều bộ di-cảo đặc biệt quý giá, ví dụ như bút-tích của Thánh Matthew Parker, trước đây đã là Giám-mục Canterbury, và giám đốc nhà trường từ 1544 tới 1553. Ngoài ra, còn các bộ đồ sứ cũ, và những bức tranh xưa ghi hình ảnh các vị giám đốc khả kính ngày nay đã ra người thiên-cổ.

Do sự giới thiệu và gửi gắm nồng hậu của mấy ông bạn đồng-sự người Anh đã từng phen phục vụ cùng nhiệm-sở, tôi làm quen với một số giáo sư. Các ông tới kiểm tôi, rủ đi chơi, đi ăn, đi thăm thắng cảnh. Thực ra, tôi có thể đến ở hẳn nơi ký-túc-xá của một college, nhân dịp vụ hè. Nhưng chính vì là nghỉ hè nên một số giáo sư và các sinh viên đều đi vắng; ở trong trường quạnh hiu mà không có lợi. Tôi bèn ở tại một gia đình bạn Anh, thỉnh thoảng tới lui thư-viện coi tranh và đọc sách.

Một vài sinh viên còn ở lại nơi túc-xá, tổng số không quá 10 người. Chẳng hay vì hiếu học, hay vì thi rớt nên phải cố gắng dự kỳ thi vớt cuối hè? Mãi về sau, lần la trò chuyện, mới biết là các bạn sưu tầm tài-liệu để soạn bài thi lấy giải thưởng. Luận-án không được quá 4000 chữ; phần thưởng là 30 bảng Anh và luận-án được in thành sách. Hai đầu-đề được chọn đề các «sĩ-tử» đua tài tranh giải là: «Văn-đề chủng-tộc và đế-

quốc Anh» (Racialism and British Empire), và «Những chánh-sách viện-trợ kinh-tế» (The politics of economic aid).

Đọc đầu đề thứ hai, là dân một nước chậm tiến hay đang tiến, chúng ta có cái may mắn đáng buồn là có thể hiểu thấu hơn ai hết tất cả những cái vinh cái nhục của tình-trạng! Còn nói về đầu đề thứ nhất cũng không kém phần hấp dẫn. Vì khi đó vừa dịp Tòa Đại sứ Anh ở Trung-Cộng bị đốt phá, viên Đại-lý Anh tại Bắc-kinh bị bắt quỳ và làm nhục trước công-chúng. Sau đó, tại London, các «nhà ngoại giao» Trung-Cộng xung đột với cảnh sát, đến nỗi có người phải trở gấp vào bệnh-viện... Ô. Daniel Hopson đáng mến, Đại-lý Anh tại Bắc-Kinh, thật đã không may và xấu số phải đóng cái vai trò bất đắc dĩ: bất-lực, thu-động, cam chịu để cho bày «vệ binh đỏ» khát máu trả thù và «rửa nhục» cho Trung-quốc với những bản hiệp-ước bất bình-đẳng ký-kết với Anh-quốc dịp hạ-bán thế-kỷ đã qua... Và sau đó nữa, trụ-sở Tổng-lãnh-sự quán Anh tại Thượng-hải bị sung-công..., trong khi Hương-cảng nơm-nớp lo-âu, như ngàn cân treo sợi tóc...

Một giáo-sư mời tôi tới trường, một buổi chiều chủ-nhật, 7 giờ, dùng cơm thường. Đề thờ không-khí nhà trường và am tường nếp sống. Tôi tới nơi. Người gác cổng trông thấy tôi hoảng chừng, chạy tới đón đả hỏi thăm, rồi điện-thoại lên phòng giáo sư bạn của tôi. (Nên nhớ là mỗi giáo sư có một căn phòng riêng, với bàn giấy, tủ sách, và giường ngủ. Có thể ngủ lại đêm, nếu muốn tìm yên tĩnh để sưu-tầm, biên-khảo, hay vì thức khuya nên cần dưỡng sức nghỉ ngơi. Nhưng triết-đề giới nữ lưu, dù là vợ hay con gái, cũng không được quyền lai-vãng...)

Tôi đi thăm các phòng khách, phòng học, phòng thuốc. Rồi nói và nghe chuyện về du-lịch, về chánh-trị, và cả về.. "thế-sự" thăng trầm quân mạc tiểu!" Tôi được bạn giới thiệu các giáo sư khác, và ông Giám đốc, cũng là ông chủ-tịch ban quản-trị... Trong phòng họp trước giờ cơm, trần cao, cửa sổ và cửa ra vào cũng cao nhưng hẹp, người đọc báo, người đọc sách, người nói chuyện, có người lại chống tay cửa sổ, ngắm cỏ, nhìn trời... Có cái đặc biệt, là ai nấy đều mang áo dài rộng màu đen choàng ra ngoài thường phục, trông chẳng khác rào các vị thẩm-phán lúc đăng-đường hay các giáo-sư luật-khoa, buổi lễ khai giảng long trọng đầu niên học..

Có tiếng chuông. Ai nấy tiến vào phòng ăn. Một chiếc bàn dài kê trên bục gỗ. Trên bàn, có đèn nền, có dao đĩa bằng bạc, có ly, đĩa, thật đơn sơ mà đẹp mắt. Lẽ dĩ nhiên, bàn dành cho các giáo sư. Trên sàn thấp hơn, là hai giầy bàn dành cho các sinh viên, bày chữ U với bàn các giáo sư. Tôi là thượng-khách, nên ngồi bên tay mặt ông Giám đốc. Ai nấy đứng đọc kinh bằng tiếng la-tinh, trước khi ăn. Thực-đơn có thể gọi là trên mức trung-bình, vì ngoài các món phụ, ăn chơi, mỗi khách được một cái đùi vịt, và được

quyền uống rượu. Không phải rượu Anh, mà là rượu Pháp. Tôi hỏi và được biết: ngày thường, thực đơn có kém đôi chút.

Món ăn ghi bằng tiếng Pháp; trên thực đơn có in huy-hiệu nhà trường: hai chi tiết đã trở nên tập-quán, nói lên tính cách văn-nhân và quí-phái của college.

Rồi sau bữa ăn, chủ và khách cùng sang buồng bên, uống cà-phê, nước trà, rượu mạnh. Căn phòng cũng thấp nền trên mặt bàn, có bánh, kẹo. Lần này tôi ngồi tay mặt ông chủ-tịch ban quản-trị. Sự xếp-sắp dụng-ý để tôi có thể quen và nói chuyện với nhiều người. Tôi khám phá trong số các giáo-sư, có người tôi đã được gặp tại Tokyo; và có người đã có lần qua Việt-Nam, với tư-cách là cố-vấn chánh-trị cho tướng Gracey, nhân-danh quân-đội đồng-minh, tới Saigon giải-giáp quân-đội Nhật.

Mãi tới khuya, ai nấy mới chia tay. Riêng phần tôi, vừa được "ăn", được "nói", lại được "gói" đem về và "gói" của tôi là mấy cuốn sách, mà mấy ông giáo-sư là tác giả... Tôi hứa sẽ đọc, nhưng còn có đủ sức để hiểu hay không, lại là chuyện khác...

(còn tiếp)

PHẠM TRỌNG NHÂN

PHÂN ƯU

Được tin trẻ thân mẫu nhiếp-ảnh-gia NGUYỄN CAO ĐÀM đã mệnh chung tại Khánh-Hội,

Xin trân trọng chia buồn cùng anh Nguyễn-Cao-Đàm và tang quyến; và xin thành kính cầu chúc hương hồn Cụ sớm tiêu diêu nơi cõi Phật.

LÊ-NGỘ-CHÂU

B. N. P.

BANQUE NATIONALE DE PARIS

Siège social : 16, Boulevard des Italiens — PARIS

SUCCURSALE DE SAIGON :

36, Rue Tôn-Thất-Đạm — SAIGON

Tél. 21.902 (3 lignes) — 24.995

B.P. : E - 5

BUREAU DE QUARTIER

135, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON

Tél. 22.797

SUCCURSALE DE HONGKONG :

Central Building, Queen's Road Central

HONG KONG

Téléphones : 94 — 6081 (8 lignes)

P.O. Box N° 763

Bureau Permanent Causeway Bay

60-62, Yee Wo Street — HONGKONG

Tél. 772.171 à 772.173

Bureaux De Kowloon :

Agence TSIM SHA TSUI

Milton Mansion, 96 Nathan Road

KOWLOON Tél. 667.254

Bureau Permanent

Sham Shui Po :

290 et 292, Castle Peak Road, KOWLOON

Tél. 863.875

Bureau périodique

«Des Voeux Road» :

Realty Building, 71 des Voeux Road

Central, Hongkong

BUREAU DE REPRÉSENTATION

DE PHNOMPENH :

25, Rukhak Vithei Kramoun Sâr

PHNOM PENH

Tél : 24.37

B.P. N° 122



Thiếu-thời của Đinh-Bộ-Lĩnh

Đinh-Bộ-Lĩnh là vị vua đầu tiên của đất nước Việt-nam. Nhớ đến nước ta, ai cũng nhớ đến ông. Yêu mến nước ta, ai cũng yêu mến ông. Tôn trọng nước ta, ai cũng tôn trọng ông. Không lạ gì nếu thấy ông năng được nhắc đến, năng được ngợi khen, năng được tô vẽ. Đã là Việt-sử, tất quyền nào cũng phải thuật về ông, và thuật được càng nhiều chi-tiết càng tốt. Chúng ta thử đọc và suy xét một đoạn *Toàn thư* ghi chép về thiếu-thời của ông :

« Trước kia, cha của vua, Đinh-Công-Trứ làm nha-tướng của Dương-Diên-Nghệ. Diên-Nghệ đặt ông làm thứ sử Hoan-châu. Sau ông quy thuận Ngô-vương. Ngô-vương khiến ông trở về nhiệm-sở cũ và ông mất. Bấy giờ vua còn nhỏ, phải sống bơ côi. Mẹ vua họ Đàm cùng với người nhà vào ở tại chùa trong hang Sơn Thần. Trong thời còn bé vua thường chẵn trâu với bạn bè ngoài đồng. Các trẻ khác thấy vua vượt hơn bọn chúng quá nhiều, nên bọn chúng đặt vua đứng đầu. Khi chơi, bọn chúng hay cãi tay nhau làm kiệu cho vua ngồi và lấy cờ lau đi hai bên rước, theo nghi vệ thiên tử. Những ngày rảnh việc, bọn chúng đi đánh với trẻ ở làng bên cạnh, nhưng vừa đến bọn chúng đã thắng và bắt nộp củi làm vật phục dịch. Mẹ vua thấy thế vui mừng, làm thịt heo cho chúng ăn. Kẻ lớn tuổi và người già nua ở các châu nói với nhau rằng: « Cậu này sức lực như thế,

chắc sau này sẽ làm được việc lớn, nếu chúng ta không theo, chắc có ngày sẽ hối hận không kịp ! ». Rồi họ đem con cháu đồ đệ theo vua, đặt vua làm trưởng, đóng ở châu Đào úc. Chú của vua đóng ở Mao châu để chống cự với vua. Lúc đó vua còn nhỏ thể quân chưa mạnh nên phải chạy sang Tàu. Khi vua đến Đàm gia, qua cầu, cầu bị gãy xuống bùn. Chú vua kéo đến, thấy hai con rồng hiện ra, sợ nên rút lui. Vua thúc quân đánh, chú phải đầu hàng. Vì thế, mọi người đều sợ hãi. Hễ đánh nhau, bất cứ ở đâu, vua cũng thắng dễ dàng như chẻ tre nên lấy hiệu là Vạn-thắng-vương ». (1)

Theo *Toàn-thư*, vị vua đầu tiên của Việt-nam đã xuất tướng ngay từ khi còn nhỏ. Từ một cậu bé chẵn trâu, Bộ - lĩnh đã trở thành Vạn - thắng-vương, không phải nhờ vào kẻ khác giúp đỡ, cho bằng nhờ tài năng lãnh đạo riêng của cậu và nhờ ơn Trời. Hối không phải Trời che chở là gì khi hai con rồng bỗng nhiên hiện ra chặn đường chú cậu, vì chú cậu đang đuổi theo hồng làm bại cậu, và cậu đang bị nạn cầu gãy? Đang khi chú sợ phép Trời thì cậu xông đánh chú, nên chú phải hàng. Thật là một thiếu thời xứng đáng với bậc thiên-tử. Câu chuyện cũng nêu lên rằng uy-quyền thiên-tử đã thấy được nơi cậu khi cậu chơi với bạn bè:

1. *Toàn-thư*, quyển 1 tờ 1.

nào là trẻ vòng tay làm kiệu, nào là những cuộc rước bằng cờ lau, nào là các phụ lão các nơi qui phục.

Đọc vào sử-liệu xưa hơn tí nữa, như *Việt-sử-lược*, người ta biết thêm một số những chi-tiết ly kỳ hơn. Sách này giới thiệu nhà Đinh bằng hai chữ Tiên vương rồi nói : « Húy là Bộ Lĩnh, họ Đinh, người Hoa-Lư, lúc còn nhỏ mồ côi, cùng mẹ là họ Đàm, tất cả năm người, vào ở miếu Sơn thần. Ngoài cửa miếu có núi, trên mặt lá sen ở núi con sen kết thành chữ thiên tử ! ». Sau đó kể đến những điều như vừa thấy ở *Toàn thư*, duy về sự xích mích giữa Bộ-Lĩnh và chú, *Việt-sử-lược* cho biết thêm lý do, đó là đang khi phụ lão các nơi qui phục cậu bé, thì « một mình chú cậu là cứ chiếm giữ làng không chịu theo cậu. Cậu cất binh đi đánh nhưng không thắng, phải chạy đến khe Đàm gia. Ở đây cầu gãy xuống bùn. Chú cậu muốn tiến đánh, nhưng thấy hai con rồng hiện ra... »

Trong cách thuật chuyện cả của *Toàn-thư*, cả của *Việt sử lược*, người đọc rất khó mà phân biệt được giữa việc có thật và việc tưởng tượng. Các nhà chép sử đã ghép vào bên cạnh nhau những việc người đời có thể làm với những việc ông Trời có thể làm, và họ ghép như vậy một cách quá dễ dàng và tự nhiên, khiến cho những kẻ muốn tìm sự kiện lịch sử — nghĩa là những sự kiện con người đã làm thực sự, chứ không phải những việc có thể làm mà thôi — cảm thấy hết sức lúng túng. Nếu vì một vài nét kỳ dị, như việc rồng hiện ra, mà loại bỏ những nét khác rất có thể có, như xích mích giữa hai chú cháu, hay sự bận trễ chần trầu rước cờ lau, một nhà chép sử muốn tìm tòi quá khứ, chắc hẳn không nở lòng làm. Nhưng chấp nhận việc nào và loại

bỏ việc nào ? Lấy gì làm căn cứ để phân biệt việc đáng chấp nhận và việc đáng loại bỏ ? Đối với một khối óc trong đó rồng có thể hiện lên từ khắp các nẻo, thì khi nhận định thực tế người ta cũng nhận định với một màng mắt ảo-huyền, và xem chừng những kẻ chép *Việt sử lược* và *Toàn thư*, ở đoạn này, cũng đã có một khối óc như thế. Vậy thì mỗi lần đề cập đến thiếu thời của Đinh Bộ Lĩnh — và kẻ chép *Việt-sử* làm sao cũng phải nói đến — chúng ta có thể yên tâm vịn có rằng khó phân biệt thực hư mà lặp lại tất cả những gì sử cũ lưu lại không ? Hay chúng ta sẽ im lặng bỏ qua không nhắc tới ? Kỳ thực, giả sử chúng ta chỉ dùng quanh quẩn có bấy nhiêu tài liệu nói về thiếu thời của Đinh Bộ Lĩnh để xét về các việc xảy ra trong tuổi trẻ của nhà vua, có lẽ chúng ta sẽ khó mà có được một cái nhìn nghĩa lý. Tuy nhiên, khi đọc cả lịch sử của Đinh-Tiên-Hoàng, đem đoạn này đối chiếu với đoạn khác, một số sự kiện sẽ giúp chúng ta nhận định vấn đề một cách đầy đủ hơn.

Việt-sử lược, về sau, đã cho biết rằng khi Đinh-Bộ-Lĩnh chết, ông đã « tại vị thập nhất niên, thọ ngũ nhập ngũ ». Còn *Toàn thư*, khi tổng lược chuyện vua đầu họ Đinh, nói : « tại vị thập nhị niên, vi nội nhân Đỗ-Thích sở sát nhi băng, thọ ngũ thập lục niên, táng Trường-an sơn lăng ». (2) Hai tài liệu trên đây tính số năm cai trị và số tuổi của vị vua đầu tiên Việt nam không giống nhau. *Toàn thư* kê trọi hơn một năm. Căn cứ vào năm cai trị thì Đinh-Tiên-Hoàng có đến gần 12 năm, vì năm cuối cùng đến tháng 10, vua mới bị Đỗ-Thích giết. Nói tại vị « thập nhất niên » như *Việt-sử lược* là không đúng bằng. Vậy về tuổi thọ cũng

2. *Toàn thư*, quyển 1, tờ 1a.

nên tính theo *Toàn-thư*, tức là 56 tuổi, thay vì 55. Và nếu vào năm Kỷ-Mão (979) Đinh-Bộ-Linh thọ 56 tuổi, thì năm sinh của nhà vua phải là năm Giáp-Thân (924). Sự kiện này sẽ giúp nhiều cho chúng ta trong việc tìm chân-lý về thiếu thời của nhà vua họ Đinh.

Trong chuyện Đinh-Tiên-Hoàng của *Toàn thư* chúng ta còn đọc được vài chi tiết đáng lưu ý khác, như cha của nhà vua là Đinh-Công-Trứ làm thứ-sử Hoan-châu, và khi Ngô-Quyền lên cai trị, Công-Trứ đã qui-thuận họ Ngô cùng được họ Ngô cho phép giữ chức cũ; sau đó ông mất. Dựa vào những sự-khiện này về vua nhà Đinh, chúng ta dần dần đặt vấn-đề. Trước hết, hỏi Công Trứ đã mất vào năm nào? Như lịch-sử cho biết, thì Ngô-Quyền lên nắm chính quyền là năm Kỷ-Hợi (939). Theo *Toàn-thư* thì năm đó Công-Trứ phải còn sống, vì ông còn từ Hoan-châu ra Cồ-loa qui thuận họ Ngô. Ngô-Vương không có hiềm khích gì đối với Công-Trứ, nên sẵn sàng giữ ông tại chức. Hỏi Công-Trứ chết bao giờ? Ông về nhiệm-sử thì chết ngay hay còn sống nữa rồi về sau mới chết? Lời của *Toàn-thư*: «khiến hoàn cựu nhiệm tốt» không có một ý nghĩa dứt khoát, hiểu là chết ngay cũng được và hiểu về sau lâu mới chết cũng được. Để cho lý luận có phần chắc hơn, thử kể là Công-Trứ đã chết khi ông vừa trở về Hoan Châu, nghĩa là trong năm Kỷ-hợi (939). Như thế, khi bị mồ côi cha, Đinh-Bộ-Linh đã khá lớn. Tính mà coi từ năm Giáp-Thân đến năm Kỷ-Hợi, theo cách kể tuổi của Đông phương cậu đã có 16 tuổi đầu. Vậy là cậu con của thứ-sử ít nhất khi lên 16 tuổi mới mồ côi cha.

Sự kiện Bộ-Linh, con của Thứ-sử Đinh-công-Trứ ít nhất lên 16 tuổi mới mồ côi cha này cho phép chúng ta đặt nhiều câu hỏi. Hỏi khi mồ côi, Bộ-Linh có đến nỗi phải đi chăn trâu không?

Nói cách khác, hỏi cậu Bộ-Linh đã được hân hạnh làm con của một quan thứ-sử được bao nhiêu lâu? *Toàn-thư* tiết lộ rằng Công-Trứ là tùy-tướng của Dương-Diên-Nghệ và ông này đã bổ nhiệm Công-Trứ làm thứ-sử. Không biết việc bổ nhiệm xảy ra năm nào, nhưng chắc rằng không thể xảy ra trước khi Diên-nghệ nắm toàn quyền trên Tĩnh-hải thay thế họ Khúc, mà họ Khúc mất và Diên-Nghệ thay thế là vào năm thứ tư hiệu Đại-hữu nhà Nam-Hán, tức là năm Tân-Mão (931). Việc bổ-nhiệm cũng không thể xảy ra sau tháng ba năm Đinh-Dậu (937), vì vào tháng đó, năm đó, Diên Nghệ đã bị nha-tướng là Kiều-Công-Tiện giết. Trong khoảng thời-gian từ 931 đến 937, tức là 7 năm đó, Công-Trứ đã có thể được Diên-Nghệ cho vào trấn nhậm Hoan-châu. Như vậy ông đã có thể làm thứ-sử ít nhất là hai năm, mà nhiều nhất là chín năm. Và địa-vị «con quan thứ sử» của Bộ-Linh cũng nằm trong điều-kiện đó. Nếu cha cậu làm thứ-sử hai năm, thì cậu làm con quan thứ-sử từ khi 14 tuổi, và nếu cha cậu làm thứ-sử chín năm, thì từ khi lên bảy cậu đã có thể theo cha vào miền Nam.

Phải nói rõ như vậy, vì làm «con quan thứ sử» không phải là tầm thường. Theo lệ của thời Bắc thuộc, làm thứ-sử là cai trị một châu. Hoan-châu không phải là nơi béo bở nhất của Tĩnh-hải, nhưng cũng là một châu lớn. Đứng đầu Hoan-châu, Công-Trứ có quyền của kẻ đứng đầu. Thường quyền làm ra lợi, và quyền càng cao lợi càng lớn. Quyền của thứ-sử bấy giờ phải khá lớn vì sự kiểm soát trung ương bớt xuống. Thời của Dương-Diên-Nghệ là một thời Trung-hoa đại loạn, vậy xét về sự kiểm soát Trung-hoa, thì nói được là không còn nữa. Về quyền trung-ương của quận Tĩnh-hải, tất cũng yếu lắm. Cứ nghĩ đến sự tiềm ngòi của

Công-Tiên, thì đủ biết sức của Diên-Nghệ không có là bao. Thế nghĩa là các thứ sử hầu như hưởng toàn quyền trong địa-hạt của mình, kể cả thứ-sử Hoan-châu. Trong trường-hợp đó, nếu Công-Trứ không giàu sang lắm, thì ít ra cũng có đủ những điều-kiện vật-chất cần thiết, xứng đáng với cái tiếng làm chúa một vùng. Chắc ông có thể có cơm no áo ấm cho con cái, tức là cho Đình-Bộ-Linh. Chắc ông có thể lo việc giáo-dục cho con cái, tức là cho Đình-Bộ-Linh. Về mặt học hành, nếu cậu không gặp được một ông thầy thông minh lỗi lạc, thì ít nhất cũng dư c một ông đồ danh tiếng nhất châu. Đó là điều mà cậu được hưởng với tư-cách là con quan thứ-sử Hoan-châu. Cha cậu làm thứ-sử hai năm, cậu được hưởng hai năm. Nếu cha cậu làm lâu hơn, cậu được hưởng lâu hơn.

Với giả-thiết Công-Trứ làm thứ-sử lâu năm tại Hoan - châu, những mẩu chuyện lúc còn bé Bộ-Linh chăn trâu với các trẻ trong làng, hay chuyện cậu được cá - trẻ khác vòng tay làm kiểu rước với cờ lau, hỏi có đượg vững được không? Những mẩu chuyện đó phải đi đôi với sự kiện cậu mồ côi cha khi còn bé, và gia cảnh tất bật. Nhưng đây cậu là con thứ-sử và mười sáu tuổi mới mồ côi. Người ta có thể đoán rằng, trong thời trước, trẻ mười lăm, mười sáu tuổi vẫn còn đi chăn trâu, chăn bò. Đoán như vậy có thể đúng, nhưng đúng với những trẻ nghèo nàn và không thể làm được việc gì khác kia, và những trẻ như thế, chẳng những chúng chăn trâu bò đến mười lăm, mười sáu tuổi, mà đôi khi làm nghề đó suốt đời. Đình-Bộ-Linh ở vào một trường hợp khác. Là con thứ-sử cậu có gia-tài; là con thứ-sử, cậu có học. Cậu có phải cậu nghèo nàn tất bật hay cậu không thể làm được việc gì khác ngoài

chăn trâu ?

Cũng không thể nói được trẻ thời trước không ham học hay dốt nát không học được, nên dẫu là con quan to và dẫu lên mười lăm, mười sáu tuổi cũng không làm được gì khác ngoài việc chăn trâu? Sự thực là sau đó vài trăm năm, vào thượng bán thế kỷ 13, người ta thấy thanh niên trạc tuổi Bộ-Linh đã thi đậu những trạng-nguyên, bãng-nhãn, thám-hoa. Thử lấy khoa thi năm Đinh-vị thời Trần-Thái-Tông làm ví-dụ (1247). Năm đó, người đậu trạng-nguyên là Nguyễn-Hiền, mười ba tuổi, người đậu bãng-nhãn là Lê-văn-Hưu, mười sáu tuổi, người đậu thám-hoa là Đặng-Ma-La, mười bốn tuổi. Một người như Bộ-Linh, về sau tài cán phi thường đến rồi làm vị vua đầu tiên của nước Việt-Nam, đã không được học thì chớ, chứ đã được học tất không kém gì ai. Giả-sử thời cậu cũng có thi cử, cậu tất đã được liệt vào hạng khoa bãng.

Có thể nói được rằng vì cha cậu chỉ làm thứ-sử được hai năm nên cậu phải đi chăn trâu không? Giả-thuyết hai năm nếu mà đúng, cũng không làm cho lý luận trên đây bớt giá-trị. Làm một vị thứ-sử trong những trường hợp đặc biệt như thời của Dương-Diên-Nghệ, dẫu có chỉ trong vòng hai năm mà thôi đi nữa, cũng không thể không có gì để lại để nuôi con, Đàng khác, nên nhớ rằng Đình-Công-Trứ không phải từ con số không nhảy lên làm thứ-sử. Trước khi được bổ đi Hoan-châu, ông đã là nha-tướng của Dương-Diên-Nghệ. Chức nha-tướng của một vị chúa quận không phải là một chức vừa, cứ coi chuyện Kiều-Công-Tiên thì đủ biết Công-Tiên đã nghĩ rằng ông không kém gì Diên-nghệ nên giết chủ đi để lên nắm chính quyền. Công-Trứ cũng đã là một nha-tướng, và là một nha-tướng

thân yêu. Hối không thân yêu sao mà được đi làm thứ-sử? Lại nếu không phải vì thân yêu mà được thăng chức thì tất phải có thực-lực, và đó còn là một điểm đáng khen hơn. Vậy, giả sử Đinh-Bộ-Linh chỉ là con quan thứ-sử được hai năm, thì cậu đã làm con một vị tướng trong vòng lâu năm trước. Con một vị tướng chắc không danh giá sung sướng như con quan thứ-sử nhưng cũng là con một cấp quan cao. Nếu không giàu có, Công-Trứ cũng phải đủ ăn, cũng đủ phương-tiện để nuôi con và cho con theo học. Như thế khi ông lên chức thứ-sử, con ông chỉ tiếp tục việc học hành đã bắt đầu từ lâu. Thế là cả trong trường hợp này, những chuyện chần trầu và cờ lau vẫn không có chỗ để chen lẫn vào.

Nhưng phải nghĩ sao về chuyện Bộ-linh đánh nhau với chú? Trước tiên nên ghi nhận rằng chuyện đánh chỉ có thể xảy ra trong trường hợp Bộ-Linh mồ côi phải về chần trầu, vì hai chuyện được thuật dính liền với nhau như một. Nhưng với một vài điều-kiện, chuyện đánh nhau vẫn có thể hiểu được, mặc dầu không có chuyện chần trầu. Điều-kiện thứ nhất là Đinh-Công-Trứ đã chết vào lối 939, nghĩa là lúc Bộ-Linh còn trẻ, điều-kiện thứ hai là Bộ-Linh phải trở về Hoa-Lư sau khi quan thứ-sử mất. Đặt điều kiện như vậy rồi, chúng ta có thể suy luận.

Thật trong một thời mà chính-quyền trung-ương yếu ớt như thời Ngô-Quyền mới lên, các thổ-hào dễ dàng nổi dậy xưng hùng xưng bá rồi chống đánh lẫn nhau. Khi Bộ-Linh, con thứ-sử, với 16 tuổi đầu, có tài, có học, trở về Hoa-lư, người trong vùng có thể đã muốn dựa vào danh tính của cậu thanh-niên để lo việc tự vệ, và nếu có thể, để gây dựng

ng nghiệp lớn. Bộ-Linh, với chí cao sẵn có, đã không ngần ngại chấp nhận. Tuy nhiên đang khi đối với người ngoài thì Bộ-Linh là con một cố thứ-sử, có thanh danh, có uy tín, nhưng đối với họ hàng, như chú chẳng hạn, cậu lại chỉ là một thằng cháu mà thôi. Việc chú phải lụy cháu tỏ ra khó khăn, bởi lẽ chết cha còn chú, chú đứng đạo cha, đáng lẽ Bộ-Linh phải lụy chú mới phải. Không giữ được vai cha mà phải giữ vai thần hạ, chú lấy làm nhục, và không chịu tôn trọng Bộ-Linh như các thổ-hào khác. Có lẽ chú nghĩ rằng, vì dầu sức mình có thua sức cháu đi nữa, việc đó cũng không đáng lo, vì nữ nào cháu đem quân đánh chú. Không ngờ, theo như chuyện kể, cháu đã đến đánh. Cũng không nên vội trách hành động ngang ngạnh này của Bộ-Linh. Bộ-Linh đã được các thổ-hào tôn lên, nhưng quyền chỉ-huy chắc gì đã trọn trong tay cậu. Vì cậu còn nhỏ, việc định đoạt phải đánh chỗ này hay chỗ khác, phần lớn phải do sự suy lường của các thổ-hào. Nếu Bộ-Linh phải coi kẻ giữ thái-độ biệt-lập là chú, thì các thổ-hào trong phe cậu chỉ thấy nơi người đó là một kẻ thù cần phải hạ. Đó có thể là lý do của việc giao-tranh.

Cũng theo như chuyện thuật lại thì quân Bộ-Linh lúc đầu thua và phải chạy trốn, chạy đến chỗ khe, gặp cầu gãy, xuýt lâm nguy. Bấy giờ có hai con rồng hiện ra chặn đường, chú sợ hãi rút quân; Bộ-Linh đã đuổi đánh và thắng. Các việc của câu chuyện có thể hiểu được mà không cần gì phải có rồng rắn. Tại sao quân của Bộ-Linh lúc đầu lại thua? Việc thua trận này không lạ bao nhiêu, nếu chúng ta nhớ đến tình trạng cực bất đắc dĩ của Bộ-Linh khi cậu phải mang quân đi đánh chú. Trong đoàn quân cậu, chắc một số thông cảm với hoàn cảnh

đặc biệt của cậu, và một số theo nhóm thổ hào hiếu chiến. Sự chia rẽ đó đã làm lực lượng cậu ít sẵn sàng. Nhưng một khi đã bị thua và phải rút chạy, nhất là khi đến chỗ cầu gãy, Bộ-Linh và toàn quân đã thấy rõ nguy cơ. Thôi thì hai đảng đành phải chọn một, hoặc là đồng lòng chống địch để sống, hoặc là bỏ mạng. Tất cả đã chọn phần chiến, và cả thắng. Chú của Bộ-Linh phải đầu hàng. Từ đó thanh thế của Bộ-Linh thành lừng lẫy. Có phải sức mạnh này dần dần lớn lên đã làm Bộ-Linh thành « Vạn thắng vương » hay không ? Không. Ở đây *Việt sử lược* đã xen vào một vài nét bất ngờ. Sách này chép : « Bấy giờ trong nước không ai làm chủ, vua (tức Bộ-Linh) thấy Trần-Minh-Công là người hiền mà không có con trai, bèn cùng với con vua đến nhờ cậy. Minh Công thấy vua cho là người có khí lượng, nên nuôi làm con, giao cả bộ thuộc binh sĩ cho vua, rồi sai đi đánh mười hai sứ quân, dẹp yên được cả. Năm Mậu-Thìn (968) Minh-Công mất, quan lại và nhân dân ở kinh và ở các phủ phần nhiều đến qui phục ». Chúng ta thử xét ý nghĩa của đoạn này.

Việt sử lược cho biết Trần-Minh-Công là một trong mười hai sứ quân. Ông chiếm vùng Giang-bổ-khâu làm căn cứ. Vùng Giang-bổ-khâu, hay vùng Bồ-hải-khâu là vùng Thái-bình ngày nay, đang lúc đó Hoa-lư nằm ở vùng Ninh-bình. Câu hỏi phải đặt là tại sao, theo địa điểm của mười hai sứ quân, Hoa Lư nằm xa mãi về phía Nam, mà Bộ-Linh, một người đã thành công rực rỡ trong vùng, lại không lợi dụng sự xa cách của nơi mình đang đóng quân để tiến phát, mà phải đem thân đi làm con nuôi của Trần Minh-Công ? Theo chuyện kể thì khi Bộ-Linh đến với Trần-Minh-Công, Bộ-

Linh đã có con khá lớn, — vì con đi theo, chứ không phải bỗng theo — vậy hỏi Bộ-Linh lớn như vậy, và trong tay lại có một lực lượng lớn bao trùm cả một vùng xa xôi hẻo lánh, sao lại không tự mình nổi dậy làm một sứ quân thứ mười ba ? Lại một thắc mắc khác :

Sao những việc không quan trọng như việc chăn trâu, rước cờ lau, thì lại thuật chi tiết, mà đến việc đại hệ như việc thắng mười hai sứ quân thì chỉ thuật bằng những lời tổng quát, không có một chi tiết nào ? Phải chăng đây là những mồi chài của một sợi chỉ thô chắp và những mẩu chuyện không ăn khớp với nhau ? Thiết nghĩ *Việt sử lược* đã kết lại những đoạn văn sẵn có về Đình-bộ-Linh, không xét gì đến các đoạn văn này giá trị bao nhiêu, vì thế cho nên văn-diệu không được thuận, việc thuật không được xuôi, chuyện-mạch không được ăn ý.

Sự bất ổn của *Việt sử lược* trong đoạn chuyện-mạch (*Toàn-thư* không có đoạn đó) khiến cho người đọc phải nghi ngờ về hai điều-kiện đặt làm căn bản để tìm hiểu ý-nghĩa của việc hai chú cháu đánh nhau. Hỏi giả-thiết như vậy có nền tảng nào không ? Dựa vào sử-ký Việt-Nam, chúng ta khó mà quả quyết được về sự Công-Trứ, cha của Đình-bộ-Linh đã chết sớm, tức vào năm 939. Và nếu không quả quyết được việc Công-Trứ chết sớm thì cũng khó mà quả quyết được việc Bộ-Linh đã về Hoa-lư. Giả sử không có tài-liệu nào khác để đặt vấn đề, chúng ta có thể lấy giả-thiết trên làm kể « di nghi truyền nghi ». Nhưng thật ra còn có một tài liệu lịch-sử đề cập đến giai đoạn này của đời Đình-Bộ-Linh. Chúng tôi muốn nói đến bộ *Tống-sử*, vì trong bộ sách này có một đoạn chép :

« Nguyên trước Dương-Diên-Nghệ có

đặt Đinh-Công-Trứ làm thứ-sử cai trị Hoan-châu, để giữ gìn bờ cõi. Bộ-Linh chính là con Công đó. Khi ông-Trứ mất, Bộ-Linh lên thay. Bấy giờ Bộ-Linh cùng với con là Liễn đem quân ra đánh bại bọn Xứ-Bình ; Đàng giặc liền tan .(3)

Thế là chúng ta có một đoạn sử làm chứng ngược lại với tập-truyện của các sách sử đầu tiên hiện còn của người Việt. Thiết lập được giá-trị về đoạn văn của *Tổng sử*, cũng là đồng thời làm chứng rằng các mẫu chuyện thuộc thiếu thời của Bộ-Linh, như chần trâu, rước cờ lau, đánh nhau với chú, làm con nuôi của Trần-Minh-Công ở Giang-bổ-khâu, đều là những nét tô-diềm phát xuất tự lòng tôn sùng đối với vị vua tiên-khởi của Việt-Nam.

Tổng quát mà nói, có thể cho rằng bộ *Tổng sử* là một sách sử đứng đắn vào bậc nhất trong các bộ sử ký Trung-hoa. Bộ sử gồm tất cả 496 quyển, chia làm 47 quyển bản kỷ, 162 quyển chí, 32 quyển biểu, 255 quyển liệt-truyện. Nêu lên thành phần như vậy, để thấy rằng tác giả của bộ sử này đã theo sát cách biên chép của các sử gia danh tiếng về trước, như Tư-Mã-Thiên, Ban-Cổ, Phạm-Việt.. Bộ *Tổng sử* đã được chép dưới thời nhà Nguyên dưới quyền tổng-tài của một học-giả lỗi lạc là Thoát-Thoát. Thoát-Thoát được làm Trung-thư hữu Thừa-tướng năm Chí-nguyên thứ tư (1338). Đến năm Chí chính thứ ba, (1343), Nguyên Thuận-đế đặt Thoát-Thoát làm Đô-Tổng-tài coi việc biên soạn các bộ sử như *Tổng sử*, *Liêu sử*, và *Kim sử*. Ở quyển 488 của bộ *Tổng sử* tức quyển thứ tư về mục Ngoại-quốc, các sử-gia nhà Nguyên đã chép về Giao-Chi, và trong thiên "Giao-Chi" này đã gặp được đoạn

(3) *Tổng sử*, quyển 488 — *Nhị thập ngũ sử*, trang 5713, cột 2.

văn trích dẫn ở trên.

Sử-gia nhà Nguyên cũng có thể sai lầm như sử-gia Việt-nam về thời nhà Trần hay thời hậu Lê. Nhưng xét về sử pháp, chúng ta chắc được rằng Trung-hoa có một tập truyền lâu đời hơn ; xét về tài-liệu, Trung-hoa có cơ hội để biết rõ hơn trong một giai đoạn mà nước Việt-Nam chưa có chính quyền riêng rẽ, rõ rệt và trên lý-thuyết vẫn còn thuộc về Trung-hoa. Đọc ngay vào bản văn của người Trung-hoa và của người Việt-nam, ai cũng nhận được ngay rằng ngòi bút của những kẻ làm việc dưới quyền Thoát-Thoát(4) có vẻ thận trọng đo đắn, trái lại ngòi bút của tác giả *Việt-sử-lược* và của *Toàn thư*, ở đoạn này, tỏ ra gấp chăng hay chớ. Hơn nữa, xét về thời gian ghi chép, *Tổng sử* đã ra đời trước *Việt-sử-lược* (1377) đến hơn 30 năm. Đồ đồng lại mà nói, trong câu chuyện về Đinh-Bộ-Linh, *Tổng-sử* có nhiều yếu-tố để chúng ta tin cậy.

Đọc chuyện của *Tổng-sử* về thiếu thời của Đinh-Bộ-Linh, chúng ta ghi nhận được hai điểm này là Đinh-Công-Trứ không chết vào năm 939, và sau khi ông chết, con ông là Bộ-Linh không trở về Hoa-lư ngay. Tại sao có thể nói rằng Công-Trứ không chết năm 939 ? Đó là vì bấy giờ Bộ-Linh mới 16 tuổi, và một cậu bé 16 tuổi không thể được đặt thay cha trên địa-vị thứ-sử. Bộ-Linh phải lớn lên đã, lại phải có công trạng trước mặt dân, phải có khả năng lãnh đạo khiến cho bọn thuộc lại qui phục, lúc đó mới kế vị cha một cách êm đẹp và rồi mới có thể dùng Hoan-châu làm bàn đạp để thắng các sứ-quân. (5) Hỏi tạ

(4) Chuyện Thoát Thoát, xem *Nguyên sử*, cuối quyển 138.

(5) Về Sứ quân, xem *Việt nam thời kỳ* *Sinh* của Nguyễn Phương, trang 330-331.

sao các sách chuyện Việt-Nam lại lấy Hoa-lư làm diễn đàn cho thiếu thời của Bộ-Lính ? Điều đó không lạ gì, vì Công Trứ gốc ở Hoa-Lư, và về sau, khi đã làm vua rồi, Đinh-Bộ-Lính cũng đóng đô ở Hoa-lư. Chỗ đáng lấy làm lạ chính là tại sao các chuyện đó lại không lấy Hoa-lư làm chỗ thành thành-công của Đinh-Tiên-Hoàng.,.

Đề kết-luận, chúng ta có thể nói rằng vị vua đầu tiên của nước Việt-nam đã xuất thân từ cửa tướng, đã từng nổi vị cha làm thứ-sử Hoan-châu, rồi gặp lúc đất nước ly loạn, đã dẹp yên được các sứ-quân để lập ngôi vua vĩnh-cửu cho một quốc gia mới.

NGUYỄN PHƯƠNG

15-11-1967 phát hành

NHÂN-CHỨNG

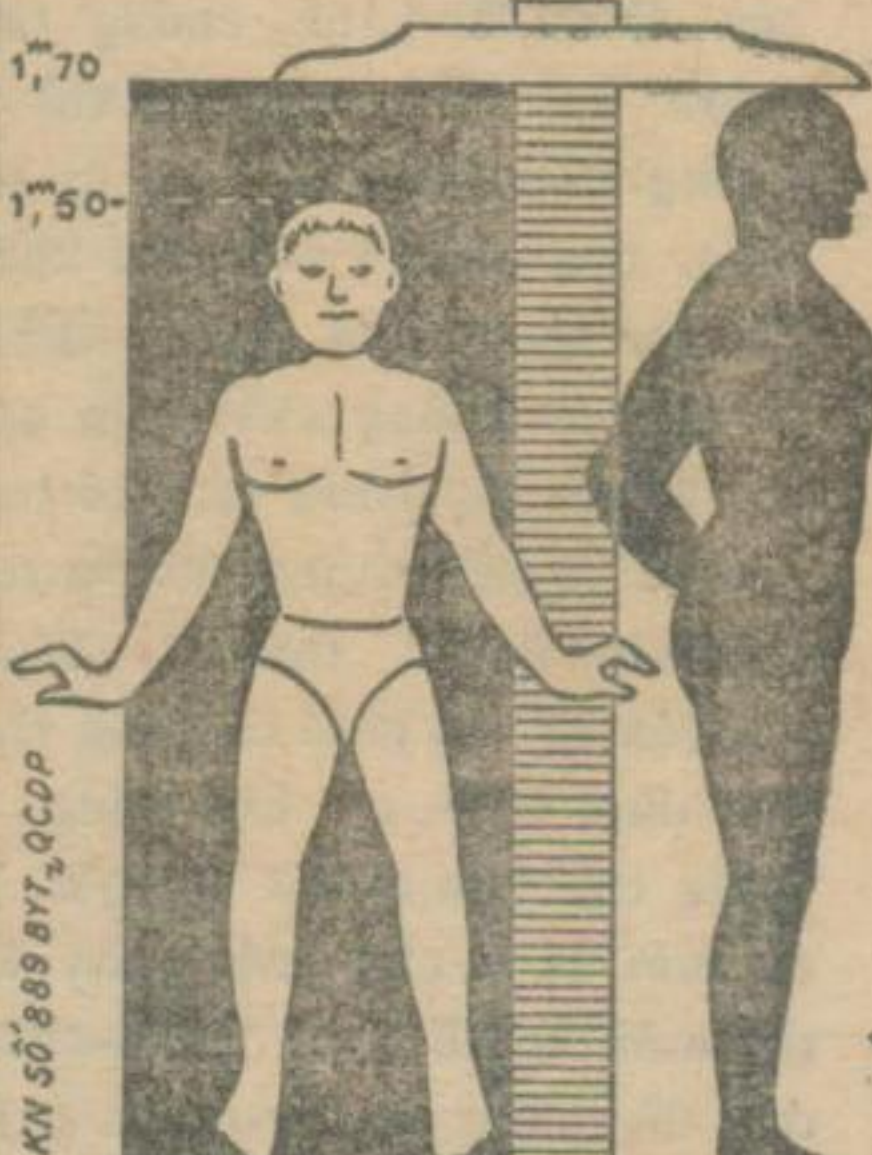
50 khuôn mặt và 50 tác phẩm của 80 tác giả hiện đại.

Chủ biên : Phở-Đức — Bia Duy-Thanh

do cơ sở xuất bản Nhân Chứng ấn hành.

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TÔ
C - D - PP - B2 - B6 - B12



KN SỐ 889 BYT-QC DP

LABOHADZER

- CON NỈT MAU BIẾT ĐI
- CƯỜNG XƯƠNG.
- MẠNH KHOẺ .
- NGƯỜI LỚN CƯỜNG RĂNG .
- ÍT ĐAU RĂNG.
- BỆNH YẾU PHỔI.
- HO - MỆT MỎI .

MỖI LẦN PHA 1 ÔNG VÀO NỬA LÍT NƯỚC,
CẢ GIA-ĐÌNH UỐNG THAY THẾ NƯỚC GIẢI-KHÁT.

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ?

của ANDRÉ MAUROIS

NGUYỄN-HIẾN-LÊ giới thiệu

(Xin xem BK.TĐ. từ số 256)

Thư ngỏ gửi một thanh niên về cách dẫn đạo đời sống

VIẾT VĂN

Khi tôi hỏi bạn : « Bạn tính lựa nghề gì đây ? », bạn đáp : « Có lẽ lựa nghề viết văn ». Phải bỏ hai chữ có lẽ đi, nếu không thì phải bỏ nghề viết văn đi. Viết là một khuynh hướng khần khiết; nếu không thì nó không còn là một khuynh hướng nữa. Hồi nhỏ Victor Hugo muốn « thành Chateaubriand, không thì thôi ». Một nhà-văn bẩm-sinh viết vì có điều phải nói ra và chỉ có thể nói ra bằng cách viết. Nếu trang giấy trắng hấp dẫn bạn, nếu bạn sẵn sàng hy sinh hết thầy đề cho ra đời những tư tưởng nó trườn bò trong thâm tâm bạn, tìm lối đề xuất phát, nếu bạn biết rằng dù thất bại, dù bị chỉ trích ác nghiệt, bạn cũng vẫn tiếp tục viết; nếu bạn đã cảm thấy như Proust, một nỗi giải thoát, một sự thắng lợi khi viết được một câu hoàn toàn, tả được đúng một nhân vật, một sự vật hoặc một tình cảm nào đó, thì bạn cứ xông vào con đường viết văn đi.

Nhưng xông vào mà nên nhớ rằng bạn sẽ vô một tôn giáo, sẽ phải làm việc, suốt đời bạn, cực nhọc hơn mọi nghề khác đấy. Khi bạn thấy một cuốn sách hoàn toàn, tô chuốt, sửa chữa, chỉnh đốn kỹ lưỡng, bạn muốn coi nó như một hiện

tượng tự nhiên. *Madame Bovary*, (1) *Adolphe* (2) *Le père Goriot* (3) những tác phẩm đó sừng sững như một cây sên (chêne) hay một cây táo. Sự thực đã phải mất bao nhiêu công lao, chăm chút, không tưởng tượng nổi mỗi sản xuất được những tác phẩm đó. Bạn bảo người ta cho coi những bản thảo từ khi bắt đầu viết tới khi hoàn thành của một danh tác, bạn sẽ thấy có biết bao là ân hận ! biết bao chỗ thêm vô ! biết bao chỗ sửa chữa vọt ra ngoài lề y như những pháo thăng thiên ! biết bao nhiêu mảnh giấy nhỏ dán đầy chung quanh ấn cảo coi y như một tấm ren kì cục ! Đành rằng có những lúc xuất thần và chỉ trong một đêm tác giả « hạ » được ba mươi trang giấy. Nhưng cái tia vọt ra đầu tiên đó dù nóng hổi đi nữa, cũng phải sửa chữa lại trau chuốt lại. Được vài giờ sáng tác dễ dàng như vậy thì lại có biết bao ngày viết thật khó khăn, do dự giữa hai tác phẩm, không biết nên lựa đầu đề nào biết bao đoạn đầu viết rồi phải liệng đi, công toi, biết bao trường hợp mà người viết tưởng đã để được một tuyệt tác

(1) Của Gustave Flaubert — (2) Của Benjamin Coustant (3) của Balzac.

sau mới nhận ra rằng mình âu yếm ôm chặt trong lòng một tác phẩm tồi.

Bạn vô đây thì xin bạn để lại ở ngoài, không phải là mọi hy vọng, mà mọi ý tưởng khác và mọi ý tự cao tự đại. Bạn phải ngắm nghía tác phẩm của bạn bằng cặp mắt của người lạ, phán xét nó, nếu cần thì chê bai nó. Điều này khó khăn hơn nữa, là bạn vẫn phải giữ đủ sáng suốt để thấy những chỗ đẹp của nó, nếu quả thực nó có chỗ đẹp. Muốn có được sự phán đoán đúng đắn đó, chỉ có mỗi một cách là đọc tác phẩm của các bậc thầy. Đọc Tchekov và Katherine Mansfield nhiều rồi, bạn sẽ so sánh truyện ngắn của bạn với truyện ngắn của họ, mà thấy tủi thẹn cho mình, nhưng đôi khi cũng thấy chút hy vọng. Đã quen với Balzac, Stendhal, Proust rồi, bạn sẽ nghiêm khắc với những truyện dài của bạn. Ngưỡng mộ Swift, Kafka một cách thông minh rồi bạn sẽ xét được một cách công bằng những thể giới tưởng tượng của bạn. Và bạn phải coi chừng đấy: đừng cho là mới những cái đã có từ thời nào tới giờ. Chẳng hạn, câu này của ai đây: «Trong cái khám đường mà người ta gọi là đời sống này, đành rằng bạn không biết tại sao bạn bị nhốt, vì tội gì mà bị trừng phạt, nhưng bạn biết rằng vụ truy tố...» Bạn bảo của Kafka. Không đâu, bạn ơi, của Vigny đấy! Đó là một bài học thận trọng cho bạn. Tôi không khuyên bạn bắt chước các bậc thầy (mặc dầu là Proust đã học được nhiều bằng cách bắt chước lối viết của các nhà khác); nếu bạn có một bản chất văn sĩ thì bạn không muốn bắt chước ai đâu. Bạn sẽ tự gây lấy mặt cho bạn một cách bất tự giác, lấy của Tolstoi lối giới thiệu nhân vật, mượn của Balzac lối nhập đề man mác,

của Stendhal cái giọng ngạo mạn cuồng nhiệt, còn bao nhiêu thì là của bạn.

Bạn nên xét tác phẩm của bạn một cách nghiêm khắc nhưng đừng nên khinh nó. Vì đã được đọc nhiều tác phẩm của các bậc thầy nên sự phán đoán của bạn sẽ có giá trị. Nếu đọc lại một tác phẩm đã hoàn thành của bạn và thấy nó đẹp thì nên tin ở bạn đi, người khác muốn nói sao cũng mặc. May thay, có những nhà đại phê bình, lương thiện, đại lượng, học rộng; bạn cần biết cảm tưởng của họ và nên để ý tới những lời dị nghị của họ. Nhưng than ôi! bạn cũng sẽ phải gặp những nhà phê bình gắt gỏng, hoặc bủn xỉn. «Tán thưởng một cách tầm thường, đó là một dấu hiệu rõ rệt tỏ rằng mình là hạng người tầm thường.» Tôi thú thực với bạn rằng hồi trẻ tôi đã được khuyến khích vì nhận được những lời khen thân mật của những bộ óc lớn lao như Alain, Valéry, Robert-Kemp, Edmond Jaloux, Virginia Woolf, Edmund Gosse, Desmond Mac-Carthy (tôi chỉ kể tên những người đã khuất).

Nếu bạn phải nói về những tác phẩm của người khác thì có cái gì đáng khen, bạn cứ việc khen, đừng ngại. Bạn nên đọc lại những bài tuyệt thú mà Balzac viết về cuốn *La Chartreuse de Parme*. Một thiên tài tìm ra được một thiên tài khác, cái đó làm cho người ta ấm lòng lắm, nhất là nếu người ta nhớ rằng thời đó cả hai nhà đó (1) đều chưa được sự phê bình chính thống đặt vào đúng địa vị của họ.

Vậy tôi thí dụ rằng bạn có khuynh hướng viết văn và có một trình độ học thức đủ để phô diễn tư tưởng, cảm xúc của bạn. Như vậy tốt lắm, nhưng bạn sẽ viết gì đây? Các văn hào bậc nhất cũng đã bị bỡ ngỡ trước khi kiếm được con

(1) Tức Balzac và Stendhal, tác giả cuốn *La Chartreuse de Parme*.

đường cho mình. Balzac tưởng mình có tài soạn kịch bằng thơ, tưởng mình là một triết gia, một cây bút phóng thích. Ông ta bảo những tiểu thuyết đầu tay của mình « đúng là thứ văn chương nhớp nhúa; mãi tới khi được hoan nghênh rồi ông mới tin rằng mình là tiểu thuyết gia. Một thi hào thường tự biết mình sớm hơn. Byron, Hugo ngay từ hồi thiếu niên đã làm được những câu thơ hay và biết rằng thơ mình hay. Nếu cảm xúc của bạn phát ra thành những bài ca và nếu bạn có lương thức về tiết điệu, thì chưa tới hai mươi tuổi bạn nhận thấy được thiên tư của bạn. Thiên tư về tiểu thuyết xuất hiện trễ hơn. Phải có sống rồi mới tả được một xã hội. Tôi chúc cho bạn một đời sống đầy đủ và hồi trẻ có một nghề giúp bạn gặp được nhiều hạng người rất khác nhau. Một người muốn viết tiểu thuyết, mới đầu phải làm những nghề khác thì chẳng có hại gì cả. Hồi ký sẽ giúp cho việc viết lách. Dickens đã viết báo, Balzac đã làm nghề in. Cả hai đều trải qua cảnh nghèo túng, đều biết cái cảnh chủ nợ lại réo và cảnh ngồi khám vì thiếu nợ (Dickens biết là vì cha đã chịu những cảnh đó). Những bất hạnh đã thành cái phước của họ.

Thiên-tư của nhà soạn kịch hình như phát cũng gần sớm như thiên tư của thi sĩ, nhưng phải gặp những hoàn cảnh thuận tiện mới được. Tiểu thuyết gia, sử gia làm việc một mình trong phòng viết hoặc trong cảnh im lặng của thư viện. Nhà soạn kịch cần có một sân khấu, cần có đào, kép, có khán giả. Nếu may mắn gặp được đủ như vậy ngay từ hồi trẻ thì sẽ dễ thành công. Những văn hào về ngành kịch đều là những người con tập nghề hát của cha từ khi còn nhỏ. Molière là kép hát, viết hài kịch cho một gánh hát ;

Shakespeare là kép hát, viết với những tuyệt tác cho bạn bè. Corneille, Racine, Marivaux đã yêu các đào hát. Vì quen với sân khấu, biết nghề đóng trò, biết những nhu yếu của sự dàn cảnh mà người ta thành một nhà soạn kịch. Dumas-cha — và Dumas-con cũng vậy — đóng trò trong tiểu thuyết và cả trong đời sống của họ nữa. Lời đối đáp của họ có cái giọng trên sân khấu, và đoạn cuối chương trong tiểu thuyết của họ là những đoạn cuối các lớp trong vở kịch.

Mới đầu Goethe viết những tuồng múa rối; Gánh hát một du-hí-trường (casino) đã làm cho cậu Anouilh sau thành một nhà soạn kịch. Cũng có khi do gặp một nhà soạn kịch thông minh mà một tiểu thuyết gia đã lớn tuổi thành một nhà soạn kịch, tức như trường hợp cặp Giraudoux-Jouvet. (1).

Dù là viết tiểu thuyết hay cáo luận, soạn kịch hay viết gì đi nữa thì bạn cũng phải kiên nhẫn. Danh vọng là một người tính tình bất thường và tự đắc, không chịu cho ta thúc giục. Có khi cuốn sách đầu tiên đã là một thành công liền; cũng có khi một nghệ sĩ phải đợi lâu mới được người ta nhìn nhận. Nhưng ở thời buổi chúng ta, khó có cái trường hợp một thiên tài mà suốt đời không được ai biết tới. Có biết bao nhà xuất bản biết bao độc giả, biết bao nhà sản xuất tìm kiếm tác giả, thành thử một người có tài mà mãi mãi thất bại hoàn toàn thì chẳng khác gì một loại phép màu tiêu cực. Nếu tác phẩm của bạn xứng đáng thì tất được xuất bản hoặc được diễn. Chỉ còn phải vượt qua con đường hẹp giữa sự được biết tiếng và sự quang vinh. Các giải thưởng văn chương (đôi

(1) Giraudoux là nhà văn, Jouvet là kép hát và bầu hát.

khi) làm cho bạn được biết tiếng nhưng không tặng bạn sự vinh quang. Chưa đâu. Muốn được vinh quang thì phải có một tác phẩm giá trị chắc chắn (như *Genitrix*, *Le baiser au lépreux* (1), hoặc một cuốn (một vở kịch) hợp với cảm tính chung của một thời đại (như *Werther* (2) *Les mains sales* (3) hoặc một công trình đồ sộ (như *Les hommes de bonne volonté*) (4), hoặc gặp được một sự may mắn phi thường. Truyện *Le Grand Meaulnes* đủ cho Alain Fournier được vinh quang nhờ tính cách mơ mộng của một mối tình say đắm đối với một người đàn bà mới thoáng gặp, và cũng nhờ sự chết yểu của tác giả.. Đôi khi (nhưng cái thứ danh vọng này chẳng có gì đáng quí) một lối sống kỳ cục, một thái độ lạ đời, một chủ trương chính trị làm cho một tác phẩm không xứng đáng gì lắm được một hệ số quá cao. Sự bí mật, ngay cả sự phỉnh gạt cơ hồ cũng giúp cho một tác phẩm. Nhưng nói cho đúng thì những thành công giả tạo đó không bao giờ bền. Khi thời gian trôi qua, hoặc ít chục năm hoặc vài thế kỷ, thì có một sự phân định cao thấp công bình hơn. Một thế hệ có thể

lắm; mười thế hệ không khi nào lắm cả.

Bạn sẽ có một bút pháp riêng không? Cái đó còn tùy bạn. Bút pháp là cái dấu của khí chất in lên thiên nhiên. Cũng nhìn một cảnh mà Renoir, Van Gogh và Seurat có những nét vẽ khác nhau. Không có khí chất thì không có bút pháp (hoặc họa pháp): Hầu hết ai cũng có một khí chất; điều khó khăn là làm sao đừng chôn vùi nó hoặc dưới lớp xám xám của sáo ngữ, hoặc dưới sự loè loẹt của hình ảnh. Tác giả càng theo sát sự vật, càng dùng những tiếng cụ thể thì càng dễ có một bút pháp. Lối văn khó hiểu của các triết gia không có bút pháp; triết lý mà diễn bằng những thí dụ cụ thể, bằng lời nói thông thường thì đạt được một bút pháp như trường hợp Descartes, Bergson, Alain. Một nhà văn đôi khi đi bên cạnh một bút pháp có thể thành bút pháp của mình mà không hay. Proust hồi mới viết (cuốn *Les Plaisirs et les Jours*) dò dẫm bút pháp của mình mà không ra. Rồi khi dịch Ruskin ông bỗng tìm ra được mình; thế giới trong Ruskin chan hòa một ánh sáng mà từ trước Proust vẫn mong diễn tả được. Sau đó ông không dùng bút pháp của Ruskin mà dùng cái bút pháp chân thực của Proust. *Tìm kiếm đi, bạn sẽ thấy bạn.*

NGUYỄN-HIẾN-LÊ dịch

(1) Hai tác phẩm này chưa rõ của ai

(2) Của Goethe (3) Của Sartre (4) Của Jules Romains.

Đã phát hành trong tháng 10-67

PHÓNG THÍCH

Thơ Hoàng-Dinh Huy-Quan

Y-Uyên đề bạt và Đăng Giao vẽ bìa

VĂN HỌC xuất bản

tác phẩm của tình yêu

và thân phận quê hương

Ca dao : vừa phát hành :

ĐỜI NGHỆ SĨ

(The moon and six pence)

của S. Maugham

KHỞI HÀNH

tập truyện của Lê Tất Điều

in lần thứ hai, Kim Anh xuất bản

TRUYỆN NGẮN
TRẦN-QUÍ-SÁCH

| M | A | L | Í | N | H |

Tôi ấn kẹp đạn tám viên vào cơ bằm, đoạn khóa súng an toàn. Trước mặt, hàng bia rời rạc, mỗi một nằm dưới cơn nắng oi nồng của một ngày đầu hạ. Những tấm bia dán hình mặt V. C, đầu đội mũ có ngôi sao, ở phía dưới hầm từ từ đưa lên. Tôi nhủ thầm : bia thứ 15, hành lang A. Tầm bắn 200 thước. Mục tiêu là óc tên V. C. Bia đứng yên trong giây lát để xạ thủ có thì giờ quan sát. Tôi cố trừng đôi mắt bị cận thị nhưng chỉ thấy những vật đen trắng lơ mờ. Có lẽ thị lực của tôi đã trở nên sút kém. Một trăm năm chục ngày vác súng, tập quen bụi mù cùng hình nhân trên bia, những đêm chong mắt ngắm sĩ quan tuần phiên, sĩ quan cổ vấn Hoa Kỳ, đã làm cặp mắt kính của tôi bình như phai mờ. Nhứt là những đêm gát. Mong đợi trong lòng đêm sâu thăm một người để nói một câu : Ai ? Đứng lại. Mong đợi hơn mong đợi người tình. Tôi đã điều liết đôi mắt để sĩ quan khỏi bảo tôi ngủ gật, rồi ký 8 bản tù quân. Tôi lấy khăn lau vội mặt kính. Cám ơn mày, cho ta sự sống dưới ánh mặt trời, để chấp nhận, mà khóc mà cười cùng thiên hạ.

Tôi hy vọng sẽ thấy hơi rõ gương mặt tên hình nhân V. C khi nâng kính lên khỏi sống mũi. Nhưng hình bóng cũng loang loáng trước mắt. Tiếng ông H. L. V. văng từ loa phát thanh.

— Xạ thủ, thế bắn năm thủ thế.

Tôi lùi ra sau hai bước, quỳ gối và nằm xuống giữa 2 cột 15, 16. Hơi nóng bốc lên hưng hực. Một vỏ đạn nóng bỏng chạm vào tay làm tôi nhăn mặt. Ngọc, trợ viên, từ sau tiến lên hẳn đùa :

— Mày nằm thế với mèo à ? Nhích hai chân ra. Nhớ nín thở.

Tiếng truyền lệnh tiếp tục :

— Mở khóa an toàn. Bắn !

Hàng loạt đạn bắt đầu dồn dập. Bụi mù ở con đê sau hàng bia bốc lên mù mịt. Một vài viên đạn lửa xẹt trong không trung, vụt bay cao và tắt lịm ở giữa trời. Ở cột 16, Hà kêu :

— Thượng sĩ, Thượng sĩ giúp tôi. Súng tôi bị kẹt đạn.

Ông Thượng sĩ già la :

— Sao lại kẹt ? Bộ không chùi à ? Ra trận gặp V. C thì tịt, chứ còn nằm đó mà kêu trời kêu đất.

Hà van :

— Dạ, có lau nhưng súng cũ quá.

Thiện, xạ thủ bia 14, vừa bóp cò, vừa reo :

— Nè, một tên, hai tên. Chết. Mai tao về lãnh bằng thiện xạ với nhành hoa liễu bội tình.

Những tấm bia bắt đầu hạ xuống hầm. Một vài phát đạn rời rạc bắn theo. Tất cả xạ thủ sửa soạn thể bắn thứ hai. Đội hình hàng dọc tiến về những mô đất trước mặt. Tiếng truyền lệnh trên tháp cao :

— Thế bắn quỳ thủ thế.

Hà vẫn lui cui cùng khẩu súng bị kẹt đạn. Hắn xách súng chạy sau đồng đội. Tiếng súng bắt đầu nổ. Những tấm bia bị bắn trúng, quay mặt lại rồi hạ xuống. Hà chạy chưa đến mô đất ở vị trí thứ nhì thì đã khai hỏa. Cả bọn la ó : Mày điên hả ! Mày điên hả !?. Tiếng H. L. V. quát :

— Xạ thủ số 16. Thôi bắn. Chạy về thêm đầu lập tức cả bọn phải chờ đợi. Sân bắn sôi nổi giữa cơn nắng cực độ bỗng im lặng thin thít. Hà cầm súng trở về vị trí đầu. Hắn đứng nghiêm, bắt súng trình diện với H. L. V ; H. L. V. hét :

— Anh học 3, 4 tháng ở quân trường, ăn cơm bắn đạn của chính phủ chưa đủ sao, mà không biết bắn ? Lỡ tĩa vào anh em chạy trước thì sao ? Làm cho tôi 50 cái bom. Vác súng chạy 2 vòng quanh sân này lập tức !

— Hà đưa mắt van lơn, lắp bắp vài tiếng. Ông H. L. V dục :

— Anh em chờ anh. Làm mau nếu trễ tôi tăng gấp hai bây giờ !

Bây giờ, mong Hà đang mấp mô dưới balo. Thiện bảo tôi :

— Nó bị đau thần-kinh. Anh, cha nó đều bị V.C giết. Tao ngán đi bên cạnh nó quá.

Mà không thể hít lên nổi, nằm bẹp xuống cát, nón sắt úp trên đầu, thân thể bất động dưới cơn nóng của trời hạ. Tiếng phản lực từ xa càng lúc càng rõ dần. Hai chiếc từ hướng B.H lấp loáng trong thỉnh-không, vờn quanh khu rừng chồi ở ngay tầm mắt của tôi. Cả hai đều nhào xuống, thả bom từ lòng phi cơ. Tôi có thể thấy những trái bom rơi theo chiều xiên 45 độ. Những đốm lửa toé lên trước, tiếp đến những tiếng nổ ghê gớm vang đến tai tôi. Luồng khói đen dày dặt bốc lên từ khu rừng. Tôi nói với Thiện.

— Chắc có đánh nhau ở đây không xa.

Hai phi cơ tiếp tục nhào lên lộn xuống, làm một trò đùa rất ngệt thờ. Giữa bãi bắn hoang vu, ngót ngàn, những tấm bia cứ tiếp tục hứng chịu những phát đạn. Tôi bỗng thoáng nghĩ đến quê tôi miền Trung. Mấy hôm nay, không ngày nào báo không nhắc đến những trận đánh ác liệt, những vụ đặt mìn phá cầu phá cống. Miền sa mạc nắng cháy đang dạy con người sửa soạn bước vào cuộc chiến. Tôi nhìn ở khu rừng cấm. Tôi nhìn ở những luồng khói đen và cảm thấy thương cho quê hương. Sự trợ trợ dưới nắng mùa hạ như bãi số 1,2,3,4, như những khung xe bị phá hủy tàn bạo. Chính phủ đã nuôi tôi thật tình sâu nghĩa nặng trong 9 tháng 10 ngày. Một triệu đồng cha mỗi đứa. Đạn tha hồ bắn cơm tha hồ ăn... Tôi phải đền đáp, đền đáp thật nhiều.

Tôi nhìn khẩu garant M., cảm ơn mày giúp tao bắn khỏi bị kẹt hôm nay.

Tiếng HLV đục đã. Thế bắn thứ bảy đã xong.

— Xạ thủ thôi bắn. Mở cơ bằm. Khóa an toàn. Lên bia xem kết quả.

Đồng một loạt, cả bọn cầm súng ở thế chờ, chạy hồi hả lên bia.

Thiện reo : Bốn phát vào óc, một phát trúng ngôi sao. Một thằng khác cầu nhau : Bắn không vào viên nào, thế thì đi đánh giặc làm gì ! Tằng Quí, giữ bia 15, đùa với tôi : Tao quay bia dùn mày đó. Mày bắn chỉ mỗi một viên vào mắt. Tao nói ông Trung sĩ mày bắn trúng tám viên. Về lấy bằng thiện xạ mà đi khoe với em.

Tôi cười : Ô kê. Mày tốt lắm.

Bây giờ tôi có thì giờ quan sát rõ ràng tấm bia hình nhân. Họạ sĩ khéo tay vẽ mặt mũi tên V.C đánh ác quá chừng. Hấn trợn cặp mắt ốc nhồi, nhe hai răng nanh trừng trừng tôi. Phát đạn lẻ loi in trúng vào con mắt trông thật kinh tởm. Tôi ấy bút nguyên-tử gạch chéo làm dấu rồi quay trở lại thêm bắn.

Mười phút sau, chiếc xe chở cơm nước cho đại đội tiến vào bãi. Trưa nắng lạ lùng. Những cây cao su hình như nức võ, lộ những vết cao su nhảy trắng ở thân cây. Mấy thằng đi lính trưởng giả đang ngồi trên poncho uống bia Mỹ và ăn đồ hộp Mỹ. Chúng cười đùa inh ỏi. Từ hồi đi bãi tới giờ, chúng ít nếm mùi cơm nước lính. Vài thằng khác đang lấp ló sau bụi, tán cô gái hàng xương-xâm. Tôi cầm cà men gỗ ó : cóc : Thiện, mày bới cơm dùn, tao giữ súng dùn cho.

Cơm nắng chói chan như từ một cối vô cùng tiến lại mà chụp vào mắt tôi. Hàng bia trước mặt đang nằm ngổn ngang trên bờ đất. Nóng làm hơi bụi bốc lên. Cái mặt tên V.C còn ám ảnh trong trí, chẳng khác một hung-thần. Tôi cười một mình :

— Đem về cho thằng cháu để coi nó có sợ không ? Tôi nhớ tối thứ bảy ở nhà chị Hiền. Chị phân trần.

— Anh Hiền đi, thằng cu nó hoang quá chừng. Chị dọa đủ cách. Có bữa chị đi chợ mua mặt nạ chẳng tính về le lười dọa, nó cũng chả sợ.

Cu lon ton trong nhà chạy ra. Tôi bồng nó lên đùi, nói :

— Cháu làm gì mà má dọa dữ vậy.

Cu ngược cặp mắt nai nhỏ trả lời :

— Má ý lớn ăn hiếp cháu hoài. Chú à ! Má đeo mặt nạ gì mà lạ hoắt lạ hươ, á chú. Cháu lấy súng bắn, má chạy lui liền !

Rồi nó quay lại chị Hiền :

— Vui quá, má hé ?

Hai chị em tôi cùng cười. Tôi nhìn gương mặt thằng cháu trai, bỗng chạnh nhớ anh Hiền. Anh ấy đã xa nhà một tháng, hành quân liên miên. Tôi không dám nghĩ đến ngày mai. Tôi cũng bước vào con đường mà anh Hiền đã đi. Con đường ấy sẽ có nhiều hố hầm, mìn bẫy. Con đường ấy sẽ dẫn đến tận cùng một cõi. Cõi đó là

gi, tôi đã nghĩ. Tôi đã thấy. Tôi đã nghe con đường ấy có lần tôi đã giả chết khi đồng đội cầm súng bắn đạn mả tử, hét : Mày chết đi chứ ! trong các bài trung đội phục kích, trung đội tuần tiễu ven xa lộ. Tôi hỏi chị Hiền :

— Chị nhận thơ anh chưa ?

— Mới nhận một lá. Một ông Mỹ lái trực thăng mang về cho chị. Chị không biết tiếng Mỹ nên không hỏi thăm được tin tức của anh. Nhưng trong thơ anh bảo vẫn yên luôn.

Tôi nói :

— Số cả chị. Anh tốt số lắm.

Cu ngồi gọn trên đùi tôi, hai tay mân mê chiếc trực thăng làm bằng kẹp đạn carbine. Nó bậm môi tháo ra từng mảnh. Chị Hiền nạt.

— Coi chừng chú đập đó. Chú nhớ mang mặt nạ về, đề bắt thằng Cu, kéo nó hoang quá.

Cu bỡ ngỡ hỏi tôi :

— Chú mang mặt nạ gì đó chú ?

Tôi đáp : mặt nạ ghê gớm lắm. Này, nó biết le lưỡi, biết trợn mắt bắt dê... nè, nó biết bắt trẻ con nữa.

— Mặt nạ gì dễ sợ quá, bà chú?

— Mặt nạ ma lính.

Cu nắm chặt tay tôi :

— Ma lính biết bắn súng không chú ?

— Biết chớ. Bắn giỏi như cao bồi trong xinê.

— Biết đâm dao găm như ông Tạc dăng đâm sư-tử không chú ?

Tôi làm bộ thè lưỡi :

— Ôi chao. Nó mạnh, nó dữ lắm. Nó chuyên môn đợi tối rồi mới ló đầu. Cu biết nó ở đâu không ?

Cu lắc đầu :

— Nó ở đâu chú ?

— Nó ở trong rừng.

— Rừng ở đâu hở chú !

Tôi chợt nghĩ đã khơi vào óc thằng cháu 5,6 tuổi một hình ảnh chưa hề nố gặp. Thành phố mà nó lớn khung trời mà nó thở là những vách tường cao ngất những ánh đèn xa xỉ. Khu rừng đó một ngày nào đó nó sẽ gặp, cũng như tôi đang nhìn nó mỗi ngày dừng quân. Tôi muốn nói : Ba cu sẽ dắt cu đi xem rừng. Trong rừng nhiều khỉ, nhiều nai, có Bạch Tuyết và Bảy chú lùn...

Tôi xiết tay thằng bé :

— Nhưng cu đừng sợ. Ba và chú sẽ đuổi giết nó. Ngày mai, ngày mốt chú bắt về cho cu.

— Cu hổng chịu đâu. Nó dữ lắm.

Tôi cười :

— Cu sợ rồi. Cu đừng hoang, chú đem về. Nó bắt bỏ con nít trong thùng phở.

— Dè sợ. Chú bắt về dọa má cháu nghe chú ! Chị Hiền di ngón trỏ vào trán con, nói :

— Mày còn dọa tao. Chú bắt về, có khóc, thì đừng có chạy lại tao.

oOo

Tiếng còi tập hợp thồi lên re ré. Những lều được tháo gỡ vội vàng xếp vào ba lô. Trưa chói chan trên những con mắt còn ngái ngủ. Một trận gió mạnh thồi qua, những lá cao su dồn dập cuốn theo lớp bụi mù. Một thằng còn ngủ dưới gốc cây, bị vị sĩ quan cán bộ nhẹ nhàng tiến đến bên cạnh, lấy súng bắn một phát chỉ thiên rồi la : chạy chạy. Tội nghiệp hấn thức giấc, chạy trời chết. Cả bọn cười lộn ruột. Tôi vừa xếp tờ bia VC, vừa cười theo anh em. HLV đang dạy về cách bắn đêm. Ông dạy về cách làm quen với hình nhân trong đêm tối. Ông nói : Chúng ta lúc nào phải sẵn sàng, địch có thể xuất hiện bất cứ lúc nào trong đêm tối. Chúng ta phải nhắm súng thế nào cho trúng phần chính con người. Ông lại khuyên ăn nhiều cà-rốt để mắt được sáng. Tôi nghĩ về đôi mắt bệnh hoạn của tôi. Tôi nghĩ đến ngày mai tôi bước vào cuộc chiến bi thảm, mang cặp kính nặng độ để ngác ngơ lòng địch. Lời khuyên của HLV rất hữu ích. Tự nhiên tôi ao ước một bữa ăn ngon, đồ nhắm những lát cà rốt. Tôi mơ một ngày kia, ra khỏi trường, lãnh lương chuẩn-úy có tiền dư dả, tôi sẽ mua nhiều cà rốt, hoặc mỗi ngày tầm bở vài ly sữa. Có lẽ điều mơ ước đó thật dản dị, dản dị như mẹ tôi mơ ước mùa hạ trời mưa vài ba cơn trên ruộng rau muống. Nhưng bây giờ, tôi không thể thực hiện điều mong ước ấy. Tôi tự thương lấy thân tôi. Cha mẹ đã khổ nhọc hai mùa, biết khi nào tôi thực sự giúp đỡ. Lương chuẩn-úy còn 5,6 tháng nữa mới lãnh, khi đó hai người có nhận công lao dưỡng dục không ?

Ở con đường đất đỏ dẫn về xa lộ, những tốp lính Mỹ cầm súng máy đi dọc theo hai bên lề đường. Chừng ba bốn người Việt mặc bà ba đen lẫn quần tây, hai tay bị trói lại đằng sau, chậm chạp bước. Trên không trung, tiếng loa từ chiếc bà-già văng xuống, tiếng còn tiếng mất trong tiếng ù ù của đầu máy :

— Các bạn ở bên kia hàng ngũ Quốc-gia, các bạn phải chọn một trong hai con đường : sống hoặc chết. Sống hoặc chết.

Bây giờ, cả bọn chúng tôi đều bảo nhau đứng xem hình dáng ba V. C. Cũng như tôi, chắc có nhiều đứa không biết mặt mũi V. C. là gì. Thành phố lớn lên và trải qua những bước thăng trầm của cuộc đời, bình yên như con sông không bị bão cuốn. Nếu có, thỉnh thoảng vài vụ nổ, vài tiếng súng vu vơ, rồi tất cả trở lại với nếp sống cổ hữu buồn tẻ. V. C. theo tôi tưởng, là những kẻ sống chui, sống rúc trong bóng tối, mặt mày có lẽ bùng bùng sát khí. Ấy thế mà hôm nay, thằng V. C. trắng trẻo thế kia, hiền lành thế kia, đang đi chậm chạp, đầu cúi xuống là kẻ thù bất cọng đái thiên của tôi... Ngày mai tôi sẽ từ giả trường học lính

này, sẽ có lần chạm trán những kẻ đang đi trước mặt. Máu cũng sẽ đỏ... Máu cũng phải đỏ.

oOo

Tấm giấy bia đã cẩn thận xếp làm tư cất vào trong túi trắng. Tôi nhìn lên bầu trời u ám của thành phố, tự nghĩ về những thời khắc của chuyến đi phép cuối tuần. Tự nhiên một thoáng buồn vu vơ như đám mây vừa che mặt trời hạ. Saigon buynh đình và con gái thật nhiều, thật nhiều hơn bọn con trai. Vinh nói bên tai :

— Lên An Nhơn mày.

Tôi lắc đầu :

— Rồi chết con ạ. Nhà binh nghèo không đủ tiền mua thuốc.

— Rồi tôi từ giả nó ở bến xe đò. Tôi nhảy lên một chiếc xe ba bánh, qua nhà chị Hiền. Xe mới đến đầu ngõ hẻm, tôi bỗng thấy ở trong sân nhà chị Hiền lở nhổ người. Tôi chạy vào. Trước cửa tiếng khóc từ trong vắng ra thê thảm. Tôi xô cửa, cầm sắc tay, bước vào trong. Tiếng chị Hiền nước nở :

— Anh Hiền, anh bỏ em anh đi...

Thằng Cu đang khóc bên chị, thấy tôi, chạy lại, và hỏi trong nước mắt :

— Chú, chú, chú đem mặt nạ về không chú ?

Tôi bồng nó, xiết người nó vào lòng. Tôi hôn trên đôi mắt đầm nước của thằng cháu. Tôi ngần ngừ... Tôi bồng nó ra ngoài sân, nói :

— Ma lính chú bắn hết cả rồi. Chúng chết hết, mai một chú đem đạn về cho con bắn nghe

Đời 30
TRẦN-QUÍ-SÁCH

Tăng cường sinh lực

lãng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

GIÓ CUỐN

9

Khi xe đi quá Krongpha và bắt đầu leo dốc, Trác nói :

— Chúng ta sắp được thưởng thức một dòng suối. Anh chị muốn gọi là ngọc tuyến, là lãnh tuyến, là thanh tuyến, là suối đào hoa gì tùy ý. Tôi là con người nôm na, tôi thích nó vì nước nó mát lắm. Phát nguyên không biết ở tại đỉnh núi cao nào, nó mang nước về đây còn giữ được khí lạnh của miền xuất phát.

— Khí hậu miền này nóng không ảnh-hưởng đến nó sao ? — tôi hỏi.

— Có lẽ chưa ảnh-hưởng kịp. Nó đổ dốc quá mau và nước thì chậm nóng hơn một khối đặc.

Thuyền hỏi:

— Hai cái ống trắng chạy song song kia là ống dẫn nước của đập Đa nhim chắc ?

— Vâng. Nhà thủy điện nằm ở chân dốc đó.

Lúc này ở cạnh nhà thủy điện thấy có đồn lính canh. Dân Việt nam nghèo, cật lực sản-xuất vẫn không dư ăn, mức sống thấp kém thế mà phải bao nhiêu người thoát ly sản xuất để đi cầm súng. Màu áo xanh của người lính gặp ở mọi chặng đường. Từng đoàn công voa dài hàng mười, mười lăm chiếc xe lớn mở đèn giữa ban ngày, chạy tràn chiếm gần hết mặt đường. Trên xe lính đứng hay ngồi. Có xe chở gia đình binh sĩ, chất ngồn ngang giường tủ, rờ rã, lồng gà, chum vại. Ngồi chen giữa đồ đạc là đàn bà và trẻ con. Người lính hiện diện ở các chòi canh, bót gác, người lính đi rải rác trên đường. Chiến tranh được nhắc đến thường xuyên.

Tay Trác lái xe thoăn thoắt. Quay qua bẻ lại, tránh những mảnh lở lớn, len vào giữa một khoảng hẹp, vừa chửi om sòm:

— Đù mẹ, đường sá. Hư hết... Đù mẹ, qua cua mà không chịu ấn còi. Xe nó to, đi lừ lừ nghênh ngang chiếm hết mặt đường mà không chịu ấn còi, có bữa xe mình e nập mạng nơi miệng nó... Chết chết. Con khỉ. Hello ! Du nam bơ ten hã...

Một xe nhà binh Mỹ đi trời tới, to như một con cá voi và lao mau như một con trâu điên. Tiếng " Đù mẹ " của Trác lặp lại luôn trên suốt đoạn leo dốc, tuy vậy không có tính chất thô lỗ hạ cấp, mà trái lại mang một nét vui vẻ yêu đời.

Qua một đoạn bằng thẳng, Trác chột lái quặt xe vào lề đường thật nhanh rồi thẳng gấp xe chồm lên, dừng lại sát một thân cây lớn nằm ngang trước mặt. Tôi nhảy người lên tường có tại nạn gì đang xảy ra. Nhưng Trác đã cười:

— Đùa chút chơi mà, để cho chị Nhân hoảng vía tưởng sắp sửa đi về châu Diêm-vương. Yên tâm, yên tâm. Mời ông bà xuống xe. Suối ngọc tuyến đã tới rồi.

Những thân cây cao, có gốc to đến bốn, năm người ôm, có cây gãy guộc

đứng tong teo Lan rừng bám ở chồi cao, um tùm như những cái tổ lớn. Giây leo chẳng chịt. Những tảng đá to màu xám nằm ngổn ngang, nước chảy róc rách. Trác vốc nước rửa mặt.

— Mát không chịu được. Y như nước trong tủ lạnh. Đó cái tủ lạnh thiên nhiên đó, mời anh mời chị. Lần nào lên xuống tôi cũng ghé lại đây rửa mặt nghỉ ngơi. Có bữa khoái, cởi áo tắm luôn.

Tôi lấy khăn bông nhúng nước lau mặt và thấy mát mẻ khoan-khoái thật. Thuyền nhảy lên những mỏ đá. Nước trong nhìn suốt đáy suối. Ánh nắng lọc qua tầng lá cây xanh. Sự yên tĩnh đè nặng xuống đôi tai, sự yên tĩnh bắt đầu nơi đây và càng đi sâu vào rừng già thì nó càng trọn vẹn và to lớn, bao trùm hết cả thiên nhiên. Thuyền đứng lại cạnh tôi. Tôi đang tìm một chữ thật chuẩn-xác để phê-diễn cái cảm-xúc chơi vơi trước cảnh bao la cao cả này của núi rừng thì chợt Thuyền nói :

— Suối này thì cũng như Suối Tiên, Suối Ba Hồ dưới mình.

Tôi sợ Trác nghe được ý kiến đó của Thuyền thì Trác sẽ mất vui nên tôi bảo Thuyền :

— Thực tế thì suối nào thác nào cũng có nhiều phần giống nhau, cũng những dòng nước chảy giữa khe đá, cũng những tảng đá to nằm cam nín, cũng những thân cây cao tỏa bóng mát âm u, những bụi cỏ soi bóng trên mặt nước. Vấn đề là tự mình tìm thấy niềm vui, niềm êm ả trong tâm hồn khi nhìn nó. Ngạc cảnh không phải chỉ nhìn mà còn là cảm xúc, là khám phá.

— Có bao nhiêu điều quan trọng hơn đáng để mình suy nghĩ và khám phá, những điều thiết thân với mình, quan hệ với cuộc sống của mình.

— Em cho rằng khám phá một cái đẹp của cảnh của vật cũng quan trọng lắm. Nó đâu không trực tiếp quyết định cuộc đời mình nhưng gián tiếp nó có gây ảnh hưởng. Nó cho tâm hồn ta an nghỉ và như vậy chẳng có ích sao? Đó là chưa kể nhiều khi nó thay đổi cả quan niệm của ta đối với cuộc đời nó...

— Ê! Anh chị tình tự gì đó? Chắc là đang nhắc lại những kỷ niệm « bên bờ suối » của ngày gặp gỡ nhau phải không? Lại đây tôi chỉ bụi phong-lan này xem.

Chúng tôi bỏ cuộc cãi vã nhỏ và đi lại chỗ Trác đứng.

— Đó, anh chị thấy có đẹp không?

Một bụi phong-lan bám ở lưng chừng thân cây đang nở những chùm hoa vàng nhạt.

— Mùi hương thơm mát lắm, — Trác nói. Hồi ở Ban-mê-thuột tôi hay đặt mua của mấy người Thượng, nhưng phải nhìn nó sống tự nhiên, nở hoa tự nhiên giữa trời mới thấy cái đẹp của nó đặt giữa chậu, mắc trên giàn đều là giả tạo. Nó cần khoảng rộng và tránh xa sự gần gũi với những thứ hoa khác.

Vâng sự chen chúc làm tổn hại hạnh phúc của con người, — tôi nghĩ — như những cánh hoa lan đó. Nếu tôi được sống xa mọi người, với Thuyền, và chúng tôi yêu xa nhau! Sống giữa xã hội, chúng tôi kèn cựa tranh giành và chúng tôi quên nghĩ đến hạnh phúc riêng tư. Không có gió mát cho chúng tôi, không có tiếng chim ca buổi sớm, tiếng cánh vù của con ong hút mật buổi trưa, tiếng lá lao xao run rẩy trên cành. Chúng tôi chỉ được nghe, phải nghe tiếng máy xe gầm ồn ào, tiếng thùng xe nhảy cạ ầm ầm trên những đoạn đường lồi lõm.

— Giá mình có một ngôi nhà ở cạnh bờ suối này, — tôi nói.

— Thôi, *ai can du* (1). Sắp sửa thợ thàn rồi đó. Bà nào cũng đẩy ắp một bầu thợ thàn. Lại một ngôi nhà tranh và một quả tim. Nhưng xin chị nhớ là ở đây không có điện để chạy frigidaire, không có chợ để mua thịt bít-tết, không có hiệu bazar để mua thuốc bôi móng tay, không có tiệm sách để mua Phụ-nữ diễn-đàn. Thôi xin mời ông anh bà chị lên xe, chúng ta vù lên Đà-lạt. Hãy đến Đà-lạt đã rồi chị hãy quyết định tối hậu. Tôi chắc chị sẽ đổi ý kiến. Chị sẽ nói: cuộc sống hạnh phúc đâu có cần đòi hỏi nhiều? Chỉ cần một cái vi-la hai tầng, một cái Cousul và một trái tim thôi.

Tôi biết là Trác muốn nói đùa tôi nên tôi không cãi. Chúng tôi lên xe và Trác lại «Đù mẹ» liên tiếp mỗi khi có xe nhà binh chạy ngược chiều làm anh phải hăm tốc lực hoặc phải dừng lại chờ đợi.

Chúng tôi đến Đà-lạt hồi mười hai giờ trưa.

Xe đậu trước một vi-la lớn đường Duy-tân. Trác ấn còi và một bầy chó berger Đức chạy ủa ra sủa ông ông vừa vẫy đuôi rồi rít. Một người đàn ông đứng tuổi choàng tablier xanh đội mũ dạ đáng điệu gác-đan chạy theo sau bầy chó.

— Thưa ông...

— Chú có nhận được tin tôi về hôm nay?

— Dạ, thưa có.

Người đàn ông vừa trả lời vừa nhìn về phía chúng tôi, chào;

— Xin chào bà. Chào ông.

Con Bobby đâu sao không thấy?

Dạ, nó mới đẻ hôm kia.

— Được mấy con?

— Dạ bốn. Ba đực một cái. Thưa

ông mấy con chó đực đẹp lắm. Giống cha. Hai cánh cồng mở bẹt, xe lăn trên những viên cuội rào rào.

Bước ra khỏi xe, tôi có cái thú êm ả của một người đang sống, đang biết mình muốn cái gì và mình đang có cái gì. Không khí lạnh châm vào da, cái cảm-giác ấm nơi lưng nơi ngực do áo len ôm ắp, cái lạnh lớn vồn nơi khe ngón tay, cái lạnh chạy thành luồng qua hai lỗ mũi, cơn gió tạt một luồng giá buốt qua mặt... những xúc giác đó kích-thích sinh-lực nơi tôi, đưa tâm hồn tôi về những chạng thảng chập dưới đồng bằng. Cái nóng mùa hè oi ả dưới đồng bằng làm thề-xác và tinh-thần mỗi mọt. Con người như phồng ra và sinh-lực no tràn, mọt mọt, thoi thóp. Ở đây sinh-lực tập trung lại và người ta phản ứng mau lẹ.

Nắng vàng chảy trên những khóm hoa lá có gió rung rinh. Chúng tôi đi trên con đường rải đá cuội trắng.

— Cái biệt thự này tôi mua lại nhưng mà tôi hết sức bằng lòng. Sự xếp đặt các phòng, các lối đi, cách xếp đặt thang lầu, tất cả đều hợp với sở-thích của tôi.

— Anh mua đã lâu chưa, — tôi hỏi.

— Mới hai năm. Tôi mới giàu đây mà. Trước hai năm tôi còn lang thang ăn chực ở nhờ nhà bạn bè, họ hàng và người lạ. Bị người ta khinh-bĩ trực-tiếp và xua đuổi gián-tiếp. Tây nó gọi người như tôi lúc đó là «sans feu ni lieu». Nên khi có một triệu bạc trong tay, tôi mua cái vi-la này liền. Lý do vì sao tôi không chọn một cái vi-la khác? Bởi vì những ngày cơ cực, tôi sống chui rút dưới xóm nhà tôn vách ván kia. Kia...đây nhà thấp lè tè đen điu, chị thấy chưa? Hãy nhìn theo ngón tay tôi chỉ...

(1) *ai can du* — tôi can chị

Đâu ? cái xóm có con mương nước đó ?

— Chính thị. Tôi đã sống chui rúc trong đó nhiều ngày, sống bám vào một người cô bán hàng hoa trên chợ. Nhà bà cô không giàu và ông được thì bần-tiện. Nhiều bữa ông bỏ tôi nhịn đói, giả vờ quên gọi ăn cơm. Mà mỗi bữa cơm đáng giá bao nhiêu ? Không đến mười đồng bạc. Tôi ăn lưng lưng, không dám ăn no và cũng không đủ can-đảm đề nghị ăn no. Nhiều hôm tôi giả vờ đau không ăn để khỏi phải ngồi đối-diện với ông bên cạnh mâm cơm. Tôi sung sướng trong cơn đói thanh-khiết đó nhưng chừng ba giờ đồng hồ sau thì tôi mệt lả người đi với một cái bụng lép kẹp. Tôi muốn uống một ly nước để lừa dối dạ dày nhưng không đủ can-đảm ra bàn nước rót một ly nước trà. Tôi uống một tách nước lạnh và cảm nghe luồng nước lạnh xông xáo chạy suốt cả người tôi làm nổi gai trên da. Nhiều hôm ngồi nghĩ tới thân-phận mình, nghĩ tới thân phận những người nghèo chui rúc trong những căn nhà tối tăm xám xịt chung quanh tôi, tôi hay đưa mắt nhìn lên chiếc vi-la sừng sững uy-nghĩ này nằm ở trên đồi cao trước mặt. Có rèm hoa lấp lánh sau những ô cửa kính sáng chói, có bồn hoa rực rỡ nhiều màu, có những bụi mimosa óng ánh lá màu xanh bạc, có những thân ngo đứng vững chãi trong sự nghiêm trang. Tôi ao ước và thêm muốn một cách tuyệt vọng rằng nếu trúng số độc-đắc, tôi sẽ dốc hết cả tiền để mua cho được cái vi-la này. Tôi không cần ăn ngon và mặc đẹp, không cần buyn-đinh và ô-tô, tôi chỉ cần làm chủ vi-la này bởi nó đã tượng-trưng trong không biết bao nhiêu ngày tháng cho một cái gì êm đềm làm xoa dịu lòng tôi.

Trác trăm năm giây lâu rồi thông thả tiếp :

— Kết quả là bây giờ tôi làm chủ nó đúng như trong ước vọng viễn vông của những ngày cơ-cực. Khi tôi có triệu bạc đầu tiên là nhằm lúc người chủ cũ của nó ra giá bán. Tôi không mặc cả, ký giấy và chõng tiền trong một buổi chiều vì sợ người chủ sẽ đổi ý. Tôi say mê nâng niu nó như một bảo vật, như một người yêu lý tưởng mà mình đã hằng bao nhiêu năm thờ phụng trong lòng. Tôi gìn giữ từng khế m cổ, từng bụi hoa, tôi đi nhẹ-nhàn vào từng căn phòng như sợ làm kinh động một cái gì thiêng-liêng huyền ảo.

— Còn ông dưỡng anh, chắc sau đó hối-hận lắm, — Thuyên hỏi.

— Có lẽ.

— Bây giờ ông ta vẫn còn ở dưới cái lũng thấp đó ?

— Không. Tôi mua một căn phố ở đường Cầu Queo gần chùa Linh-Sơn để cho ông bà dọn đến đó buôn bán. Tôi không trách ông dưỡng. Nghèo là một căn bệnh mà ai cũng ghét, có phải không ? Ngay chính mình, mình cũng ghét cái nghèo của mình.

Tôi lo lắng đưa mắt nhìn Trác. Sao lý-luận giống như Thuyên vậy ? Những người đàn ông đều giống nhau cả sao ? Không có lý. Ai cũng ghê tởm cái nghèo ! Rau vi đắng không có người nếm nữa. Những người bình thường đều cần ăn cơm gạo trắng với thịt bò xào hành tây, thịt gà rôti và cá hấp. Tôi không muốn nghĩ rằng Trác và Thuyên giống nhau dù ở trong một điểm nhỏ nào.

Trác chợt tươi cười xin lỗi đã bắt chúng tôi đứng ở ngoài trời quá lâu để nghe một câu chuyện không thú-vị. Anh

mời chúng tôi lên phòng khách.

Căn phòng Trác dành cho chúng tôi có ban-công nhìn sang một khu đồi thông. Mùi lá thông, mùi nhựa thông, mùi lá cỏ, mùi đất ẩm, mùi phấn hoa lẫn trong không khí tạo thành một thứ hương thơm nhẹ nhàng lâng lâng. Thuyên bảo tôi :

— Có một cái vi-la ở Đà-lạt để nghỉ những ngày mùa hè, có một cái vi-la ở Vũng tàu hay Nha-trang để nghỉ những ngày mùa Đông, em có còn bảo nghèo như ông Ngự ông Tiểu là sướng nữa không ?

Tôi cười :

— Cổ nhiên là giàu thì sung sướng rồi. Nhưng nếu nghèo mà không có được cái quan niệm cuộc đời như hai ông ấy thì mình càng thấy mình nghèo thêm.

Tôi nhìn những lọ đầy hoa tươi, tấm tapis êm nhẹ dưới gót chân, cái giường gong đồng sáng chói, những chao đèn lớn nhiều màu, những tấm cửa lớn chạm nổi đánh véc ni đóng kín ngăn cách tiếng động bên ngoài. Sự giàu có rộn ràng lên tiếng nói quanh tôi.

Trác thật là một người chủ nhà lịch sự. Mỗi lần chúng tôi cần đến anh là y như anh hiện đến. Hiện đến đúng lúc và biến đi phải lúc là cả một nghệ-thuật. Anh đánh xe ra bưu điện để chúng tôi bỏ thư, đánh xe ra chợ khi chúng tôi tỏ ý muốn dạo phố. Sáng và tối lúc nào cũng có sẵn nước nóng ở phòng tắm. Chúng tôi thường ăn điểm tâm ở nhà còn ăn trưa và tối ở hiệu. Trác nói :

— Anh Hai Nở, — chú gác-dan của tôi đó, — là một tay nấu bếp hảo hạng. Trước đứng nấu cho Langbian Palace. Sau này cặp mắt hơi yếu nên anh không dám đứng gần lửa nữa. Anh về giúp việc cho tôi.

— Nhưng thỉnh-thoảng chắc anh ta cũng ngứa tay muốn trở tài năm ba món

hầu ông chủ, — tôi nói.

Trác cười :

— Điều đó thì có. Sauce mayonnaise, beuillabaisse, civet thỏ .. vân vân, anh như một nhạc-sĩ không thể bỏ đàn khi một ngón tay còn có thể nắn trên phím. Lên Đà-lạt một mình thì anh ta nhứt định bắt tôi phải ăn cơm nhà.

Thuyên bảo :

— Dầu có bọn tôi, cũng xin anh cứ coi như ở trong nhà.

— Đâu có được như vậy ? Tôi muốn đưa anh chị nếm đủ các bếp của Đà-lạt. Mỗi hiệu có một món đặc biệt của nó.

Trác đưa chúng tôi đi thác, đi hồ, đi đường vòng sắn, đi Phi-dang, Trại-mát. Khi nào cần lái xe đi việc riêng anh đều xin lỗi chúng tôi và đều hẹn giờ về.

Chiều hôm đó Trác vừa lái xe đi thì chừng hai mươi phút sau tôi nghe tiếng còi ô-tô trước cổng. Lúc bấy giờ tôi đang ngồi một mình ở sa-lông, lật xem một tạp chí Pháp-ngữ dạy trang-trí nhà cửa. Tôi đứng dậy nhìn ra cửa sổ lớn thì thấy từ trên xe bước xuống một người đàn bà; Đôi găng trắng ở hai bàn tay. Người ấy đi những bước mau trên con đường rải cuội. Tiếng gót giày gõ trên cầu thang xi-măng. Cửa xa lông mở toang và người đàn bà đứng trước mặt tôi :

— Ông Trác có nhà ?

— Ông ấy vừa đi.

— Bao lâu ?

Tôi không muốn trả lời một câu kém lễ-độ. Nhưng tôi tự giận cơn giận.

— Nửa giờ.

Người đàn bà đắm đắm nhìn tôi. Khuôn mặt đẹp. Màu da trắng. Dường như mới ở hiệu uốn tóc ra, tôi đoán thế khi nhìn mái tóc chải xếp tinh-vi, Đồ-

con mắt đen. Tôi chột giật mình khi nhìn khuôn mặt tôi phản chiếu trong mặt của kính bên cạnh khuôn mặt của người đàn bà. Sao chúng tôi giống nhau? Có thể giống nhau đến thế này? Có lẽ người đàn-bà cũng nhận ra điều đó nên nàng đứng ngập ngừng và giọng nói êm đềm trở lại:

— Xin lỗi, cô là...

— Tôi là bạn của anh Trác.

— Cô cũng đợi anh Trác?

Tôi lắc đầu:

— Không. Tôi đến ở chơi nhà anh vài ngày.

Đôi mắt người đàn-bà mở to. Tôi hiểu ý nghĩa của sự ngạc nhiên ấy và tôi không muốn làm khổ nàng nhiều hơn. Tôi bình tĩnh nói tiếp:

— Trác mời vợ chồng tôi ghé lại Đalat chơi với anh.

Một thoáng vui làm sáng khuôn mặt. Người đàn-bà này phải là người yêu của Trác. Tôi nhìn kỹ nàng hơn. Bộ tailleur bằng nỉ màu nhạt. Đôi đùi trắng. Bộ ngực cân đối. Vòng ngọc trai nơi cổ. Đẹp đến cả đôi tai. Không thể tìm một điểm thiếu sót cầu thả nào trên người đàn-bà này. Tôi đâm ra rụt rè.

— Xin mời bà ngồi.

— Cám ơn cô. Tôi đi ngay bây giờ.

Nàng khẽ chào tôi rồi quay gót. Tôi đứng tựa cửa nhìn theo dáng đi nhanh nhẹn mà không hấp-tấp đó, tự nhiên mà vẫn uyển chuyển đó. Người đàn-bà lại mở cửa xe bước lên. Cửa đóng sập. Bàn tay đeo găng trắng đặt lên vô-lăng. Xe vút tới, biến thoát như một cơn gió. Quanh tôi vẫn còn phảng-phất mùi nước hoa intimate. Vẫn còn phảng-phất cái khuôn mặt xinh đẹp và thân hình uyển chuyển đó. Một người yêu của Trác. Một người yêu. Tôi nhìn lên khuôn mặt

tôi phản chiếu trong cửa kính. Một người đàn bà đẹp. Trác hôn lên môi của người đẹp đó. Mùi thơm của son môi Juvena. Mùi nước hoa rập rình trong mái tóc. Đôi bàn tay đó tháo vát găng trắng ra để ôm siết thân hình của Trác. Đầu óc ngây ngất và tim đập rộn ràng. Những tiếng «yêu em, yêu anh» chen lẫn vào nhau. Trác đó Cách xa bao nhiêu với một Trác đọa đày, sống nhờ và dưới xóm mái tôn đen tối bần thủ kia. Cách xa bao nhiêu với một Trác lười biếng du-côn bị cha mẹ chối bỏ và thầy giáo quả phạt thường xuyên. Không, Trác hôm nay đã thay đổi hoàn toàn, đã lột xác như một con sâu ghê tởm đã già-từ vỏ nhộng để biến thành con bướm nhiều màu nhón như bay lượn. Tôi gọi bác Hai Nở:

— Người đàn bà lúc nãy là ai đó bác?

— Thưa cô, đó là bà Trung tá Xuyên.

— Ông Trung tá làm việc ở đây?

— Thưa cô, ông làm việc ở dưới Saigon nhưng bà thường ở trên này hơn.

Cơn giận lúc nãy còn len lỏi ở nơi nào đó trong óc làm tôi buột miệng nói không giữ kíp:

— Chồng cô chức vị cao nên bà ấy ngó bộ hách lăm. Hơi vô lễ nữa.

— Thưa cô, vô lễ với cô?

— Với tôi. Hay nói trống và coi như tôi có bổn phận phải trả lời. Chắc quen đối xử như vậy với vợ Đại úy, vợ Thiếu tá.

Hai Nở biểu lộ một sự áy náy bất an làm như chính anh có lỗi với tôi. Anh xoay cái mũ nỉ nhiều vòng nơi tay.

— Thưa cô, không biết tại sao đó, chứ thường ngày bà tử tế lắm.

Tại sao? Tôi hiểu rõ tại sao. Bà ta tưởng tôi là tình địch. Ý nghĩ này làm

tôi hơi bàng hoàng. Một niềm khích động thoáng nhẹ lướt qua y như hồi đi học nghe bạn cấp đôi mình với một người bạn trai.

— Trung-tá thì có gì mà nhiều. Ông Trác vẫn thường nhảy với mấy bà bác-sĩ, kỹ-sư. Tiệc tùng thâu đêm.

— Ở tại đây?

— Dạ, có khi ở đây, có khi ở nhà hàng Palace.

Phải rồi, Trác đã lột ra khỏi cái xác sâu, cái vỏ kén của anh.

— Lần này có thấy cô lên ở chơi nên ông mới chịu khó nằm nhà, chứ những lần trước thì không có như vậy đâu. Ông đi chơi suốt đêm suốt ngày, có hôm nằm say trên nệm sau, các ông bạn phải lái hộ ô-tô đem về trả.

— Đáng lẽ phải lấy vợ, ở vào tuổi

của ông Trác, — tôi ngần ngừ nói.

— Dạ, các bạn bè của ông ai cũng khuyên vậy. Có người đưa cả bạn gái ở mãi tận Saigon ra để giới thiệu nhưng không thấy ông chịu đám nào.

— Chắc chưa gặp người đẹp.

— Khổ cô đẹp. Lại nghe nói học giỏi nữa. Có cô họ: đổ cái bằng gì to lắm.

Trác còn đòi hỏi chi hơn? Cuộc đời mở rộng đôi tay đón tiếp anh niềm nở như thế.

Khi Trác về tôi thấy anh đứng nói chuyện lâu với bác Hai ở dưới lối đi. Bác Hai giờ tay chỉ trỏ và hay hướng mắt nhìn về phòng tôi. Một lát, Trác hăm hở bước lên xe, cho xe lùi nhanh ra cổng rồi biến thoát.

(Còn tiếp)
VÕ-HỒNG

SÁCH BÁQ MỚI

— **Bài tập toán đại số và giải tích tập 1**, của A. Tétrel, người dịch Long Điền, nhà xuất bản Sinh viên ấn hành và dịch giả gửi tặng. Sách dày 250 trang, khổ 21 x 26 in ronéo một mặt, dành cho các chứng chỉ Toán lý hóa, Toán Lý và Lý Hóa nhiên. Giá 200đ.

— **Mấy vấn đề văn nghệ** của Lữ Phương do Trình Bầy xuất bản và gửi tặng. Sách dày 168 trang thuộc tủ sách Nghiên cứu và phê bình văn học của nhà Trình Bầy, gồm trên một chục vấn đề văn nghệ của cây bút phê bình quen thuộc với bạn đọc Bách-khoa. Bản đặc biệt. Giá bán thường 85đ.

Luận lý và tư tưởng trong huyền thoại một quan niệm văn minh mới theo Claude Lévi Strauss) của Trần Đỗ Dũng, do Trình Bầy xuất bản và gửi tặng. Sách dày 216 trang thuộc tủ sách Khoa học Nhân văn của nhà Trình Bầy gồm 4 chương. Bản đặc biệt. Giá bán thường 110đ.

— **Hoa dinh cấm trận** tiểu thuyết

của Hồ Hữu Tường do An Tiêm xuất bản và gửi tặng. Sách dày 250 trang gồm 3 phần: Chinh Tâm, Cầu Chơn, Phương Loan. Giá 90đ.

— **Quê hương hay không quê hương** tập thơ của Nguyễn lệ Tuấn do Vùng Lên xuất bản và tác giả gửi tặng, Sách dày 30 trang gồm 12 bài thơ. Giá 28đ

— **Văn nghệ Miền Tây** số 2 tháng 10/1967, nguyệt san phát huy văn học nghệ thuật, do Ô. Ngũ Lang chủ biên, Ông Huyền văn Thanh Tổng thư ký và Tòa soạn đặt tại 5/3 hẻm 1 Duy Tân Cần Thơ. Tập san khổ 14 x 20 in ronéo hai mặt, dày 74 trang gồm những bài sáng tác, nghiên cứu, nghị luận. Số 2 tháng 10 hoài niệm nhà thơ Anh Pha. Giá mỗi số 25đ.

— **Lòng từ** số 1 ngày 1-11-1967, bán nguyệt san văn hóa, xã hội, tôn giáo, do Ô. Nguyễn cao Thanh làm Tổng thư ký Tòa soạn và báo quóa đặt tại 584/1 Phan Thanh Giản Saigon. Mỗi số khổ 22 x 30 dày 12 trang.

Sách báo mới

Tạp chí Bách khoa trân trọng cảm ơn các tác giả, dịch giả, tòa soạn và nhà xuất bản đã gửi tặng các sách báo sau đây :

— **Đất nước** số 1 nguyệt san tháng 11/1967, do Ô. Nguyễn văn Trung làm chủ nhiệm và Ô. Thế-Nguyên phụ trách tòa soạn. Tòa báo đặt tại 291 Lý Thái Tổ Saigon. Mỗi số khổ 13 x 21, dày 146 trang gồm những bài biên khảo và sáng tác của các cây bút quen thuộc đã được sự tin yêu của độc giả. Mỗi số giá 25đ.

— **Giã từ** truyện của Võ Phiến, do Thời Mới xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 118 trang, in lần thứ nhì, hình vẽ của Phạm Tăng. Giá 70đ.

— **Non nước Phú Yên** của Nguyễn đình Tư, do Tiền Giang xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày hơn 100 trang gồm 3 phần chính và phần phụ lục có các bảng thống-kê về tình-hình kinh tế và các đơn vị hành-chánh của Phú-Yên. Giá 68đ.

— **Cuồng lữ** tập thơ của Trần Bất Bạt và Hoàng Vũ Đông Sơn do Chính Nguyên xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 62 trang gồm 2 phần, mỗi phần của một tác giả với ngót 20 bài thơ giá 60đ.

— **Chiến tranh và tình yêu** tập thơ của Trần Đại do Thiện Chi Đalat xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 60 trang do Hội Thanh niên Thiện-chi Đalat quay ronéo, bìa in typo, gồm 9 bài thơ của nhà thơ quen thuộc với bạn đọc Bách-khoa.

— **Lịch-sử Triết-học Ấn-độ** của Thích Mãn Giác, Ban Tu-Thư Viện Đại Học Vạn Hạnh xuất bản và Ô. Bí thư gửi tặng. Sách dày 480 trang, biên soạn công phu, trình bày sự diễn biến của Tư tưởng Triết học tại Ấn-độ từ buổi khai thủy đến khi quốc gia thống-nhất, rồi qua những thời kỳ ngoại nhân xâm nhập, Hồi giáo

xâm nhập, chủ nghĩa đế quốc tư bản thống trị tới thời hiện đại. Tựa của T. T. Thích Minh Châu. Giá 180đ.

— **Đôi bạn chân tình** nguyên tác Narziss und Goldmung của Hermann Hesse, Vũ đình Lưu dịch theo bản Pháp ngữ, Cadao xuất bản và dịch giả gửi tặng. Sách dày hơn 400 trang, người dịch là một cây bút đã được bạn đọc tin cậy. Bản đặc biệt.

— **Sấm giảng thi văn** (toàn bộ) của Đức Huỳnh Giáo Chủ do Ban Phổ-thông Giáo lý Trung ương Giáo hội Phật giáo Hòa-hảo đình chánh và Nguyễn Trọng Luật ấn tống, Bà Việt Châu Nguyễn xuân Thiệp gửi tặng. Sách dày 472 trang gồm 2 phần : Phần « Sấm Giảng Giáo-lý » và phần « Thi văn Giáo lý » từ năm Kỷ Mão (193) đến năm Đinh Hợi (1947). Có phần phụ lục : những bài không rõ thời gian sáng tác và những phương thuốc gia truyền.

— **Ngày đó có em** của Đình Hùng, do Giao Điểm xuất bản và gửi tặng. Sách dày 92 trang nói về những bóng dáng đàn bà trong đời cổ thi sĩ Bích Khê có phần phụ lục gồm những bài thơ đã được trích dẫn ở phần trên. Giá 50đ.

— **Khởi hành** tập truyện của Lê Tất Điều, do Kim Anh xuất bản và gửi tặng. Sách dày 190 trang, in lần thứ hai. Giá 90đ.

— **Thăm dò tiềm thức** nguyên tác của Carl Gustav Jung, Vũ Đình Lưu dịch theo bản : Essai d'exploration de l'Inconscient, do Hoàng Đông Phương xuất bản và gửi tặng. Sách dày 190 trang gồm 9 chương. Bản đặc biệt.

— **Một nàng hai chàng** tiểu thuyết của Bình Nguyên Lộc do Thụy Hương xuất bản và tác giả gửi tặng. Đây là truyện phim tiểu thuyết hóa dày 138 trang. Giá 75đ.

50 năm cách mạng tháng 10

☰ TỪ - TRÌ

Ngày 3-11-1917 dưới sự hướng-dẫn của Lénine, cách-mạng cộng-sản đã bùng nổ quét sạch tàn-tích của chế độ Nga cũ, thiết lập một nền độc-tài vô-sản, xây dựng một nước Nga mới trên căn bản Mát-xít. Tháng 11 năm nay Nga-sô đã chính thức kỷ-niệm 50 năm cách mạng tháng 10. Trong 50 năm qua Nga-sô dưới chế-độ cộng-sản đã biến chuyển rất nhiều. Về mặt đối nội từ một chế-độ độc-tài hà-khắc Nga-sô đã khởi sự được tự-do hóa đôi chút. Và về mặt đối-ngoại Nga đã từ chủ trương gây cách-mạng thế-giới tới chủ-trương sống chung hòa-bình.

Từ độc-tài tới tự-do-hóa

Năm 1917 nước Nga ở vào một tình trạng vô cùng hỗn-loạn rối ren. Các cơ-cấu xã-hội và kinh tế đều quá cồ-hủ, không còn đáp ứng với nhu-cầu của một quốc gia tân tiến. Trước cách-mạng 1917 nước Nga được ví như một làng lớn. Thật vậy, trên 141 triệu dân Nga, dân quê chiếm tỷ số 8500 với 115 triệu người. Dân quê phần lớn là nông-nô phục vụ các lãnh chúa. Năm 1861 Hoàng-đế Nga, Alexandre II, giải-phóng các nông-nô. Những người này có quyền được mua lại của các lãnh-chúa những thửa đất mà họ đang canh tác. Nhưng biện-pháp này không có hiệu-quả vì nông-nô không ai có tiền để mua đất. Năm 1906 thủ tướng Nga Stolypine ban hành một chính sách cải-cách điền-địa mới, cấp phát công điền cho nông dân. Nếu chính sách này có đủ thời gian thực hiện thì chính phủ Hoàng gia có thể đã được sự

ủng hộ của nông dân. Vì từ năm 1907 tới 1914 hơn hai triệu dân quê đã được hữu-sản hóa. Nhưng năm 1914 đệ-nhị thế-chiến bùng nổ. Chính sách của Stolypine bị bỏ dở, vấn đề ruộng đất tổ nông thôn vẫn chưa được giải quyết xong. Tại thôn quê dân vẫn nghèo đói. Tại thành-thị công cuộc kỹ-nghệ-hóa đã tạo nên một giai cấp thợ-thuyền vô-sản. Tuy nhiên giai-cấp thợ-thuyền vô-sản này vẫn còn giữ nhiều liên-lạc với nông-thôn nên tại cả nông-thôn và thành thị đều có sự chống đối chính-phủ. Trong khi đó chính phủ càng ngày càng suy yếu. Chính-thề quân-chủ thần quyền của Nga càng ngày càng mất uy tín. Nga hoàng Nicolas II nhu nhược, Hoàng hậu Nga lại mê muội tin theo một tu sĩ phá giới tên là Raspoutine, công chức thì tham nhũng, quân đội Nga thua hết trận này qua trận khác, vì vậy cuộc cách mạng năm 1917 đã hội đủ điều kiện thuận lợi để bùng nổ.

Lénine, lãnh tụ Cộng sản Nga được Đức đưa về Nga để lật đổ chính-phủ. Chính-phủ Đức hy vọng rằng khủng-hoảng chính-trị ở Nga sẽ bắt buộc nước này phải nghị-hòa. Tháng 2 năm 1917 dân chúng và thợ-thuyền nổi dậy, Nga hoàng phải thoái-vị nhường quyền cho Kérensky lập chính-phủ mới. Kérensky chỉ là một người thuộc giai cấp trung lưu nên đến tháng 11 năm 1917 Lénine quyết định lật đổ Kérensky để lập chế-độ Cộng-sản.

Năm được chính quyền, Lénine nghị-hòa với Đức ở bên ngoài, và ở bên

trong củng-cố chính-thề cộng-sản bằng cách áp dụng một chính-sách độc-tài. Nước Nga trở thành liên-bang xô-viết, đất tổ của cách-mạng thế-giới, mở rộng đề các quốc gia cộng-sản sau này gia nhập thành một thế-giới cộng-sản không biên giới.

Khi lên cầm quyền, Lénine gặp đủ mọi khó khăn. Ông gặp sự chống đối ngay trong hàng ngũ những đồng chí của ông.

Trotsky chủ trương đốt cháy giai đoạn, Kamenev, Zinoviev chủ trương ôn hòa. Lénine đóng vai trò trọng-tài lúc cương lúc nhu hết sức khôn khéo. Ông ra lệnh quốc-hữu-hóa kỹ nghệ, cho các công nhân được quyền quản trị xí-nghiệp. Về canh nông, phát đất cho dân cày nhưng đồng thời đề giải quyết nạn đói ông gửi từng đoàn thợ đi trưng thu hoa mầu của dân quê.

Sau khi Đức thất trận năm 1918, chính quyền cộng sản càng ngày càng gặp khó khăn, vì ở ngoài quân đội Anh, Pháp, Ba-lan, Nhật, tấn công Nga để phá chế-độ cộng sản, bên trong các tướng lãnh của chế độ cũ nổi loạn.

Đề đối phó với tình hình trầm trọng này Lénine quyết định áp dụng 'Chính sách kinh tế mới' (N.E.P) cho phép các nhà sản xuất kỹ nghệ hay canh nông có quyền hoạt động cho tư lợi. Chính sách này đã cứu vãn được tình trạng kinh tế. Trong khi đó Trotsky huấn luyện quân-đội cộng-sản và lần lần ổn định tình hình đẩy lui xâm lăng và dẹp yên nội loạn.

Lénine mất năm 1924, Staline lên thay thế, bãi bỏ chính sách kinh tế mới của Lénine, tái lập một chính sách độc tài vô cùng tàn bạo. Staline thanh trừ hàng ngũ đảng cộng sản, trục-xuất Trotsky, thủ tiêu các đồng chí cũ của Lénine như

Boukharine, Zinoviev, Kamenev, Rykov, Radek. Quân đội cũng bị thanh lọc không kémis : quá nửa bộ-tư-lệnh hoặc bị thủ tiêu hoặc bị đưa đi an trí ở Tây-bá-lợi-á. Nhưng đồng thời kinh tế đã tiến những bước vô cùng vĩ-dại. Những đập thủy điện, những nhà máy mọc lên như nấm, những khu kỹ nghệ như Bakou, Eatoum, Magnitogorsk được thành lập. Trong kỹ-nghệ tăng-xuất đạt tới mức 13% mỗi năm. Dưới thời Staline, Đức quốc-xã của Hitler đã tấn công Nga xô, tiến tới gần tới Mạc-tư-khoa. Nhưng Staline đã thành công đẩy lui Đức khỏi lãnh thổ quốc gia, chuyển kỹ nghệ sang Tây-bá-lợi-á. Đến tháng 5-1945 Đức đầu hàng. Nga đã mất tới 20 triệu người, quân nhân cũng n'ư dân-sự, bị tử trận, và một số lớn các cơ sở kỹ-nghệ bị tàn phá. Năm 1953 Staline mất. Cái chết của Staline đã là một giải-thoát cho cả nước Nga. Những người nối nghiệp Staline đã cố gắng dân-chủ-hóa chế-độ cộng-sản ở Nga. Krouchtchev trong khóa hội thứ 20 của đảng cộng sản Nga năm 1956, đã chỉ trích và hủy bỏ chính-sách độc-tài của Staline. Ngày nay các người thay thế Krouchtchev là Brejnev và Kossyguine đều tiếp tục chính-sách dân-chủ-hóa này. Như vậy không có nghĩa là Nga từ bỏ chủ-nghĩa cộng-sản, mà chỉ có nghĩa là mức tấn-bộ của Nga đã đủ để dân Nga có thể hưởng được một chút ít tự-do.

Trong 50 năm vừa qua chính-quyền cộng-sản đã đưa Nga từ một tình trạng hậu tiến tới một tình trạng tấn-bộ tiến tiến. Nga đã đứng hàng thứ hai, sau Mỹ, về sản xuất thép với 99 triệu tấn (Mỹ : 134 triệu) dầu hỏa với 263 triệu tấn (Mỹ 404 triệu) Nga đã vượt Mỹ về sản xuất lúa mì và than.

Trong lãnh vực khoa học Nga đã là

nước đầu tiên bắn vệ-tinh nhân tạo lên không gian.

Trong lãnh vực văn-nghệ nhiều thành quả tốt đẹp không kém đã được thực hiện. Về kịch nghệ nhà đạo diễn Serge Eisenstein, về âm nhạc Shostakovitch, về văn chương Pasternak, Yevtushenko đã danh vang thế giới.

Trong 50 năm trời, Nga đã tiến một bước khá dài để có thể vừa «sản xuất súng cao xạ để phòng thủ vừa sản xuất bơ cho dân tiêu thụ.»

Với những tấn bộ này Nga đã nắm giữ được một vai trò quan trọng trên trường quốc tế.

Từ chủ-trương cách-mạng thế-giới tới sống chung hòa-bình.

Với sự xuất hiện của một quốc-gia cộng-sản, cục diện thế giới năm 1917 đã biến chuyển một cách hết sức bất ngờ. Thật vậy Nga-sô đã là tổ quốc của một triết-lý chính-trị và kinh-tế hoàn-toàn mới và là một mối đe dọa lớn cho tương-lai các nước tư bản, vì các nhà lãnh-đạo Nga luôn luôn chủ trương lật đổ các nước tư bản để thực hiện cách mạng cộng-sản thế-giới.

Năm mươi năm qua tuy trên phương-diện lý-thuyết Nga vẫn giữ lập-trường cố hữu, nhưng trên thực tế, nước này không còn tham vọng lãnh-đạo cách-mạng cộng-sản thế-giới nữa, và lại còn chủ-trương chung sống hòa-bình với các quốc gia tư-bản.

Nếu ta nói rằng về phương diện đối ngoại, Nga đã từ một chính sách cách mạng gây hấn chuyển sang một chính sách hòa hoãn là một điều sai lầm. Vì ngay từ khi thành lập chính thể cộng sản Nga luôn luôn có hai chính-sách một lúc. Tùy theo thời cơ và điều-kiện địa-phương mà các nhà lãnh đạo ở điện

Kremlin áp dụng một trong hai chính sách đó. Ngày nay chính sách hòa hoãn đã được áp-dụng nhiều hơn là chính sách gây-hấn; tuy nhiên đôi khi Nga vẫn dùng chính sách gây hấn trong một vài trường hợp đặc biệt.

Những người theo chủ nghĩa Mác-xít cho rằng họ đã tìm ra một định luật cai quản nhân loại: «Cộng sản chủ-nghĩa là một sự cần thiết lịch sử». Cách-mạng cộng sản thành công ở Nga đã làm họ tin rằng thực hiện cách-mạng thế-giới là một điều có thể làm được. Lénine đã cố gắng áp-dụng nguyên tắc Mác xít để cách-mạng cộng sản Nga «lan rộng như một vết dầu» trên thế giới. Vì vậy mà Lénine đã lập ra Tồ-chức Cộng-sản quốc-tế (Komintern) vào năm 1919 đặt dưới quyền chỉ huy của Zinoviev để xâm nh. ở tại Âu và Á-châu.

Năm 1918 và 1919 Zinoviev mưu toan tổ chức cách mạng ở Đức nhưng bị thất bại. Ở Á châu giai cấp vô sản không được đồng đảo như ở Âu châu nên Nga áp dụng một chiến lược khác là nâng đỡ các phong-trào giải-phóng quốc gia tại các nước thuộc địa để đánh đuổi bọn thực dân thống trị. Mất thuộc địa, các đế quốc Anh Pháp sẽ mất tiêu-trường cho sản-phẩm kỹ-nghệ của họ và một khi kinh tế bị tắc nghẽn, Anh Pháp sẽ suy sụp ở Âu châu. Tại Trung-Hoa Nga hết sức giúp chính phủ cách mạng của Tôn-Dật-Tiên ở Quảng Đông và đồng thời giúp cả chính phủ phản động Bắc kinh nữa. Nhưng ở đây Nga cũng bị thất bại vì sau khi Tôn dật Tiên mất, Tưởng-giới Thạch lên cầm quyền có nhiều thiện cảm với giới tư-bản, trục xuất phái bộ viện trợ Nga do Borodine hướng dẫn.

Nhưng chính sách gây hấn của Nga cũng đã tiến triển nhiều nếu trước đây hướng về việc thực hiện cách-mạng cộng-

sản trên thế giới thì nay chính sách gây hấn của Nga đã dần hướng về quyền lợi quốc-gia Nga nhiều hơn. Năm 1939 Nga ký hiệp-ước thân-hữu với Hitler để chia nhau với Hitler những đất đai trên thế-giới. Vì Nga muốn bành trướng về phía Ấn-độ ở phía Nam đường Bakou Batoum. Nga còn đòi Phần-lan và Bảo-gia lợi. Những lời đòi hỏi này đã khiến Hitler tấn công Nga. Tháng 7-1941 khi Ngoại-trưởng Anh Eden tới Mạc-tư-khoa bàn với Staline về việc cung cấp vũ khí, Staline chỉ nghĩ tới mở rộng biên-giới.

Nhưng chính sách đối ngoại gây hấn của Nga nếu ngày nay còn được áp dụng chỉ là đe dọa các nước chư hầu, duy trì sự đoàn kết trong khối cộng sản. Thật vậy, từ năm 1948 khi Tito không chịu thần phục Nga, và nhất là những năm gần đây bị Trung cộng luôn luôn đả kích, Nga không còn là lãnh-tụ khối cộng sản nữa. Chính sách gây hấn chỉ còn là một phương tiện để giữ trật tự trong nội bộ. Đối với các quốc-gia tư-bản, Nga không còn nghĩ tới gây hấn, vì chiến tranh với các nước này, nhất là với Mỹ, có nghĩa là tiêu hủy những kết quả kinh-tế vĩ đại mà Nga đã phải hy sinh từng thế-hệ người mới thực hiện được. Vì vậy Nga đành phải chủ trương sống chung hòa bình với các quốc-gia tư-bản.

Chính sách sống chung hòa bình không phải là một điều mới lạ. Ngay từ lúc khởi đầu, Lénine đã phải áp dụng chính sách này để được yên-ôn mà củng cố chế-độ cộng-sản ở bên trong. Vì vậy mà Linine, được Staline ủng hộ, đã ký hòa ước Brest — Litovk với Đức. Chính

Staline cũng chủ trương "chung sống lâu dài" với các quốc-gia tư-bản để thực-hiện các kế hoạch ngũ-niên. Chỉ vì muốn chung sống lâu dài với các quốc-gia tư-bản mà Staline năm 1927 đã loại Trotsky ra khỏi hàng ngũ. Năm 1922 và 1924 Nga ký với Đức hai hiệp ước Rapallo và Berlin để nối lại giao thiệp thương-mại và chính trị với Đức. Năm 1935 Nga ký hiệp ước liên minh với Pháp và sau đó gia nhập Hội Liên-Quốc mà từ trước Nga coi như là một định chế của tư-bản. Năm 1939 Nga còn ký hiệp ước không gây hấn với Hitler. Chính sách này đã cho Nga rất nhiều mối lợi, vì giữa các quốc gia Âu châu lục đục với nhau, Nga đã đóng được vai trò trọng tài.

Sau đệ-nhi thế-chiến, Nga bắt buộc phải chung sống với Mỹ vì chiến tranh với Mỹ dù có thắng cũng gây thiệt hại vô cùng lớn lao cho Nga. Vì vậy với Krouchtchev, Nga đã hoàn toàn "chung sống hòa bình" với Mỹ. Năm 1962 Nga thử áp dụng chính sách gây hấn bằng cách đưa hỏa tiễn sang Cuba, nhưng trước thái độ cương quyết của Mỹ, Nga đã rút về. Gần đây với lực lượng càng ngày càng lớn và với sự chống đối một ngày một mạnh của Trung-Cộng, Nga e ngại Trung Cộng hơn là đề phòng Mỹ. Vì vậy Nga hầu như bỏ hấn mộng thực hiện cách mạng cộng sản ở ngoại quốc mà chỉ muốn hòa bình để lo hạnh phúc ở bên trong. Những biến chuyển gần đây như việc Mỹ can thiệp ở Việt-Nam, chiến tranh Trung-Đông v. v. . . chứng minh rằng Nga đã tỏ ra hết sức dè dặt và chỉ tìm cách yên thân.

Tóm lại sau 50 năm tiến triển, tinh thần và tính chất Cách mạng tháng 10 tại Nga sô đã hoàn toàn biến thể.

TỪ-TRÌ

TRUYỆN DÀI

ĐỒ-TIẾN-ĐỨC

MÁ HỒNG

|| Về. Nhất định phải về. Chị sẽ cho những ngày giờ yên ổn Thành phố sẽ cho những ngày giờ thoải mái vui tươi. Sẽ gột rửa những buồn phiền cực nhọc bằng những bàn tay bao dung; bằng những giọng cười thân ái. Mình sẽ như nhánh cây trơ trụi đón nhận những làn gió xuân ấm áp. Chị Dung chắc sẽ ngẩn mặt một lúc mới reo, a thằng Đạm về kìa. Lại thắng rồi. Sao chị không gọi em bằng tiếng em như chị viết trong thư. Lâu dữ mày mới mò về làm sao, hả Đạm? Mình biết trả lời chị thế nào. Tại Côn Cho không chịu ký giấy phép. Nhảm. Mình đã nộp đơn xin xỏ bao giờ đâu. Đừng nhân dịp mà đổ thêm tội ác lên đầu người ta chứ. Hay tại mãi vui theo bước phong trần? Cũng khó xuôi quá. Hay tại tận tâm phục vụ? Tôi mỉm cười. Hay tại đã nguôi lòng yêu thương chị? Di văng vụt chiếu trong óc tôi nét mặt thiếu úy Xuân hôm nào trong tiệm ăn. Thôi, tốp hộ đi. Tôi vội xua đuổi vùng bóng tối ấy bằng cách đưa trang thư đang cầm trong tay ra nơi ánh đèn đọc lại. Mấy hôm trước, chị có gặp cậu Bắc. Cậu ấy đi với một cô xinh lắm, trông như học trường đầm. Nhớ lời em dặn, chị có hỏi cậu ấy về cô Thủy thì cậu ấy nói Thủy đã lên Pleiku làm việc mấy tháng nay. Tôi khép mắt, bỏ tờ giấy xuống chiếu. Thủy lên Pleiku. Thủy làm gì trên đó. Pleiku. Thành phố biên trấn ấy đối với tôi vẫn còn nhiều xa lạ. Hình như tôi chỉ biết tới tỉnh này qua những mẩu tin chiến trận mùa mưa thê thảm đăng trên báo và tin từng đoàn quân đồng minh tới đồn trú. Vậy không lẽ Thủy đi bán ba? Vô lý. Em hiền lành như củ đậu mà nhảy vô cái thế giới cướp giết ấy sao nổi. Một chốc, tôi thoáng nghĩ hay xừ Bắc bịa chuyện để giải thích sự vắng mặt của cô em vì cái bụng đã không còn che dấu nổi. Tôi dương mặt nhìn vào trang giấy nhằng nhịt những chữ của chị, hỏi thăm đúng không, đúng không. Và tôi nữa, biết đâu cái ý định trở về thăm chị lại chẳng bắt đầu từ mấy giòng tin này.

Nhưng dù sao thì mình cũng phải trở về một chuyến.

Không về thì hư bỏ nó hết người. Như chiếc xe chạy quá lâu mà chưa cho vào cơ xưởng coi lại máy và vô dầu mỡ. Tôi mơ màng ngắm chiếc đĩa nhạc mới nhận được hồi chiều cùng phong thư của chị. Màu nhựa bắt ánh đèn càng vàng thêm như cuộn ơ tần vàng nắng thu, trong và thắm như que kẹo mạch nha. Em đã dặn chị đừng gửi thứ này cho em mà sao chị cứ quên hoài. Mỗi lần có đĩa là mỗi lần đắm chìm

trong bao nhiêu nỗi buồn. Anh Thắng chập chờn trong mặt đĩa xoay tròn và trong những lời ca thắm thiết của chị. Tao khoái nhất là cái miệng bà chị cậu lúc đang hát. Đôi môi có những cử điệu mà tao chịu không thể diễn tả nổi nhưng nhất định sẽ có ngày nổi húng, tao sẽ nhảy lên sân khấu tốp một miếng cho đã. Thế mà có chi anh lại tình nguyện xin ra mặt trận, anh Thắng? Lòng yêu nước, ý chí kiêu hùng của người trai Việt, có thể mạnh mẽ tới mức đó thật sao. Đoạn tôi bà ng khuâng như mọi lần, tự hỏi liệu những ngày tháng chị dành cho em và anh Thắng còn được bao lâu nữa, chị?

Tự nhiên, thân thể tôi như mềm nhũn. Tôi xoay người, uể oải nhìn ra ngoài khung cửa sổ. Trời mờ mờ ánh trắng. Một mảng tường nhỏ cao thành một tảng bóng đen lặng lẽ. Sao giống cảnh nằm trong lòng mộ mà ngó lên khung trời nghĩa địa thế này. Tôi bật cười trong cổ, hay mình đã chết thật rồi. Như anh Thắng. Như Đạt. Anh Thắng bây giờ ở đâu? Đạt bây giờ ở đâu? Mơ hồ, thật mơ hồ có những hơi gió lạnh vạt vờ đưa những hạt sương băng giá vào bám lên da mặt tôi lạnh se. Hai vùng mắt cũng ẩm ướt lũng nhùng. Tôi nghe được rất rõ từng giọt nước mắt đang âm thầm tìm mạch ứa ra ngoài mi. Buồn. Một hơi thở dài theo tiếng nấc khan vừa thoát khỏi hai lỗ mũi. Cuộc đời mà kết thúc như thế này thì nhạt nhẽo, vô duyên quá. Mai kia, các anh là những công chức cao cấp, lãnh nhiệm vụ điều khiển guồng máy quốc gia. Mai kia, các bạn sẽ vợ đẹp con khôn. Mai kia... Mai kia hoài, Rốt cuộc nào có chớ gì. Hai bàn tay vẫn trắng. Lòng hai bàn tay vẫn còn quá rộng để đón bưng những mơ ước thành hình, những ơn huệ trời và đời ban tặng. Tuổi trẻ nhạt phai dần như màu sắc trên tấm màn cửa chói chang nắng sớm. Tối ngày chỉ gục đầu trên từng sấp giấy tờ và ký. Ký hoa cả mắt. Ký tê dại cả cánh tay và ẽ mỗi một bên sườn. Quanh quần toàn thị thực bản sao những khai sinh, khai tử để bỏ tức hồ sơ, chứng nhận chữ ký của hội đồng xã ấp về hạnh kiểm, về di chuyển tới nơi xa làm ăn sinh sống. Trung bình cứ hai ngày là hết một cây bút nguyên tử. Còn hạnh phúc tình yêu thì, tôi muốn làm một cử chỉ lắc đầu ngao ngán để diễn tả sự so sánh những ngày tháng đã qua với những bát cơm gạo hầm lại trộn lẫn nhiều sạn cát.

Trong phòng, không khí mỗi lúc một im lìm tri tri. Không nghe cả tiếng muỗi vo ve. Dàn trọng phóng đêm nay sao cũng chưa nghe nổi trái nào. Tôi cựa quậy đôi thế nằm. Rồi kéo tấm chăn đắp kín đầu. Nhưng mọi kỷ niệm vụn rời vẫn chập nối nhau lộn xộn chạy ngang trước mặt. Đạt ơi, mày có linh thiêng thì hiện về đây, nằm đấu láo với tao cho vui. Lại vật vờ chân tay. Lại thêm đã dợt tấm lòng. Chiếc đầu đã nặng chiu hăm hấp nóng. Tưởng như bên trong chứa đủ âm thanh và hình ảnh thu gọn của một thao trường đang ồn ào hò reo cổ vũ cho cuộc đua xe gắn máy. Tôi nằm nghiêng. Ôm níu mảnh chăn mềm nhão. Rồi trong lòng nhẹ cất những tiếng thủ thỉ như có Đạt ở kề bên. Trước kia, nhiều đêm mày vác mặt đến bắt thần làm tao cụt hứng. Tao lạy trời cho tụi nó bắn tơi bời để mày chuồn gấp, hoặc ban tối là phải cắm trại trực miết. Bởi có em Chi hẹn tới. Bởi tao thích vắng vẻ để em Huyền sang. Bây giờ mày bỏ tao thì tao cũng nằm trơ thân cụ một mình. Con Chi biến đâu mất từ tuần nay, mày biết chứ. Chiều, gần tàn sở thì con

nhà Tân dọn xác tời. Nó cười cười cười, ê em Chi của cậu nhảy lên núi rồi. Liệu trình có sớm lãnh đủ đó. Tao hỏi nó sao cậu biết thì nó cười khanh khách, ồ cò bốt mà, cậu thích nghe chuyện của cậu với em Chi cũng có ngay. Thấy nó nói thế tao bắt đầu hoảng. Định hỏi thêm nhưng trông dáng điệu nó cứ **trng như hết c** thân mặt nên tao ngồi im. Hai mắt nó nhìn tao bỗng long lanh sáng như những giọt adide sắp bật trào ra. Miệng nó cười cũng bí mật lắm, mày. Mày nhớ những bông hoa ăn thịt người trong phim ảnh rừng rú Phi Châu thì sẽ hình dung đúng ý hai vành môi nó răn nở rộng để lộ những chiếc răng lỏm chồm trắng hếu. Tao ngó lơ, giả bộ đắm chiêu theo dõi mấy chiếc máy bay phản lực chốc chốc lao xiên như bóng chim trên khoảng trời xa đóng khung vuông qua ô cửa sổ. Lẫn với tiếng nổ ì ầm rung chuyển nhà đất, tao nghe giọng nói nó lảm nhảm một mình về vụ nó sắp được đi tu nghiệp bên Mã-Lai. Vì vậy, cho đến bây giờ tao vẫn chẳng hiểu đầu đuôi câu chuyện ra sao. Chi nhảy lên núi thật ư? Tại sao? Và có gì mà tao chịu trách nhiệm chứ?

Lần quần mãi như chiếc xe bị sa lầy cố hí hục rồ máy, tôi bực tức vùng ngồi dậy như một cử chỉ vượt thoát, trốn tránh. Ra mở cửa. Đường phố vắng hoang dụi êm. Ánh trăng chùm lên những vùng bóng tối nhạc thềch như nước lã. Tôi nghĩ chắc ông trời đêm nay cũng không thấy gì làm hứng thú cho lắm. Quay vào. Đóng cửa. Đi thơ thẩn vòng vo khắp nhà. Rồi dừng bước trước bàn. Hai tay chống nạnh, nhìn chai nước vơi lưng, chiếc đĩa đựng tàn thuốc lá nhem nhuốc, tôi liên tưởng cảnh đứng trước những viên chức xã ấp đề ban chỉ thị của thượng cấp trong một buổi họp. Xong với chiếc thu thanh mở nghe. Tiếng đàn tưng tưng rên rĩ leo cuốn pha trộn cùng giọng ca cao trong nỉ non như từ âm ti vọng lên. Tắt máy. Lững thững bỏ ra khoảng sân sau nhà. Màu trắng ảm đạm mịt mù. Vài vì sao jác đác mờ mịt như những ngọn đèn dầu từ mấy căn nhà trơ vơ ở xa. Chợt, tựa như chỉ là mê hoảng, tôi nghe tiếng động lách tách, róc rách rất gần, rất nhỏ của những miếng nước hắt xuống nền xi măng ngoài bờ giếng. Tôi vội bước nhanh tới cửa hậu, thò đầu nhìn ra. Thành linh, hiện ngay trước mắt tôi, lộ liễu một tấm thân nhể nhại những vệt sáng loang lổ của ánh trăng tan trong ánh nước. Bờ vai tròn trĩnh như miếng dừa gọt sạch vỏ. Một cánh tay vươn cao ôm lấy mái tóc sau gáy. Trăng và nước cũng xoa sáng trên bầu vú nhọn hếch gọn ghẽ. Nhưng chỉ thế thôi, trong một vài giây ngắn ngủi. Tiếng hát nho nhỏ đã vụt tắt. Tấm thân ấy đã co rút lại, lẩn kín sau bờ thành giếng. Giọng Huyền ứ hự như tiếng mèo kêu khi cọ đầu vào người làm nũng:

— Nè. . Cẩm nhìn...

Như chạm phải luồng điện mạnh, tôi luống cuống thụt lui. Nhảm quá. Huyền sẽ tưởng mình chủ tâm rình mò nhìn trộm cho coi. Như vậy là không hy vọng còn những buổi Huyền bất chợt sang bên này nữa. Nghĩ thế nhưng chưa kịp buồn, miệng tôi đã cười toe. Những cảm giác hỗn tạp đang bùng bùng trong lòng vụt trào dâng cuốn băng chút lo âu vừa chớm. Tôi xao xuyến ngây ngất. Nuốt nước miếng. Quả có giống trường hợp uống rượu sắp say như mấy anh nhà văn thường so sánh. Tấm thân Huyền nồn nà, một bờ vai tròn, bầu vú đậm nhô và mảng lưng

thon đuột chập chờn trong màn trắng khiêu khích hai cánh tay buông xuôi trống trải. Cũng trong thời khắc ấy, nhịp đập của trái tim rộn rập. Tôi nghe mừng tượng một điệu kèn tiến quân thúc dục tôi hãy tấn công, hãy tấn công mau lên. Đừng lùi bước. Đừng ngại ngùng. Cứ vắn vơ chú cháu mãi thì đến kiếp nào mới chiếm nổi mục tiêu? Huyền không tỏ vẻ giận dỗi đâu. Huyền cũng không ngạc nhiên khi mình lò dò trưng cái mặt ra đâu. Nè... Cầm nhìn... Tự vuốt ve, tự khuyến khích một chập, tôi đã bình tĩnh như trước. Tôi nhớ những chi tiết diễn ra ngoài bờ cỏ với Chi đêm nào trốn pháo kích. Rồi tự nhủ, mình phải xử trí nhanh như vậy mới được. Đừng để cơ hội may mắn trôi qua xong ngồi trông theo hồi tiếc. Tuy thế, hai chân tôi vẫn chôn cứng một chỗ. Tôi ngoái cổ ngo về phía cổng hậu. Ngoài ấy tối mờ mờ như cảnh một phòng ngủ có ánh đèn nơi đầu giường, có chiếc màn trắng mỏng buông phủ. Giữa lúc tôi băng khuâng mím cười thì bỗng một gầu nước từ ngoài vụt tạt vào gần sát ngay tôi đứng. Tiếng Huyền :

— Không chịu vô ỉa ?

Tôi giật bắn người, vội leo lên lầu vào sau cánh cửa. Những giọt nước bám dính chân và ống quần ướt nhem nhếp, nhơ nhớp. Sao Huyền biết mình còn ở ngoài mà hắt nước xua đuổi ? Em leo qua thành giếng ? Tôi lắc đầu trả lời, chắc em phỏng đoán nghi ngờ rồi làm cầu ầu để phòng vậy thôi. Chỉ tại mình xui.

(Còn tiếp)

ĐỖ TIẾN ĐỨC

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME - ORIENT

(S. D. A. E. D.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tập (Khánh-Hội) — SAIGON

Tél. : 93.741 - 93.742

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE — GAZ CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCHOLPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON, ETC...

Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique

Installations de gazothérapie

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE
LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS.

TÌNH TỰ

Thơ CHU-VƯƠNG-MIÊN

dây bìm bìm leo quanh hàng kẽm gai biên giới
hoa trắng mềm sương mù vào sáng cao nguyên
chúng ta nói gì với nhau ngày xưa trịnh nguyên
một hàng cây một bờ lũy đôi miền

trên tay đạn chì nằm trong lòng súng
một nắm bia một tàu lá hàng rêu
con nước bơ vơ lau già tràn lên trước mặt
một mái tranh một đọt chuối quê nghèo

anh sẽ nghĩ gì sau lần trận đánh
máu việt nam lẫn sỏi việt nam
mã tấu lưỡi lê dao dài lựu đạn
mảnh quê hương vùng á châu buồn

rồi ngày mai chúng mình dơ tay vẫy
chim bồ câu nằm rũ chết ngoài kia
tình thương mọc hoang đầy loài nấm rạ
giòng sông sâu còn ngăn cách đến bao giờ

dăm trái sáng tỏa trên trời kỷ niệm
chim lang thang đi nhờ ngủ phương nào
núi cũng già thêm mòn từng tuổi đất
phòng tuyến mưa dầm nhớ tới mai sau

mỗi trái tim nặn bằng vôi ximăng cát
trên đồi sao nhìn chưa thấy quân thù
trắng hạ huyền trên túp lều vải cũ
tóc chưa dài màu khe núi hoang vu

chưa bao giờ chúng mình nói chuyện với nhau
đôi bờ sông con nước chân cầu
máu chảy về tim lúa mọc từ đất ruộng
tương lai chúng mình dăm nẻo về đâu

ĐÔI THÔNG SƠN TÂY

Thơ TRẦN-TUỆ-MAI

*Đôi thông / đôi thông miền Bắc xa xôi
Đôi thông / đôi thông sinh phần họ ngoại*

*Mẹ nằm đó, con không về thăm được
mười mấy năm cỏ lấp mộ bia rồi
con úp mặt gối mềm che tiếng nấc
đêm dài mang hình ảnh thuở xa vời*

*Mẹ nằm xuống khi Cha vừa khỏi ngục
(nước mắt mà hồn nước dậy trong thơ)
Cha một thuở hào hùng say lý tưởng
Mẹ thời xuân trang điểm những âu lo*

*Mẹ nằm xuống trong xót đau của Ngoại
đề bầu con ngơ ngẩn áo khăn xô
theo đám tang tưởng chừng như đám hội
cho tới khi linh cửu đến bên mồ*

*Con hoảng hốt, thế này ư trời hỡi
đất đào sâu, thân Mẹ bị vùi sâu
anh em con lịm người trong tiếng khóc
thế là thôi, là hết, Mẹ còn đâu*

Rồi con biết, dần dần con đã biết
Con, niềm lo của Mẹ những ngày đau
trên giường bệnh Mẹ bao lần tha thiết
« một mình con là gái, sợ mai sau ... »

Sợ mai sau — con hiểu rồi ý Mẹ
không khí nhà đâu phải thuận cho con
bởi là gái cần trong khung êm ả
mà nhà ta luôn sóng gió dập dồn

Cha có mồi trên lộ trình Đất Nước
thì nòi tình lại ngợp sóng đam mê
giòng máu đỏ, liệu rồi con có thoát
đường phiêu du khi gót trở xuân thì

Niềm lo ấy bay theo về cõi lạnh
con bây giờ, con đó, thức trong đêm
nghe giòng máu mẹ cha trong huyết quản
ngắm vòng xoay lưng lửng nhịp sầu lên

Miền xanh hơi, hơi Đồi Thông Ái Mộ
vùng Đà giang vời vời đỉnh Ba-Vì
có nghe chẳng, giờ đây theo bước gió
bao nhớ thương day dứt vượt đêm về.

ĐỌC SÁCH GIÚP BẠN

RA TÒA OAN HAY ỪNG



NAM THỊNH xuất bản, 369 trang — giá 100đ (Bản đặc biệt 500đ.)

Tác giả :

Ông Bùi Đình Tuyên sinh năm 1918, tại Hà nội, Kỹ-sư canh-nông, sau bảy năm (1914—1951) hoạt động rời bỏ ngành này, đi làm giáo sư Trung học 5 năm. Năm 1956, đậu Cử nhân luật khoa, rồi ra làm thẩm phán.

Về hoạt động văn học: Đã cộng tác với các báo *Giang-san* ở Hà nội, *Pháp luật* ở Sài-gòn,

Tác phẩm :

Ông thẩm phán họ Bùi muốn chỉ dẫn cho người dân thường các điều thường thức về luật hình sự. Người dân có thể được mời ra tòa để làm chứng, có thể bị gọi ra tòa để xét xử. Trong phần thứ nhất, sách giải thích những điều cần biết cho người làm chứng trước ông Biện lý, trước ông dự thẩm, trước tòa tiểu hình, tòa đại hình. Trong phần thứ hai, sách phổ biến những điều cần biết khi bị cáo ra phòng dự thẩm, và ra các tòa tiểu hình.

Đem những vấn đề của một giới chuyên viên ra trình bày, mà sách không khô khan, trái lại xem vui như xem truyện, tác giả thực khéo. Ông Bùi đem cái kiến thức của ông thẩm phán giảng giải phân minh sáng sủa như một nhà giáo. Và ngôn ngữ của ông, thường khi ông mượn được cái ngôn ngữ giản dị của người nông dân mà có lẽ ông đã có dịp gần gũi trong những ngày phục vụ trong ngành canh nông lặn lội ở từ rừng sâu Cao miên cho đến đèo cao Bảo lộc. Nói về công việc của người làm chứng, việc khai trình trước tòa những điều mình biết được về các vụ phạm pháp được hỏi đến, tác giả bảo: «việc khai trình đó phải làm (...) dưới cái hình thức trang trọng của luật pháp đã bày đặt ra (1). Chữ bày gặp ấy li thú. Nó như là chữ dùng các người ngoại cuộc nhìn vào luật pháp, (nhìn mà hơi nhíu mày một chút xiu về nghi cái rắc rối phiền toái của nó), chứ không phải chữ dùng của các Quan tòa.

Kể những mẫu chuyện để dẫn chứng, tác giả vừa có cái vắn tắt chính xác của nhà nghề, vừa điểm một chút duyên dáng hóm hỉnh. Thị Mệt tố cáo bị anh rể hiếp dâm. Hỏi người chị, người chị bệnh chướng, khai rằng bình nhật chồng chị không khoẻ. «Một tuần hay mười bữa mới gần nhau một lần. và khi gần nhau xong thì i lừ đừ như

(1) Trang 17.

con của mới lột...». Thế mà đêm ấy vừa mới gần vợ xong, lẽ nào anh kia còn tìm tới em vợ? — đột anh ấy cũng bị tố cáo quyến rũ con gái chủ nhà in, bà khai trước tòa rằng anh ta không hề quyến rũ ai, chẳng qua là vì làm việc chung. «khi chạm áo lúc chạm quần» nên sinh ra quyến luyến nhau.

Trình thoảng văn chương nghệ thuật cũng lững thững bước vào lãnh vực tư pháp câu chuyện dẫn chứng không rút ra từ những chồng hồ-sơ hay những lời khai ở tòa, mà từ những tác phẩm văn chương. Nhà văn kể trường hợp một cặp vợ chồng già trên 60 tuổi xâm phạm thuần phong mỹ tục trong một khu rừng sồi vào một buổi sớm đẹp trời nọ. Ra tòa bị can khai, ba ông tòa tóc đã điểm sương, bởi hồi xúc động, cúi mặt xuống bàn, về phía cử tọa có những bờ lông rưng rưng nước mắt. (2)

Ngôn ngữ ấy, thái độ thông cảm ấy, chút gì dỏm cời mở ấy... Khiến cho không khí tòa án có phần ấm áp nhân tình, bớt đi vẻ lạnh lùng nghiêm khắc.

(2) Trang 359, 360.

NGHĨ GÌ

«Tìm hiểu những vấn đề của thời đại». TRẦN TRỌNG PHÚ xuất bản, 140 trang — Giá 65đ.

Tác giả : **TRẦN TRỌNG PHÚ**

Tác phẩm :

Nghĩ gì của Trần Trọng Phú gồm tất cả năm bài tiểu luận, hầu hết đã đăng trên các tạp chí ở thủ đô như *Hành trình*, *Quật khởi*, *Đại đoàn kết*.

Trong số năm bài đó có hai bài bàn về văn học. *Im lặng là đồng lửa*, nhân vở kịch *Đấng đại diện Chúa* của Rolf Hochhuth trình bày việc Giáo hoàng Piô XII im lặng trước sự

kiện những người Do Thái bị Đức quốc xã thủ tiêu trong các trại tập trung mà suy nghĩ về trách nhiệm của con người với đồng loại. *Miguel de Unamuno* : Hình ảnh của những con người chân dẫm đất ngời ca thái độ của nhà văn Tây Ban Nha Unamuno luôn luôn kêu đòi công lí và tự do trước các chế độ độc tài phát xít. Có thể xem hai bài này như sự xác nhận lập trường dân thân của tác giả đối với những vấn đề căn bản của cuộc sống.

Ba bài *Đề tiến một nền Hòa Bình Việt Nam*, *Chiến tranh cách mạng*, *Ý nghĩa của bài học Saint — Domingue* quan trọng hơn vì đã đề cập trực tiếp các vấn đề sôi bỏng của thế giới ngày nay là vấn đề hòa bình ở Việt Nam, vấn đề chiến tranh cách mạng của Cộng sản, vấn đề Mi đem quân vào Saint — Domingue. Ba đề tài này, tuy khác nhau, nhưng cùng đưa tới một chủ đích lớn của tác giả là ghi nhận sự cần thiết của một lực lượng quốc gia lành mạnh nơi các nước nhược tiểu để chủ động giành quyền làm cách mạng xã hội với những người Cộng sản. Trên thế giới, xu thế này đã xuất hiện nơi một số nước Á Phi như Algérie đã thắng được thực dân Pháp, hoặc ở Châu Mĩ La-Tinh như Saint—Domingue, nhưng ở đây lại bị chính sách

«cảnh bình» của người Mi đàn áp. Ở Việt Nam, theo tác giả, chiều hướng này lại càng cần thiết để lập lại cân cân thăng bằng trong các cuộc đàm phán hòa bình giữa các thế lực chính trên chiến trường hiện giờ là Mi và Cộng sản. Các cường quốc, nếu không nhận thức được điều này, chắc chắn sẽ không giữ được những phần đất mà họ thường nhân danh này kia để «bảo vệ».

Nhưng liệu những người quốc gia không Cộng sản ở đây có khả năng kết tập nhau được để tiêu diệt từ căn bản cái xã hội đầy thối nát suy đồi này không? Và quan trọng hơn nữa, liệu người Mi có chịu từ bỏ những hành động kiểu Saint — Domingue không? Đứng về mặt thực tế, tác giả không phủ nhận tính cách khó khăn của vấn đề. Nhưng nếu chỉ đứng trên bình diện suy tưởng, ai cũng nhận rằng Trần Trọng Phủ là một trong những người đã dám nói lên một sự thực này: đem những thế lực hủ bại, lạc hậu sơn lên những chiêu bài hào nhoáng để chống Cộng là một việc làm quá lỗi thời rồi.



HÒA BÌNH CHO CON NGƯỜI

«Tìm hiểu những vấn đề của thời đại» TRINH-BÀY
xuất bản, 192 trang. Giá 90đ.

Tác-giả:

Trương-Bá-Cầm, Trương-Đình-Hoè và Nguyễn-Hồ-Đĩnh

Tác-phẩm:

Vấn đề « hòa bình » mà Trần Trọng Phủ nói phác qua trong *Nghĩ gì đã được* các linh mục Trương-Bá-Cầm, Trương-Đình-Hoè, Nguyễn-Hồ-Đĩnh đưa lên hẳn thành một chủ đề trong toàn bộ cuốn *Hòa bình cho con người*

Sách chia làm hai phần: *Nhận định* và phần *Hiện tượng*.

Trong phần *Nhận định*, các tác giả đã cùng nhau phiên dịch, trình bày hoặc chú giải một số văn kiện, tài liệu có liên hệ đến vấn đề hòa bình và chiến tranh của Cộng Đồng Vatican II và của Đức Phaolô VI. Theo như sự trình bày trên, người ta biết được lập trường chính thức của tòa thánh Vatican là lên án mọi cuộc chiến tranh, bất cứ dưới hình thức nào, vì chiến tranh không thể đưa tới hòa bình đích thực. Công đồng không kết án những cuộc chiến tranh tự vệ cần thiết, nhưng đặc biệt nhấn mạnh nguy cơ của một cuộc chiến tranh toàn diện tàn bạo thời hiện đại. Một thứ hòa bình đích thực, theo Công đồng, là một số hòa bình xây dựng trên Công Lý và Tình Thương: Hòa bình trong chiến thắng hay đầu hàng là một thứ hòa bình nhục nhã, kiêu căng; hòa bình trong một xã hội còn tràn ngập bất công nghèo khổ là một hòa bình giả tạo, áp chế. Đối với hiện tình thế giới ngày nay, Công đồng đưa ra một vài đề nghị để tiến dần tới việc thủ tiêu chiến tranh, nhưng chỉ coi đó là « một lời kêu gọi », chứ không phải là những « phép màu »: phương pháp hữu hiệu nằm ở tinh thần trách nhiệm của con người cố gắng vượt bỏ nghi kỵ nhỏ nhen để hướng về hạnh phúc nhận loại.

Phần *Hiện tượng* trong tập sách, bổ túc quan điểm trên, bằng cách căn cứ vào

một số sự việc cụ thể trên thế giới để rút ra những bài học kinh nghiệm. Đối với Gandhi của Ấn-độ, đó là bài học của một tinh thần bất khuất dùng cảm chông áp bức xăm lạng bằng thương yêu và nhân đạo, cái tinh thần tốt đẹp đã kết tập được dân tộc mà còn thuyết phục được kẻ thù nữa. Đối với cuộc chiến tranh Pháp-Việt ở nước ta vừa qua, đó là bài học của một nước nhược tiểu đánh mất chủ quyền tự quyết vận mệnh của mình. Chính vì vậy mà chúng ta phải chịu đựng một cuộc chiến tranh mà chúng ta không muốn, một thứ hòa bình do người ta « chỉ cho ta ». Đất nước bị phân chia, chiến tranh còn tiếp diễn, chính là hậu quả của thái độ thiếu đoàn kết chủ động trên. Cuối phần *Hiện tượng* này là một bản *Kinh cầu nguyện hòa bình*.

DIỄM CUNG

Truyện, do NHÂN CHỨNG xuất bản, 84 trang, giá 35 đồng.

Tác giả : Hà-Thủy

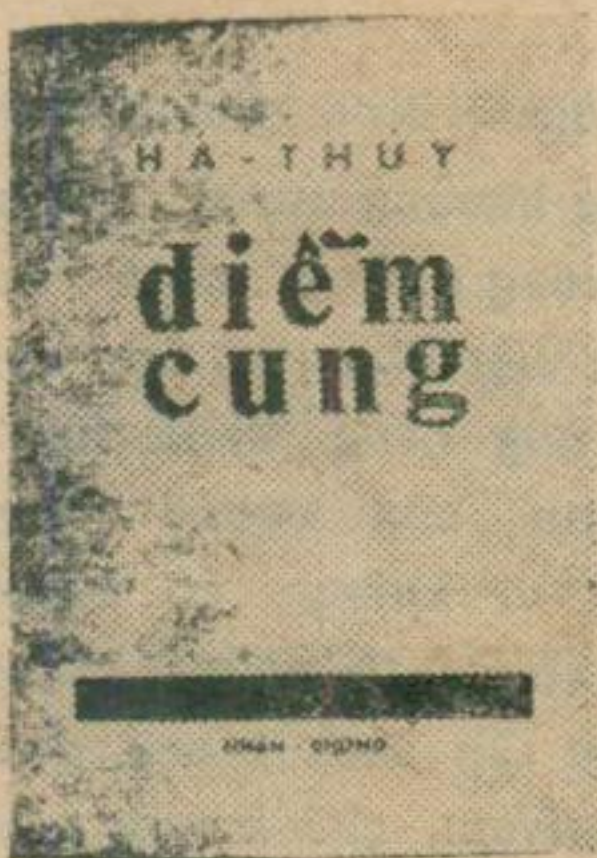
Tác phẩm :

Nhân chứng là một nhà xuất bản trẻ, chuyên giới thiệu những cây bút trẻ. Sáu tập thơ đã mở màn cho sự hoạt động của nhóm, mà người chủ trương là một thi sĩ hoạt động hăng say. Nay mới trình diện một tác phẩm bằng văn xuôi. Hẳn nó phải có một cái gì khác lạ. Đây, mời bạn nghe chàng « khai chiến » với nàng, sau khi « nắm chặt hai tay »:

« — Anh phải liệu chiếm-hữu thể xác em, em đừng vội khinh anh, hay đầu có khinh cũng không cần biết. Em đừng vội la lối, vì ở đây, không ai tiếp cứu cho sự la lối đó .. Tốt hơn, em hãy nhận chịu, em phải nhận chịu tình yêu của anh. »

Nàng là một nữ sinh. Chàng là một « trung sĩ quèn », Và tấn tuồng ở trên xảy ra trong một khách sạn Chợ-lớn, có cái tên « Diễm cung ». Nàng không yêu chàng mấy, còn chàng vì mặc cảm giai cấp, vì ngấm đi hỏi nàng làm vợ thì cha nàng thế nào cũng chối từ, nên quyết liệt làm cho cha nàng phải đứng trước một việc đã rồi.

Nhưng rồi, Bình — tên nàng — có thai sau « tai nạn » ấy, và nàng được biết cha nàng là cha ghê, vì quá yêu mẹ nàng nên bằng lòng lấy người gái « không chồng mà chữa mới ngoan » ấy. Mẹ nàng chết, và nàng lại giống mẹ quá; giống quá đến nỗi cha ghê nàng « đòi nàng trả nợ », và, đã hết là trinh nữ, lại quá thương mẹ, nàng cúi đầu « đền bù, trả nợ » cho « công lao và sự mất mát của kẻ đến sau ». Rồi nàng lặn vào cuộc đời « bán tròn nuôi miệng » cho lính da-đen thuộc quốc tịch Hiệp-chủng-quốc. Nàng sanh con, con trai coi giống Tấn — tên chàng — Chừng ấy nàng mới hỏi hận vì trước đó, Tấn gặp lại nàng, thấy nàng bụng lớn, reo vui « Con của anh đây nè » thì nàng lắc đầu « chưa chắc, nó lai lung tung cả, chứ chẳng phải con riêng của anh đâu. » Và sau cơn ân ái với chàng, nàng bỏ đi mất, sau khi lấy ở bóp chàng 3000đ. trị giá một đêm đi khách ! Thử nàng đến cho chàng hay về đứa con riêng ấy, thì đồn bị địch bao vây và chàng tình nguyện trốn ra đồn đề cầu viện. Máy bay đến giải vây, thì chàng lại chết vì bom của phe mình !





VIỆT-NAM, quê hương yêu dấu

Tập hình ảnh nghệ thuật, GẤM HOA xuất bản; 128 trang giá 290đ.

Tác giả : hai nhiếp ảnh gia : NGUYỄN-CAO-ĐÀM
Hon. Kortrijk, ARPS, Hon. SEAPS.

TRẦN-CAO-LINH ARPS.

Tác phẩm :

Tuy nền nhiếp ảnh Việt-Nam được hình thành như một ngành nghệ thuật mới chừng vài chục năm gần đây, nhưng khoảng mười năm nay nghệ thuật nhiếp ảnh đã thực sự phát triển mạnh mẽ. Trong những cuộc so tài quốc tế, biết bao tác phẩm nhiếp ảnh đã làm rạng danh Việt-Nam và đem lại cho nhiếp ảnh gia những giải thưởng, những huy chương cùng bằng danh dự... Tất nhiên những hình ảnh đất nước, quê hương được ống kính của người làm nghệ thuật Việt-Nam ghi lại không phải ít. Vậy mà — có lẽ vì không có hoàn cảnh, vì thiếu phương tiện — chưa ai sưu tập, lựa chọn, sắp xếp lại thành một cuốn sách để giới thiệu quê hương đất nước. Phải chờ đến ngày nay tập sách mong đợi trên đây mới được thành hình, mang cái tên thiết tha là : *Việt-Nam, quê hương yêu dấu*, do công trình của hai nhà nhiếp ảnh danh tiếng : Cao-Đàm, Cao-Linh.

Cuốn sách được chia làm 8 phần, trình bày những cảnh trí độc đáo của địa phương, những người dân ở mọi giai tầng xã hội trong nếp sinh hoạt hàng ngày, những hình ảnh đẹp của quê hương, sống động của người lính chiến... dưới các đề mục : Hoa đồng cỏ nội ; Cao nguyên Miền Nam ; Biển cả ; Đồi cát ; Nét địa phương, màu dân tộc. Bóng dáng con thuyền Việt-Nam ; người phụ-nữ Việt-Nam trong nhiếp ảnh ; Người ảnh với người quân nhân.

Mỗi phần đều có một bài giới thiệu và tiếp theo là một số tác phẩm thuộc chung một chủ-đề của Cao-Đàm Cao-Linh. Mỗi phần có từ 6,7 đến ngót 20 hình ảnh. Người xem ảnh thích thú ở những bức hình tuyệt đẹp như : «Buổi học sớm» «Nắng vào thung lũng» ở những cảnh hư ảo như «Giáng sinh vĩnh cửu», ở những đường nét tỏ mờ như tranh thủy mặc của «Biển sương». Nhưng đặc biệt nhất là những người và cảnh, dù là một dân chài, một nông dân, một ông già say rượu, một chị bán hàng, một anh lính chiến, dù là cảnh tát nước, làm đồng hay khiêng thuyền, tung lưới, người xem cũng thấy đích thực là người và cảnh Việt-Nam, thấy xúc động về nét đẹp của người dân mình, của quê hương mình yêu dấu. Khác hẳn với khi nhìn hình ảnh Việt-Nam trên các cuốn tự-vi hay địa-lí ngoại quốc, mà người xem thường ngỡ ngàng không nhận ra được người và cảnh đất nước mình.

Phải chăng vì người nghệ sĩ nhiếp ảnh, mang tình cảm dân tộc, nên đi vào các ngõ đường đất nước trước những cảnh vật tầm thường mà đã xúc động sâu xa vì trong đó chính là hình ảnh Việt-Nam, quê hương chúng ta hiện diện và tồn tại.»

SÂN KHẤU

Thơ HỒ-MINH-DŨNG

Những sinh vật nằm la liệt ở đây
Con thì hả mồm con thì nhắm mắt
Con thì nhe răng con thì lòi ruột
Con thì cụt chân con thì mất đầu



Chúng nó tất cả đều có con tim
tất cả chúng nó đều có lá phổi
đã biết ăn no đã thích mặc ấm
đã sống lớn lên trong vòng tay mẹ
những sinh vật này hôm nay hết thở
chúng nằm ngã lắn trên mặt đất khô
máu đào đã đông con tim đã đứng
chúng nằm như-rơm-như-cá-như-tôm
không biết lúc nào đã sinh đã thối
ruồi trâu — đĩa đói — dễ chuột bu đầy



Khi nằm xuống đây đứa nào đã khóc
đứa nào còn nhớ những buổi hoàng hôn
những ngày đi tìm tình yêu mới lớn
đứa nào còn nhớ tiếng hát quê hương
khi nằm xuống đây đứa nào buồn nhất
đứa nào còn cha với mẹ đứng chờ
thôi đã hết rồi với bè với bạn.
yên lặng lên đường. Lên đường.

TUYÊN NGÔN

20 năm đất nước tôi đạn vỡ bom cày

Thơ MẠC-LY-CHÂU

Đã từ lâu tôi tự buông mình trong im-lặng
Nhưng rồi lòng tôi day-dứt không nguôi
Tôi vẫn hằng nghe đâu đây tiếng gọi
Của những người của những con người
Mà cảnh tang-thương phủ lên số phận
Đói ạn khát uống vườn ruộng tươi-bời
Tôi nhìn chung-quanh, tôi tìm sau trước
Chỉ thấy những bộ mặt rầu rầu quen thuộc
Những bộ mặt người anh, đứa em
Kẻ mang thương tích, kẻ lê thân gầy
Hai mươi năm đất nước tôi đạn vỡ bom cày
Chúng tôi đã làm gì để nay mang tội
Thế-gian này có còn trong tay nhân loại
Đề mà đối xử với nhau trong cung cách tình người
Đề mà nói với nhau bằng tiếng bằng lời
Không bằng súng gươm – xe tăng, đại bác
Tôi viết tuyên-ngôn dù biết cũng chỉ như tiếng gào trong sa-mạc
Chỉ đề mình nghe, ừ mà cũng chỉ đề mình nghe
Đề nhớ rằng mình đang trong cuộc sống ê-chề
Với những người anh với những đứa em mang thân nhược tiểu
Đó là ý-nghĩa hay cũng là biểu-hiệu
Tôi tự gán cho những dòng thơ nước mắt hôm nay.

SINH HOẠT

Thám - hiểm Kim - tinh

Hạ tuần tháng trước, dư-luận thế-giới lại xôn xao bàn tán về những thành tích không gian mới của Nga và Mỹ. Trong chặng cuối cùng của đoạn đường, dài 347 triệu cây số và lâu hơn bốn tháng, phi thuyền Vénus 4 của Nga và Mariner 5 của Mỹ đã đưa nhau gửi về trái đất những tài liệu mới nhất, chính xác nhất về Kim-tinh, hành-tinh gần trái đất nhất trong Thái-dương-hệ.

Cuộc khởi-bành của hai phi-thuyền đã bị bao trùm trong bầu không khí u buồn của hai tai-nạn không-gian bi-thảm của các phi-hành-gia Nga và Mỹ. Nhưng kết quả thu-hoạch được lại là thành-tích đáng kể nhất về thám hiểm không-gian trong hơn sáu tháng vừa qua.

Sau những cuộc thám-hiêm mặt trăng của các chuyến bay liên-tiếp, của các phi thuyền Luna (Nga), Ranger, Surveyor (Mỹ), đây là lần đầu tiên một dụng-cụ đo-lường khoa-học đã đáp xuống một hành-tinh trong thái-dương-hệ.

Thành-tích vẻ vang này, một lần nữa, lại do Nga đạt được. Phi-thuyền Venus 4 của Nga đã tới trước phi-thuyền Mariner 5 của Mỹ một khoảng thời gian là 35 tiếng đồng hồ và đã đáp xuống Kim-tinh, trong khi đó Mariner 5 chỉ bay tới gần Kim-tinh 4000 cây số.

Nhưng đó chỉ là khía cạnh chính-trị. Về phương diện khoa học, những khám phá của Venus 4 và Mariner 5 đã giúp

các nhà khoa học xác định chắc chắn các nhận xét thu lượm được trước đây qua các đài thiên văn và chuyến bay của Mariner năm 1962. Qua các kính viễn vọng người ta đã thấy Kim-tinh luôn luôn bị bao phủ bởi một lớp mây dày đặc; bầu khí quyển Kim-tinh chứa đầy thán khí và rất nóng. Venus 4 cho ta biết ở cao độ 25 cây số, nhiệt độ khí quyển là 40° và lên tới 300° ở gần mặt Kim-tinh. Từ 72 olo đến 90 olo bầu khí quyển của Kim-tinh là thán khí, có lẽ do núi lửa phun ra, phần còn lại là hơi nước, Oxy và Nitro. Áp lực không khí trên Kim-tinh cũng lớn hơn áp lực không khí ở trái đất những 15 lần. Từ trường của Kim-tinh rất yếu, chỉ bằng 1/300 từ - trường của trái đất và do đó chung quanh Kim-tinh không có những vòng đai phóng-xạ tương tự như trái đất.

Trong bầu không khí nóng hổi nặng nề và đầy thán khí đó không một sinh vật nào tương tự như sinh vật trên trái đất có thể sống nổi. Tuy nhiên, vài nhà khoa học cho rằng một vài loại vi-khuẩn chịu nóng có thể sống lơ lửng trên không gian hoặc trên đỉnh các ngọn núi cao trên Kim tinh.

Những khám phá sơ khởi của Venus 4 và Mariner 5 đã giúp các nhà khoa-học suy ra vài hiện-tượng thiên văn khác thường trên Kim-tinh. Lớp mây dày đặc trên Kim-tinh có đặc-tính phản-chiếu và phân tán ánh-sáng rất mạnh. Do đó, mặt

trời trên Kim-tinh chỉ có hình tròn vào giữa trưa. Vào buổi chiều và buổi sáng khi mặt trời ở dưới chân trời thì mặt trời kéo dài ra thành một dải sáng nằm dưới chân trời. Ánh sáng do mây phản chiếu khiến cho ban đêm trên Kim tinh cũng sáng mờ mờ chứ không tối đen như ở trái đất.

Đặc tính phản-chiếu của lớp mây dày đặc lại khiến một người đứng trên Kim tinh lúc nào cũng có cảm tưởng như đang đứng giữa một vùng lòng chảo khổng lồ mà phía trên là chân trời. Nếu nhìn vào một kính viễn-vọng thật tốt, lại có thể nhìn thấy cả phía sau gáy của mình hiện ra ở phía trước mặt.

Nhờ bầu khí quyển dày đặc nên phi thuyền Venus 4 đã có thể áp dụng những kỹ-thuật đáp xuống tương tự như khi một phi thuyền trở về trái đất. Sau khi lọt vào bầu khí quyển, Venus 4 đã ném ra

khởi phi thuyền phần chứa dụng cụ trước khi phi thuyền bị tiêu tan do sự cọ sát với bầu khí-quyển. Phần dụng cụ, được bảo vệ bằng lớp vỏ chịu nóng, tiếp tục lao xuống Kim-tinh. Tới cao độ 25 km thì một chiếc dù tự động tung ra và dụng-cụ được nhẹ nhàng đặt xuống mặt Kim-tinh với tốc độ 16 cây số / giờ.

Tuy nhiên, một sự rủi ro kỹ thuật đã làm lệch hướng cột ăng-ten khiến cho Venus 4 mất liên lạc vô-tuyến với trái đất ngay khi đáp xuống Kim-tinh. Do đó Venus 4 chỉ thu nhật tài-tiêu được có 90 phút trong khi đó Mariner 5 ghi nhận tài-liệu trong suốt 2 tiếng đồng hồ để chuyển về trái đất. Những tín-hiệu của Mariner 5 giúp các nhà khoa học tính được một cách chính-xác khoảng cách giữa trái đất và Kim-tinh lúc Mariner 5 bay qua là 79.311.155 km, 200.

NGỌC-VÂN

THỜI-SỰ VĂN-NGHỆ

Xứ sở của Djilas

Đối với giới văn nghệ, Nam tư là xứ nổi tiếng nhờ vụ án Djilas và vụ án Mihajlov.

Djilas mới đây có tâm sự với một người bạn thân rằng độ chừng hai mươi năm nữa thì tại Nam-tư-chủ nghĩa cộng-sản sẽ chỉ còn là một kỷ niệm lưu giữ trong các thư viện.

Vậy cuộc nổi loạn của ông đã thắng thế chăng? Sự thực thì sau vụ Mihajlov, văn nghệ sĩ ở Nam-tư được hưởng tự do rộng rãi. Họa sĩ tha hồ vẽ trừu tượng. (Ngay các bức vách trong tòa nhà Quốc hội cũng do một họa sĩ trừu tượng rang trí). Triết lý Heidegger được nghiên

cứu vô tội vạ (có cả một nhóm triết-gia chuyên nghiên cứu Heidegger) v.v...

Biến chuyển văn hóa ấy đi đôi với những biến chuyển khác trên các lãnh vực chính trị, kinh tế. Về kinh tế, người ta đề ý thấy gần đây xe hơi Tây Âu, thứ du lịch, xa xỉ, chạy đầy đường Belgrade: Mercedes, Fiat, Peugeot 404 v.v... Giới kinh doanh xây biệt thự, xuất ngoại để du lịch. Cán bộ nhà nước dần dần rút lui khỏi các xí nghiệp. Chế độ tư quản (autogestion) thịnh hành. Sản xuất thoát dần khỏi sự chỉ huy của kế hoạch, mà nhằm hướng cạnh tranh thương mại. Dân chúng càng ngày càng khá hơn, có

nhieu tiện nghi hơn, cuộc đời lên hương, dễ chịu.

Về chính trị, vai trò của Đảng lu mờ thu hẹp. Ngày 1-5 không có tổ chức phổ trương âm i như trước nữa. Mọi năm thế giới lao động vẫn được nghỉ cả ngày 2-5 để xả hơi, bù vào những mệt nhọc bận rộn trong ngày 1-5, vì chính quyền vẫn huy động mọi người đi diễn hành. Năm nay ngày 1, ngày 2-5, người ta đi bãi bãi, đi về quê nghỉ mát, một hoạt động chẳng có mấy chút ý nghĩa chính trị. Rankovit h vẫn được xem là kẻ vị Tito, Rankovitch chủ trương đường lối cứng rắn, tăng cường uy quyền đảng. Ông vừa bị thất thế, và đang làm nhảm cầu nhàu, bắt bớ trong các quán cà phê ở Belgrade.

Trước, một kẻ «kẻ vị» là Djilas hô hào nói rộng tự do, liền bị gạt bỏ. Sau này một kẻ «kẻ vị» nữa là Rankovitch hô hào bớt tự do : lại bị gạt bỏ. Đi quá Tito một bước hay lùi sau Tito một bước đều nguy hiểm ? Tito muốn làm theo ý mình, và dân Nam Tư tin ông, nghe theo ông. Nhưng năm nay ông ta đã 75 tuổi, ai biết sau khi ông ngã xuống sự thế sẽ ra sao. Cũng như sau cái chết của Staline, cả một bất ngờ vẫn chờ đợi sau cái chết của Mao Trạch Đông, Hồ chí Minh, Tito v.v... Ở những xứ mà chính quyền đã thuộc về «toàn thể nhân dân» thì mỗi nhà lãnh đạo mở một kỷ nguyên. Vai trò của cá nhân ở đó không có nghĩa lý gì cả : chỉ là vai trò định đoạt vận mệnh của «toàn thể nhân dân». Thế thôi.

Xe buýt cho sách

Ở Anh, hạng trung niên, cứ một trăm người có 28 kẻ đến thư viện. Ở Mỹ trong một trăm có 20 kẻ lai vãng đến phòng sách. Tại Pháp chỉ có 6 kẻ.

Pháp lấy thế làm lo. Nhiều chiến dịch được mở, nhằm tấn công giới lười đọc. Thành phố Tours được chọn làm một thí điểm. Trong các sáng kiến hãy đề ý đến sáng kiến dùng xe chở sách đến từng nhà, khắp thành phố xóm làng. Xe ấy gọi là *bibliobus*. Người không chịu đến với sách thì sách đến với người vậy. Đến rồi, xe phát thanh kêu gọi, người đến, được mời lên xe, chọn lựa, hỏi mượn. Ba tuần lễ sau, *bibliobus* lại trở lại, đổi sách mới.

Âu-châu đang ức

Quyển *Le défi américain* của Jean Jacques Servan - Schreiber hiện là cuốn sách bán chạy nhất ở Pháp, sau cuốn *Antimémoires*. Cuốn *Le défi* mới ra sau, không biết nay mai nó có vọt lên hàng đầu chẳng. Theo lời nhà xuất bản, trong cùng 15 ngày, bán được 70.000 cuốn. Như thế đủ biết giới thức giả tại đây đang ức với Mỹ đến bức nào. Kinh tế gia như Jean Fourastié, chính trị gia như Gaston Defferre khoái quá, kêu rằng đọc *Le défi* y hệt như là đọc tiểu thuyết. Raymond Cartier thì cho đọc *Le défi* như là một cuộc tâm giao trí khôn, và ông khoe là đã tâm giao lại mấy lần trong đó.

Sự nô nức ấy có thể coi như là một thái độ cau đảm bắt lời thách đố chứ ? Françoise Giroud lại thuật câu nói của một nhà bác học Đức : « Âu Châu là xứ sở của dĩ vãng tôi » và bà thêm một cách mỉa mai, bi quan : Còn Mỹ Châu là xứ sở của tương lai tôi đó.

Thân phận trí-thức

David Caute, trong cuốn *Le Communisme et les Intellectuels français* trình bày liên quan giữa đảng Cộng sản và giới trí thức Pháp trong nửa thế kỷ qua, từ 1914 đến 1966. Nào là chuyện Aragon, Sartre chuyện Vaillant-Couturier, Gide nào là

chuyện Laurent Casanova v. v..., khi khẳng khái nồng nàn, lúc giận dữ hăm hè, đủ cả mọi chuyện.

Đọc xong sách ấy Jean François Revel sức nhớ đến tư tưởng cao siêu của Vauvenargues. "Tất cả những gì làm cho chúng ta kiêu hãnh đều căn cứ vào cái văn hóa — mà chúng ta khinh bỉ." Sách ấy cũng làm nảy ra trong trí J. F. Revel một tư tưởng khác: Nước Pháp là cái nước mà trí thức có uy tín lớn lao nhất nhưng uy quyền nhỏ bé nhất, là nơi có nhiều kẻ hoài hán ý kiến của trí thức nhất nhưng ít kẻ noi theo ý kiến của họ nhất, là nơi mà tổ chức chính trị nào cũng thấy cần phải lôi kéo cho được trí thức, đồng thời lại nhận thấy rằng sự chống đối của trí thức là không thể chấp nhận.

Di nhiên tư tưởng ấy của J. F. Revel không nhằm đề cao nước Pháp mà cũng không nhằm đề cao trí thức. Còn đối với đảng Cộng sản, rõ ràng đó là thứ tư tưởng "không thể chấp nhận".

Cơ-cấu

Phong trào Cơ cấu ở Pháp nở tung như pháo bông. Bây giờ ai nấy đều nói tới lý thuyết cơ-cấu, văn chương cơ cấu, khoa học cơ cấu, xã hội học theo thuyết cơ cấu... Có những vị từ trước đến nay vẫn viết văn nghiên cứu không có vẻ gì cơ cấu cả, bỗng dưng một sớm một chiều cũng biến ra những nhà cơ-cấu học, tự xưng cơ-cấu học. Nhà xuất bản Le Seuil tung ra hết cuốn này tới cuốn khác những sách về cơ-cấu (bản thảo nhận vào còn nhiều hơn, di nhiên). Hầu hết các tạp chí đều có số đặc-biệt về lý-thuyết cơ-cấu. Lại có những tiệm sách chuyên môn chỉ bán sách... cơ-cấu mà thôi, như một đôi hiệu nọ ở đường Odéon.

Cơ-cấu đề bệp tuyệt hết. Đề bệp chủ nghĩa Mác-xít của Mác, đề bệp chủ

nghĩa hiện sinh của Sartre. Nhưng ai là người sáng lập ra cái chủ thuyết quá quắt ấy? Saussure chẳng? Foucault chẳng? Lévi-Strauss chẳng? Có kẻ nghị h ngợm còn mách rằng đó chính là Sartre, cứ đọc *Critique de la raison dialectique* thì thấy ngay trong ấy đã có phân tích theo quan niệm cơ cấu. Kẻ đề bệp Sartre không ai khác hơn là Sartre, đó là ý kiến của Jean Pouillon.

Nhưng, lắm kẻ không tin, tiếp tục tìm kiếm vị tổ sư của cơ-cấu học. Gombrowicz liền bảo: Khỏi. Không cần tìm kiếm đâu xa. Tổ sư, chính tôi đây.

Tư tưởng khiêm tốn ấy phát biểu trên tạp chí *La quinzaine littéraire*. Còn tư tưởng tôn Sartre làm tổ sư thì lại đăng trên tạp chí *Les temps modernes* của... J. P. Sartre!

Đại khái phong trào cơ cấu sôi nổi và kỳ lạ như thế. Chúng ta vừa nói phong trào nở như pháo bông, Nhà văn Lacan (cũng trong giới cơ cấu học) thì cho rằng nó nở như hoa hồng. Thế cũng không sao. Chỉ tiếc Lacan còn tiếp: rồi nó sẽ tàn như hoa hồng (*Le structuralisme durera ce que durent les roses*).

Phảng phất như lời một thi sĩ xưa kia khóc một khách má hồng.

Rồi coi lời sinh tế ấy ứng nghiệm ra sao.

Nhà văn và tổ quốc

Nhà văn Arrabal ở Tây Ban Nha bị chính quyền kết án mười hai năm sáu tháng về tội phỉ báng tổ quốc. Nhiều văn sĩ các nước mong có thể góp một số tiền để bảo lãnh cho Arrabal được ra khỏi nhà tù. Bởi vì Arrabal bị lao phổi, e khôn chịu nổi cảnh giam cầm.

Trường hợp của Arrabal đáng đề cho những nghệ sĩ nông nghênh chịu khó ngẫm nghĩ. Ông xuất bản sách, hươ

bút đề tặng bạn bè. Không biết cao hứng thế nào, nhà văn đi một đường hơi quá trớn : «Tôi đêch cần Chúa, đêch cần Tổ quốc và mọi thứ trên đời.»

Nhưng chỉ có vậy đủ thành tù tội ?

Có lẽ ở trong còn lắm điều rắc rối hơn. Dầu sao cái câu ngông ấy đã cung cấp thêm một chứng cứ cho nhà cầm quyền.

TRÀNG-THIÊN

Kỷ niệm đệ nhị chu niên ngày thành lập đoàn NGUỒN-SỐNG

Tên đầy đủ của đoàn là :

Đoàn Văn nghệ Thanh Niên, Sinh viên, Học sinh NGUỒN-SỐNG.

Đề kỷ niệm năm thứ nhì ngày thành lập, Đoàn có tổ chức một đêm lửa trại cho đoàn viên, rồi mở một phòng triển lãm Hội họa ngày 4-11-67 tại trụ sở hội «Họa sĩ trẻ», số 90B, đường Lê-Thánh-Tôn, Sài-gòn và tổ chức hai đêm văn nghệ, tại rạp Thống-nhất, tối thứ bảy 4 và tối chủ nhật 5-11-67; đêm trước cho anh chị em đoàn viên và những người ân nhân của Đoàn đêm sau đề cho quan khách cùng một chương trình, lấy tên là «Chương trình tiếng hát tự lòng đất». (Đêm sau này được Phó Tổng Thống chủ tọa).

Phòng Triển lãm Hội họa khai mạc lúc 9 giờ ngày 4-11-67 và buổi lễ đặt dưới quyền chủ tọa của thiếu tướng Tổng ủy viên bộ Thông tin Chiêu hồi. Ông Tổng ủy viên đã chăm chú xem các họa phẩm triển lãm của đoàn viên, ân cần hỏi han và đã mua năm bức ưng í.

Nhưng cái «đỉnh» của lễ kỷ niệm là đêm Văn nghệ với một chương trình phong phú.

Sau phần giới thiệu mở màn : giới thiệu đoàn trưởng nhiệm khóa 1967-68, giới thiệu ban Điều hành nhiệm khóa 1967-68, giới thiệu đoàn ca Nguồn-sống, đến phần Văn nghệ then chốt.

Nó gồm ba tiết mục : Dân ca và Quốc nhạc, Hợp xướng và Văn nghệ tạp diễn

Người nghe — nhất là những ai trên dưới bốn mươi, mà tuổi trẻ được ru bằng những điệu lí câu hò, được kích thích bằng những Đêm Mê-linh, những Hội nghị Diên-hồng — bồi hồi tưởng nhớ, và tưởng mình đang độ đôi tám cái xuân xanh ! Hồn Đất Nước dường bằng bạc đầu đây và tình Dân tộc đậm đà thấm thía. Và í nghĩa hai câu biểu ngữ giăng hai bên mặt tiền sân khấu càng nổi bật :

* Văn hóa là nguồn sống của Dân tộc.

* Hãy hãnh diện về lịch sử oai hùng của Dân tộc.

Tiết mục Đàn ca và Quốc nhạc gồm có : Khổng-Minh tọa lâu (lò tẩu) Se chỉ luân kim (song ca), Con gà rừng (đơn ca), Hát Dao duyên (hoạt cảnh), Lí Mội (11

qua đèo, đờn ca) *Lý Giang nam* (tam ca), *Lí Nam xang* (đờn ca), *Hát ru em* (hoạt cảnh), *Lí Qua kêu* (đờn ca), *Con sáo sậu* (đờn ca), *Hồ lơ* (đờn ca phụ họa.)

Đến tiết mục Hợp xướng, khán giả được thưởng thức tuyệt phẩm *Hồn vọng phu* (1) Của Lê Thương, do Nghiêm Phú Phi hòa âm và Nghiêm Phú Phát điều khiển. Trên bốn mươi đoàn viên nam nữ, với đồng phục trang nghiêm và tươi mát, được tập dượt thuần thục, đã hết tâm hồn mình đặt đũa bằng tiếng đờn giọng hát nỗi sầu của người chinh phụ, nỗi buồn của kẻ chinh phu.

“Cuối thu năm Mậu Tý, tướng quân mang kiếm về”

Âm thanh, rồi đến màu, sắc, bóng, hình.

Tiết mục Văn nghệ tập diễn hiển người xem nghe những bản ca tân nhạc và những màn vũ gọi tình quê — quê đây là đất Bắc xa xôi và đang chìm trong lửa đạn, vì đa số đoàn viên Nguồn-sống là người di cư — và hồn nước với vũ *Trần thủ lưu đồn*, vũ *Đêm Mê linh* *Mặt nạ*, và nhất là hoạt cảnh *Hội nghị Diên-Hồng*.

Phải có mặt tại chỗ để nghe những điệu hò giọng hát tiếng đàn của dân ca, của quốc nhạc, để thấy những y phục thời xưa hay thời nay, ở Bắc, những điệu múa dân gian, những ánh đuốc bập bùng, những nữ quân cung tên sắp bật, hai bà Trưng với những đường kiếm khi uy nghi hùng dũng khi là lướt nhẹ mềm, những bộ lão chống gậy hay nằm yong ai lên đường khi vờng hồng... “kia vờng hồng, tràn lan trên đỉnh núi, ôi *Thăng long!*”, và một cái loa từ nhỏ lớn lên dần “Nào người hào hùng, nên hòa hay chiến?”

Tôi nghe đâu ở đây ghé phía sau: “Chiến hoài chẳng đi đến đâu, thì hòa đi cho nó khoẻ bọn trẻ mình!”

oOo

Đây là lần đầu tiên người viết bài này may dự một buổi sinh hoạt công khai của đoàn Văn nghệ trẻ trung và dễ mến này. Và tôi có cảm tình ngay với *Nguồn-sống*. Cho nên tôi thấy có bổn phận tìm hiểu đoàn thêm để giới thiệu kĩ càng hơn cho bạn đọc được rõ. Sau đây, là những gì tôi thu nhặt được.

Đoàn Văn nghệ Thanh niên, Sinh viên, Học sinh *Nguồn-sống* ra mắt đồ g hào ngày 3-11-1965, tại thính đường trường Quốc gia Âm nhạc và Kịch-nghệ Sài-gòn. Đoàn ra đời được là do một số sinh viên học sinh — phần đông là di cư — hăng hái và yêu thích các hoạt động Văn hóa và tha thiết với quê hương đất nước.

Mục đích của đoàn là kết hợp các Thanh niên, Sinh viên, Học sinh yêu mến quê cha đất tổ về kiêu hãnh về lịch sử oai hùng của Dân tộc, duy trì và phát huy Văn hóa Dân tộc.

Đoàn có những sinh hoạt sau đây: tổ chức các buổi trình diễn, sinh hoạt tập thể, nghị luận, diễn thuyết, thực hiện chương trình “*Tiếng hát tự lòng đất*” hai tuần một lần vào 21g30ph. ngày thứ ba trên hệ thống đài phát thanh Sài-gòn; thực hiện chương trình Vô tuyến truyền hình; ấn hành báo nguyệt san *Lạc-Việt* — tiếng nói của những người trẻ tha thiết với Quê hương; tổ chức triển lãm tranh ảnh. Và sau hai năm thành lập, Đoàn đã có những hoạt động sau đây: tổ chức trên hai chục buổi trình diễn dân ca, quốc nhạc, vũ dân tộc, kịch, tại Sài-gòn và các tỉnh; các buổi nói chuyện tại các trường Trung học, Đại học và ở các tỉnh; tổ chức các hội Tết, hội mùa Trăng, giỗ tổ Hùng-Vương...; tổ chức triển lãm tranh chủ đề QUÊ HƯƠNG, cứu trợ nạn nhân bão lụt miền Tây; lưu diễn tại Thái-lan và Ai-lao trong chương trình trao đổi văn hóa; tổ chức các trại sinh hoạt, học tập và công tác.

Trụ sở của đoàn ở trong khuôn viên trường Đại-học Văn khoa cũ, đường Lê-Thánh-Tôn tức khóm lớn Sài-gòn thuở trước). Đoàn có trên 300 đoàn viên, và nữ nhiều hơn nam!

NGÊ-BÁ-LÍ

(1) *Hồn vọng phu*, Ai xuôi vạn lý, khi người chinh phu trở về